

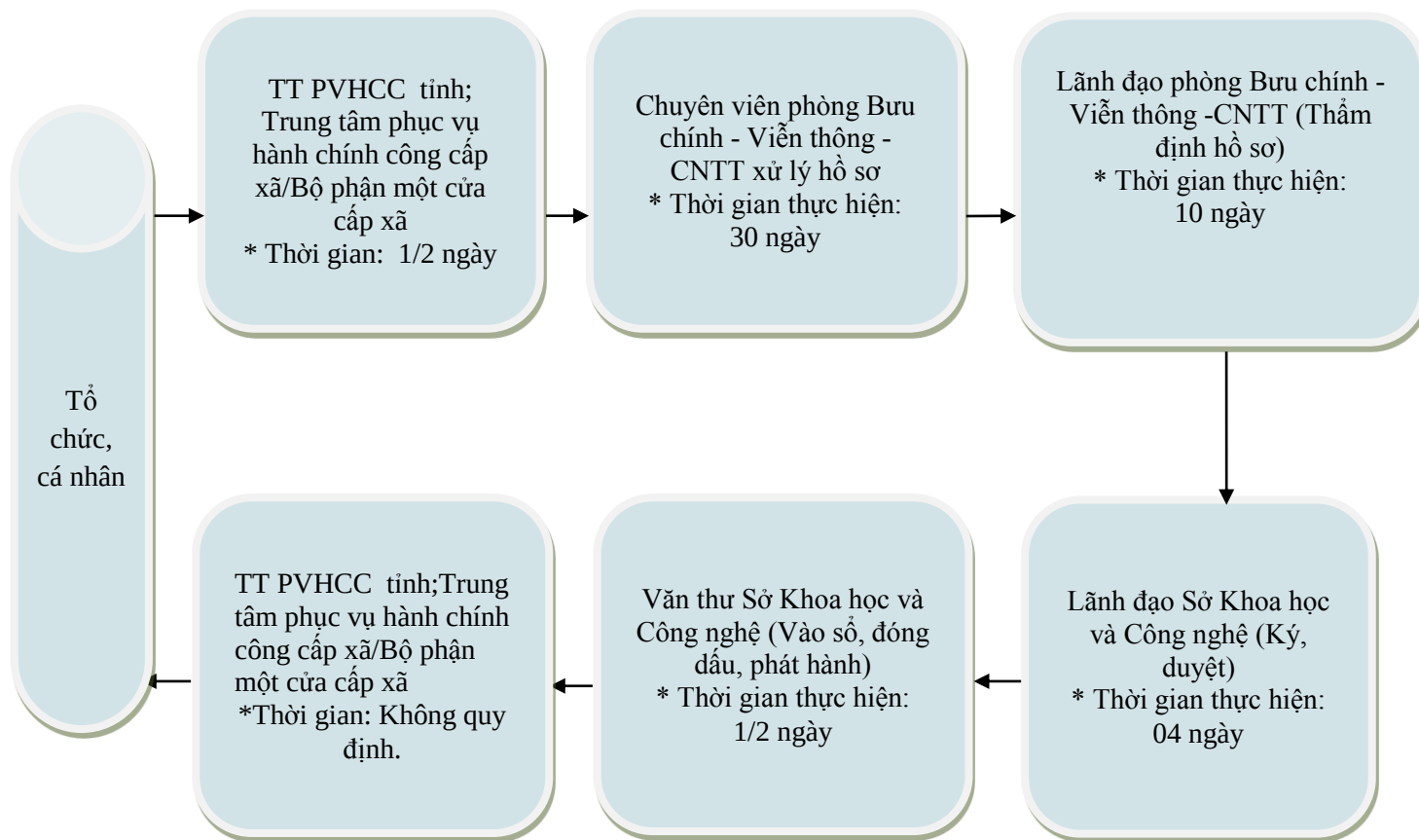
Phụ lục
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Tên TTHC	Quy trình nội bộ giải quyết TTHC
I	LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET (24 TTHC)	
1	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương Thời hạn giải quyết: Bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. Mã TTHC: 1.013819.H35	<pre>graph LR; A[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: 1/2 ngày] --> B[Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 30 ngày]; B --> C[Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông -CNTT (Thẩm định hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 10 ngày]; C --> D[Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 04 ngày]; D --> E[Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày]; E --> F[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: Không quy định.]; F --> G[Tổ chức, cá nhân]; G --> A;</pre> The flowchart illustrates the internal decision-making process for the TTHC 'Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông...'. It begins with the TT PVHCC tỉnh (Provincial People's Representative Council) and the Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã (Provincial Center for Public Service or Provincial One-stop Service Window) receiving the application. The process then moves to the Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Postal, Telecommunications, and Information Technology Specialist) for initial processing. This is followed by the Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông -CNTT (Postal, Telecommunications, and Information Technology Department Leader) for review and approval. The process then moves to the Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Science and Technology Department Leader) for signing and approval. This is followed by the Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Science and Technology Department Secretariat) for registration, stamping, and issuance. The process then moves back to the TT PVHCC tỉnh and the Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã for final processing and issuance. The process concludes with the Tổ chức, cá nhân (Organization, individual) receiving the service.

2

Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

- **Thời hạn giải quyết:** Bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Mã TTHC: 1.013877.H35



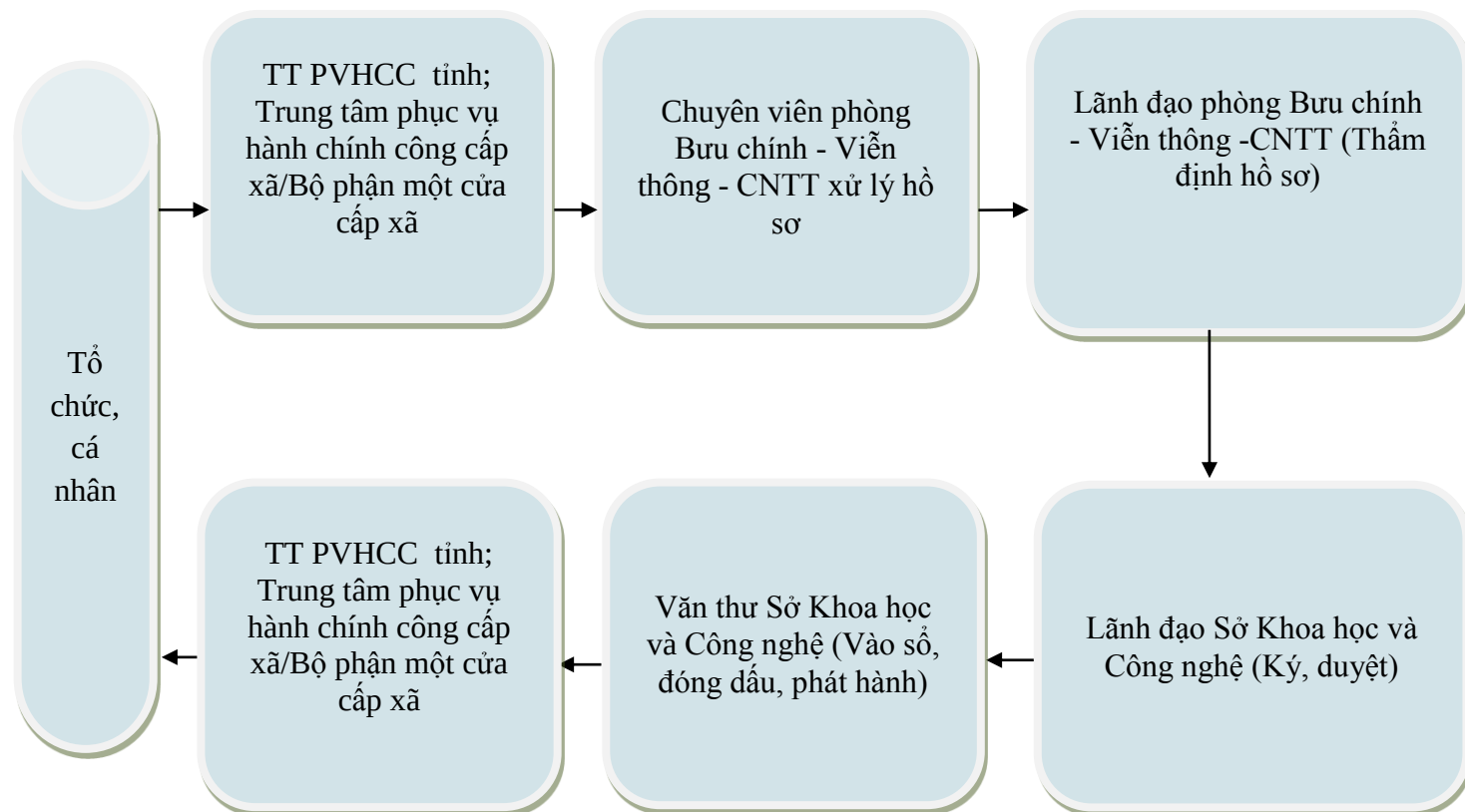
3

Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông.

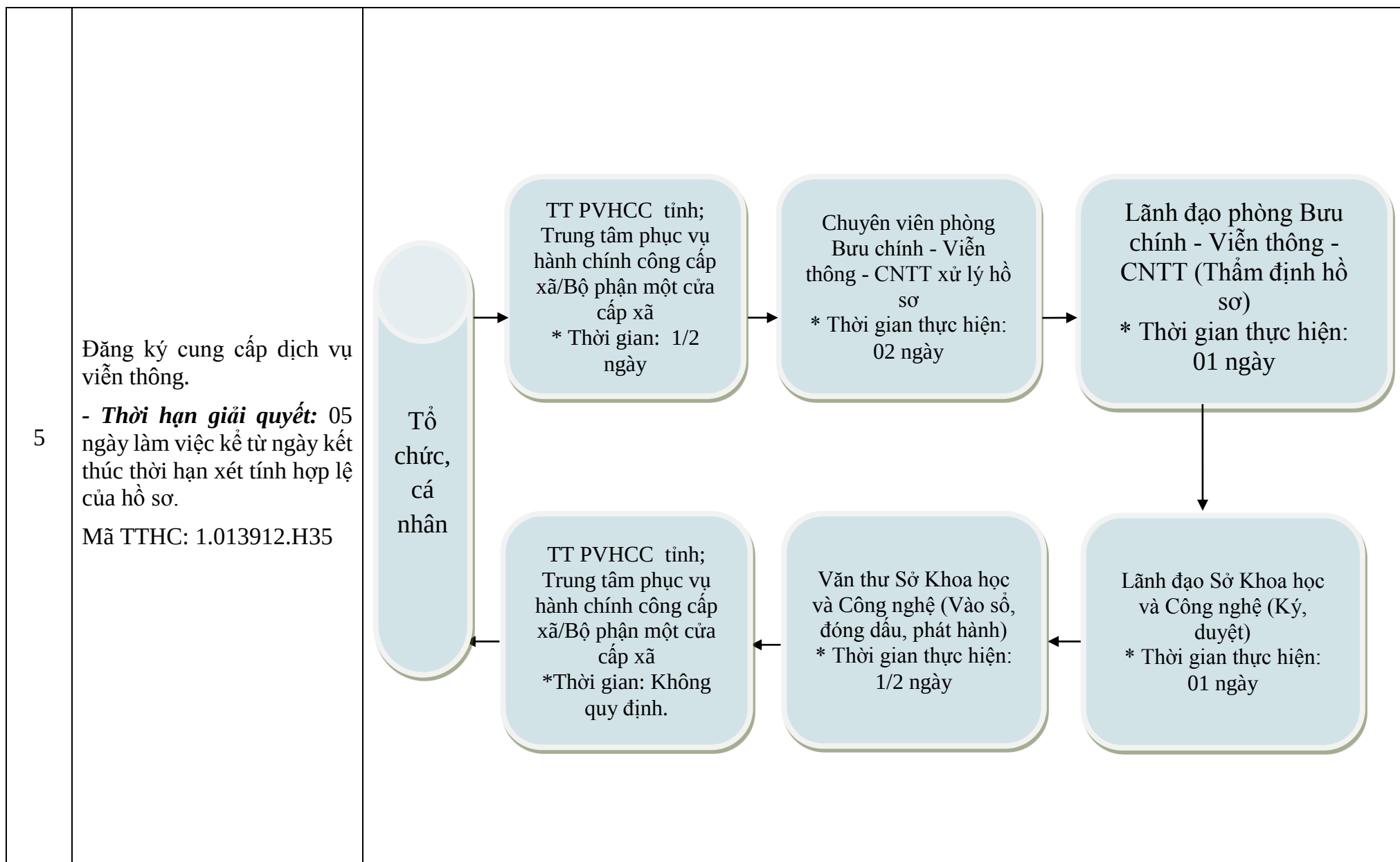
- **Thời hạn giải quyết:**

Không có

Mã TTHC: 1.013885.H35



4	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông. - Thời hạn giải quyết: Không có Mã TTHC: 1.013888.H35	<pre> graph LR A[Tổ chức, cá nhân] --> B[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã] B --> C[Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ] C --> D[Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ)] D --> E[Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt)] E --> F[Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành)] F --> G[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã] G --> A </pre> The flowchart illustrates the process of terminating telecommunications services. It begins with the 'Tổ chức, cá nhân' (Organization, individual) submitting a request to the 'TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã' (Provincial TT PVHCC; Provincial-level service center for administrative services/One-stop service department). The request is then processed by the 'Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ' (Staff of the Postal, Telecommunications, and IT Department processing the dossier). The dossier is then reviewed by the 'Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ)' (Leadership of the Postal, Telecommunications, and IT Department (Dossier Review)). The process continues to the 'Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt)' (Leadership of the Science and Technology Department (Sign, Approve)), followed by the 'Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành)' (Science and Technology Department Secretariat (Filing, Stamping, Issuance)). Finally, the processed dossier is returned to the 'TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã' (Provincial TT PVHCC; Provincial-level service center for administrative services/One-stop service department), which then informs the 'Tổ chức, cá nhân' (Organization, individual).
---	---	--

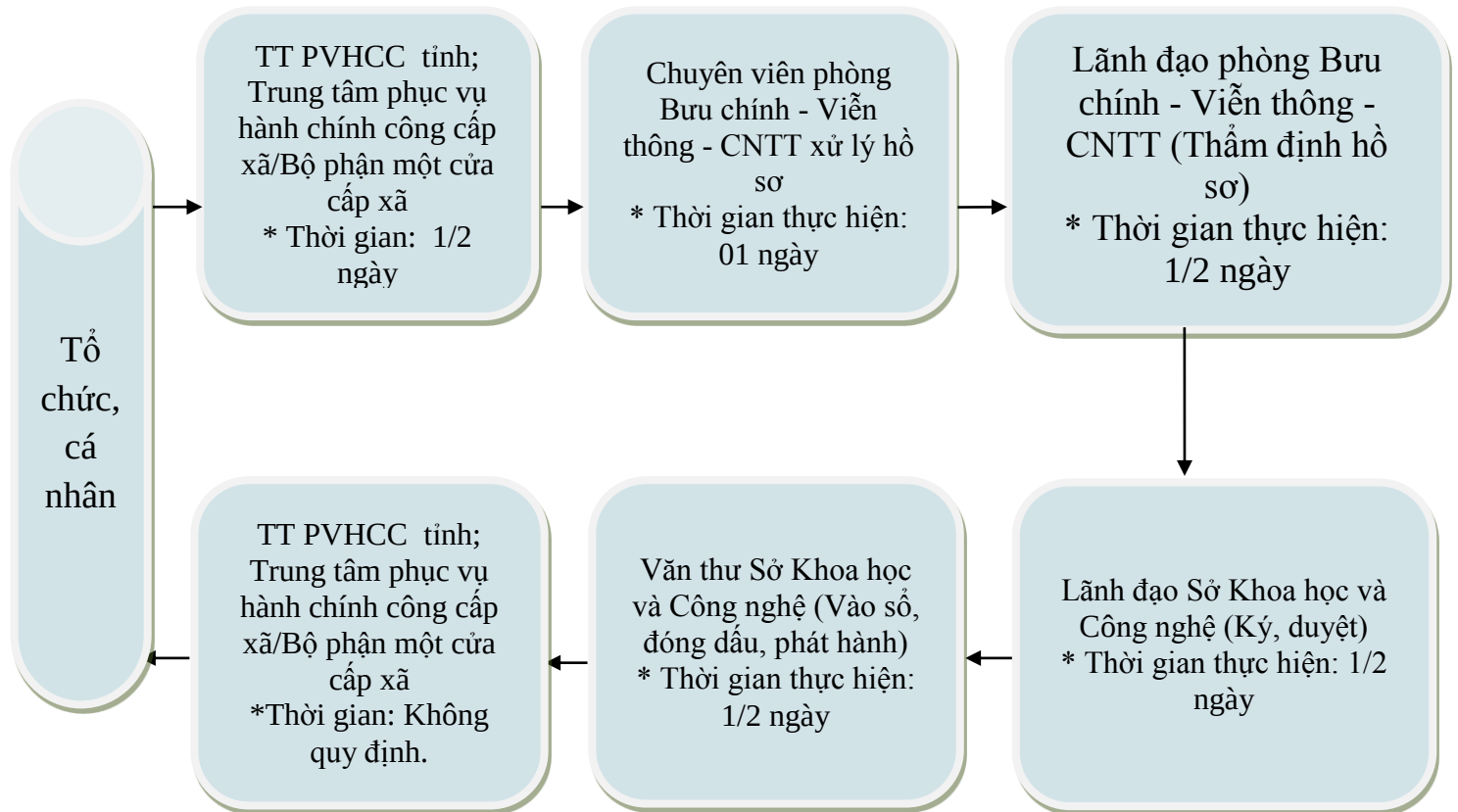


6

Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị.

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Mã TTHC: 1.013897.H35



7

Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC: 1.013899.H35

Tổ chức, cá nhân

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã
* Thời gian: 1/2 ngày

Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ
* Thời gian thực hiện: 10 ngày

Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ)
* Thời gian thực hiện: 03 ngày

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã
* Thời gian: Không quy định.

Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành)
* Thời gian thực hiện: 1/2 ngày

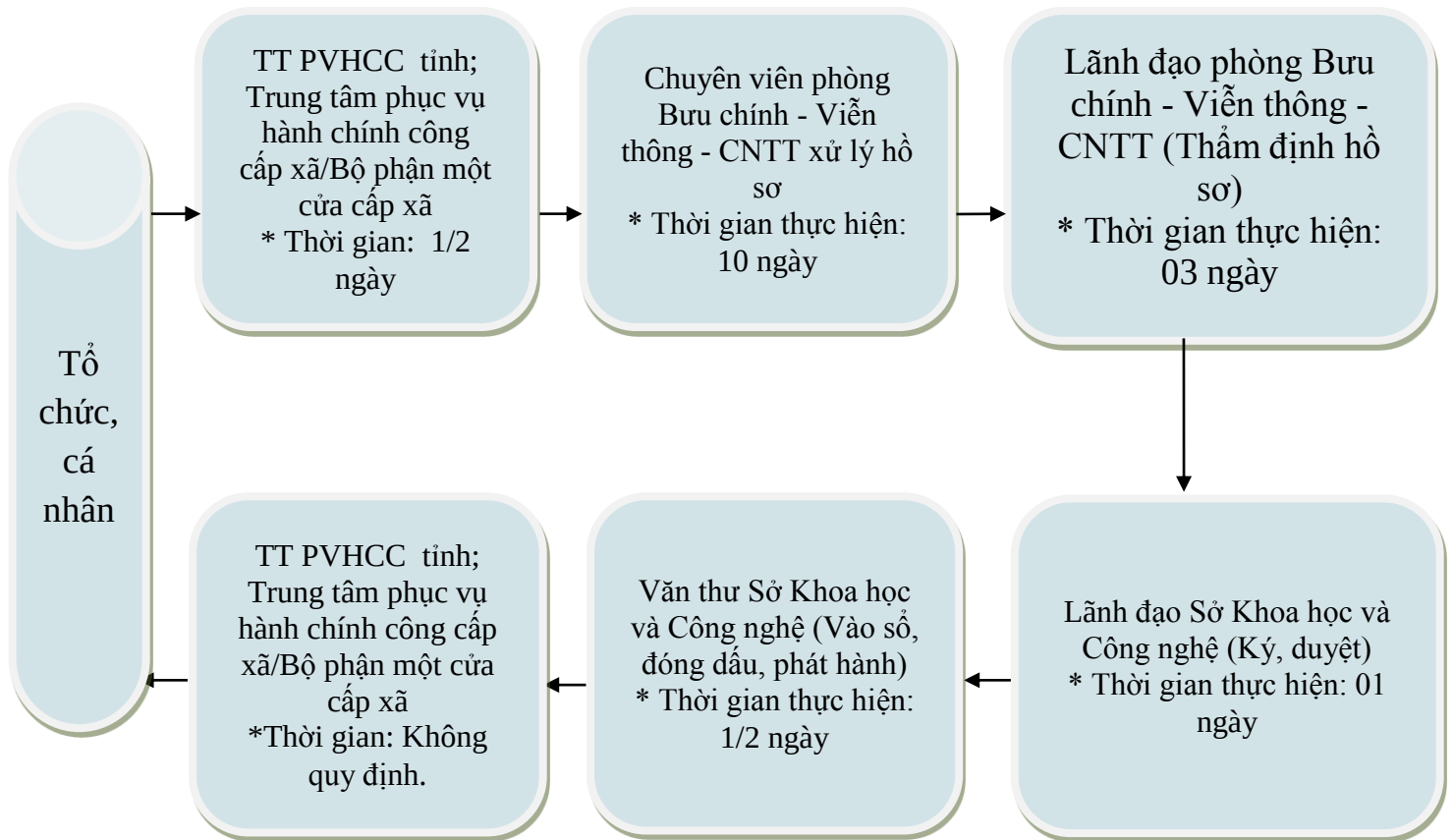
Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt)
* Thời gian thực hiện: 01 ngày

8

Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ

Mã TTHC: 1.013900.H35



9

Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC: 1.013901.H35

Tổ
chức,
cá
nhân

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ
hành chính công cấp
xã/Bộ phận một cửa
cấp xã
* Thời gian: 1/2
ngày

Chuyên viên phòng
Bưu chính - Viễn
thông - CNTT xử lý hồ
sơ
* Thời gian thực hiện:
10 ngày

Lãnh đạo phòng Bưu
chính - Viễn thông -
CNTT (Thẩm định hồ
sơ)
* Thời gian thực hiện:
03 ngày

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ
hành chính công cấp
xã/Bộ phận một cửa
cấp xã
* Thời gian: Không
quy định.

Văn thư Sở Khoa học
và Công nghệ (Vào sổ,
đóng dấu, phát hành)
* Thời gian thực hiện:
1/2 ngày

Lãnh đạo Sở Khoa học và
Công nghệ (Ký, duyệt)
* Thời gian thực hiện: 01
ngày

10	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. Mã TTHC: 1.013902.H35	<pre> graph LR A[Tổ chức, cá nhân] --> B[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: 1/2 ngày] B --> C[Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 10 ngày] C --> D[Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 03 ngày] D --> E[Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày] E --> F[Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày] F --> G[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: Không quy định.] G --> A </pre>
----	--	--

11	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. Mã TTHC: 1.013903.H35	<pre> graph TD A[Tổ chức, cá nhân] --> B[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: 1/2 ngày] B --> C[Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 10 ngày] C --> D[Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 03 ngày] D --> E[Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày] E --> F[Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày] F --> G[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: Không quy định.] G --> A </pre>
----	--	--

12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. Mã TTHC: 1.013904.H35	<pre> graph LR A[Tổ chức, cá nhân] --> B[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: 1/2 ngày] B --> C[Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 10 ngày] C --> D[Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 03 ngày] D --> E[Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày] E --> F[Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày] F --> G[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: Không quy định.] G --> A </pre>
----	--	--

13	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. Mã TTHC: 1.013905.H35	<pre> graph LR A[Tổ chức, cá nhân] --> B[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: 1/2 ngày] B --> C[Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 10 ngày] C --> D[Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 03 ngày] D --> E[Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày] E --> F[Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày] F --> G[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: Không quy định.] G --> A </pre> Tổ chức, cá nhân TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: 1/2 ngày Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 10 ngày Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 03 ngày Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: Không quy định.
----	--	--

14

Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC: 1.013906.H35

Tổ
chức,
cá
nhân

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ
hành chính công cấp
xã/Bộ phận một cửa
cấp xã
* Thời gian: 1/2
ngày

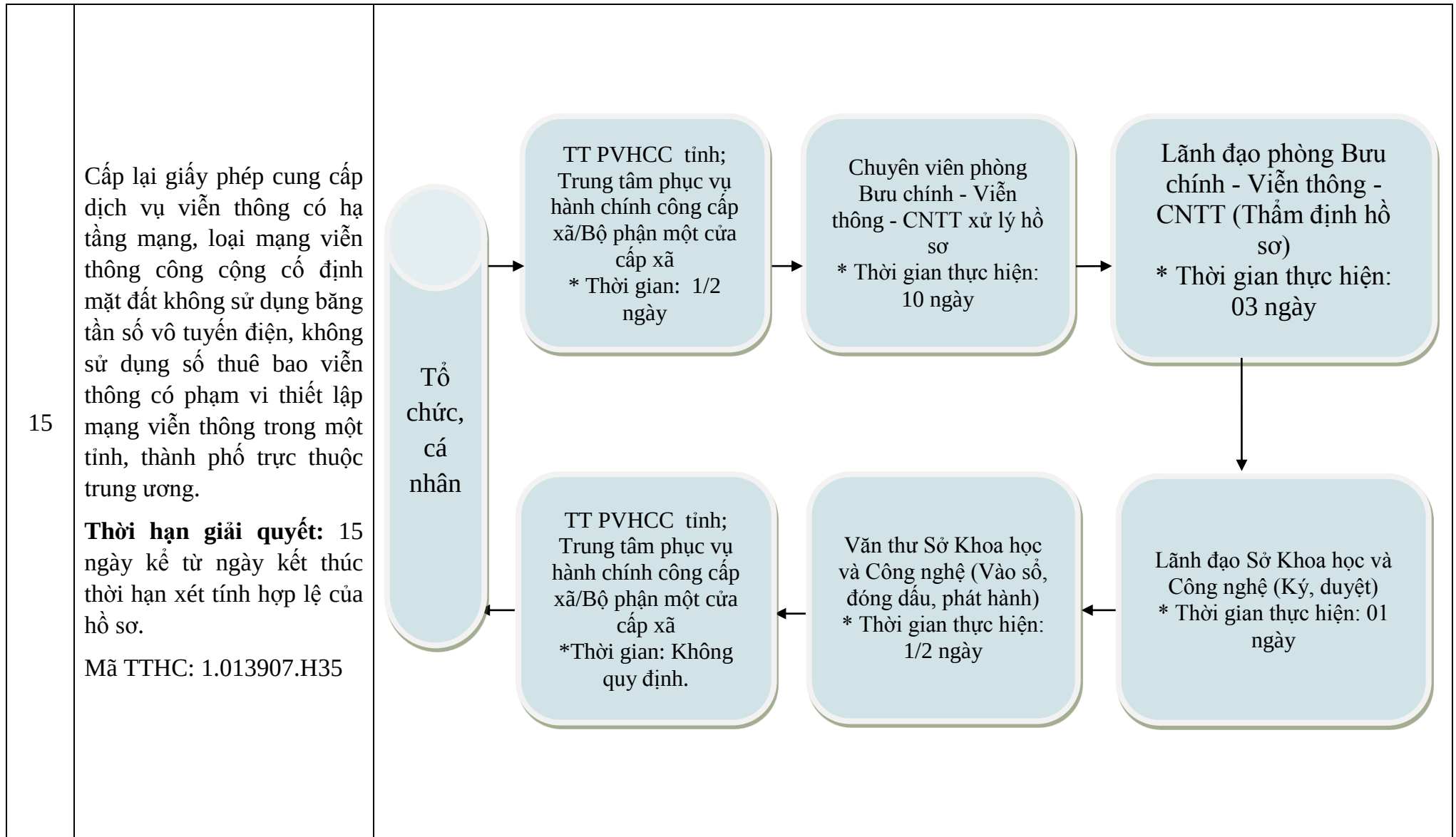
Chuyên viên phòng
Bưu chính - Viễn
thông - CNTT xử lý hồ
sơ
* Thời gian thực hiện:
10 ngày

Lãnh đạo phòng Bưu
chính - Viễn thông -
CNTT (Thẩm định hồ
sơ)
* Thời gian thực hiện:
03 ngày

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ
hành chính công cấp
xã/Bộ phận một cửa
cấp xã
* Thời gian: Không
quy định.

Văn thư Sở Khoa học
và Công nghệ (Vào sổ,
đóng dấu, phát hành)
* Thời gian thực hiện:
1/2 ngày

Lãnh đạo Sở Khoa học và
Công nghệ (Ký, duyệt)
* Thời gian thực hiện: 01
ngày



16

Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất(dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ

Mã TTHC: 1.013976.H35

Tổ chức, cá nhân

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã
* Thời gian: 1/2 ngày

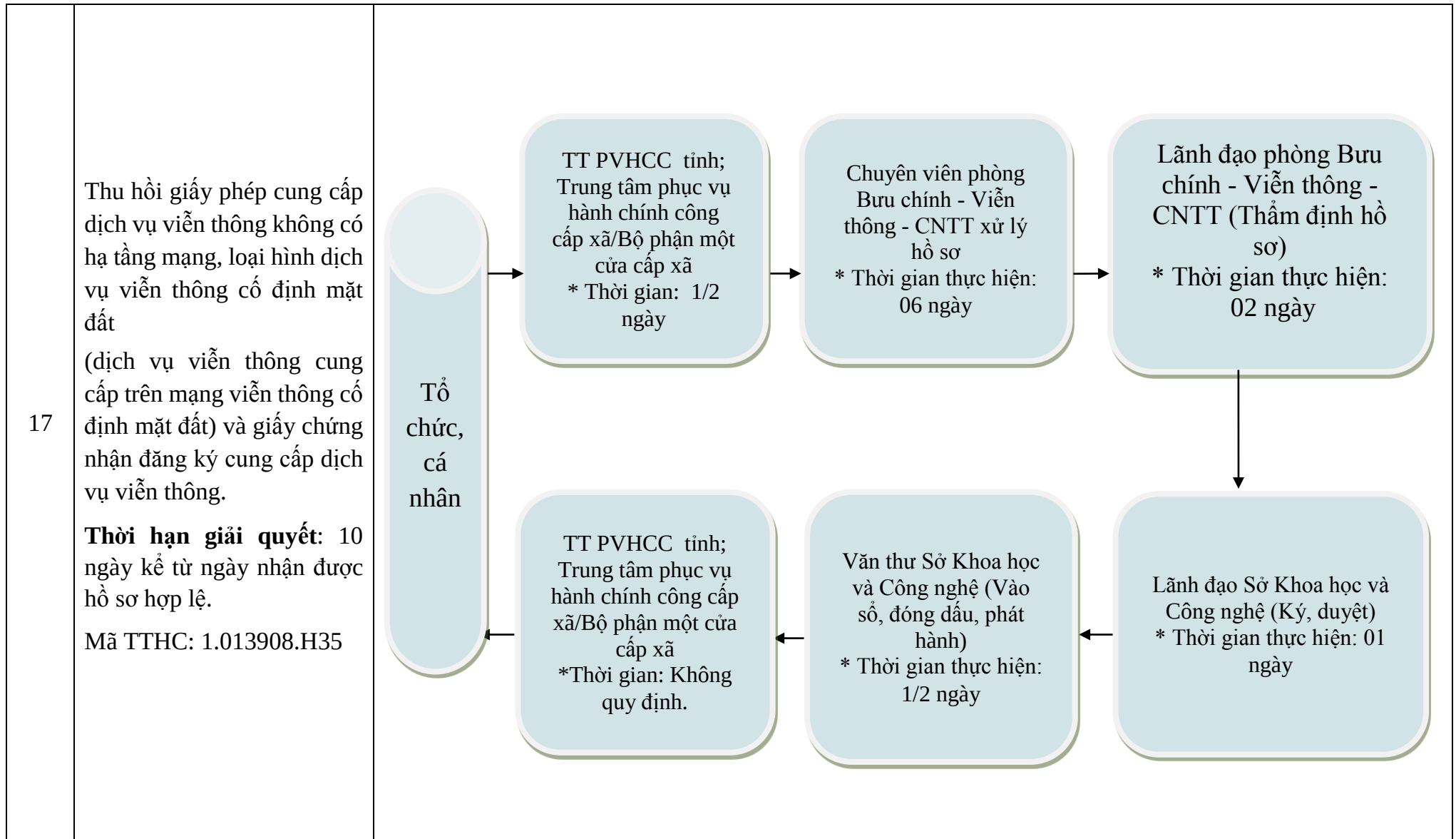
Chuyên viên phòng
Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ
* Thời gian thực hiện: 10 ngày

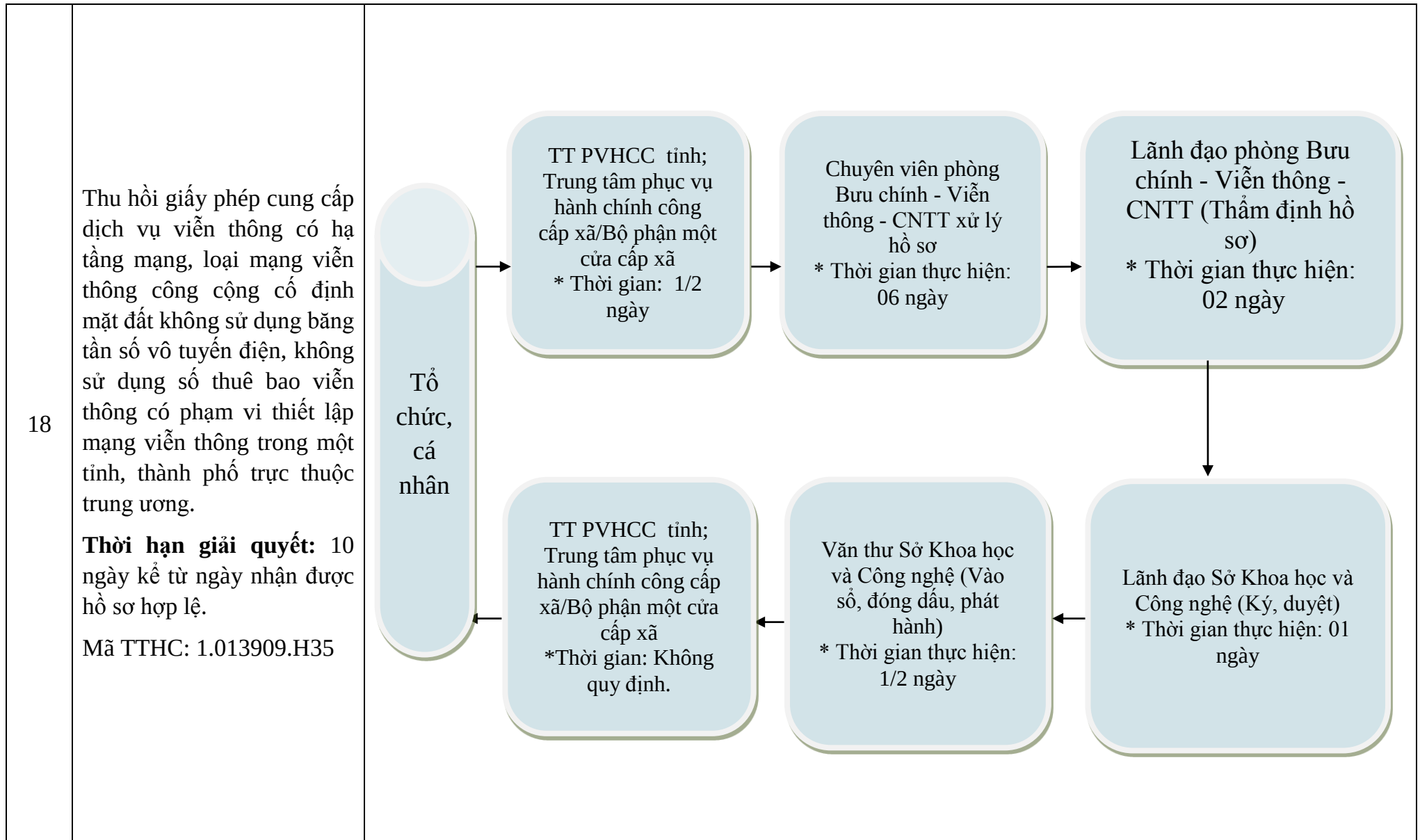
Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ)
* Thời gian thực hiện: 03 ngày

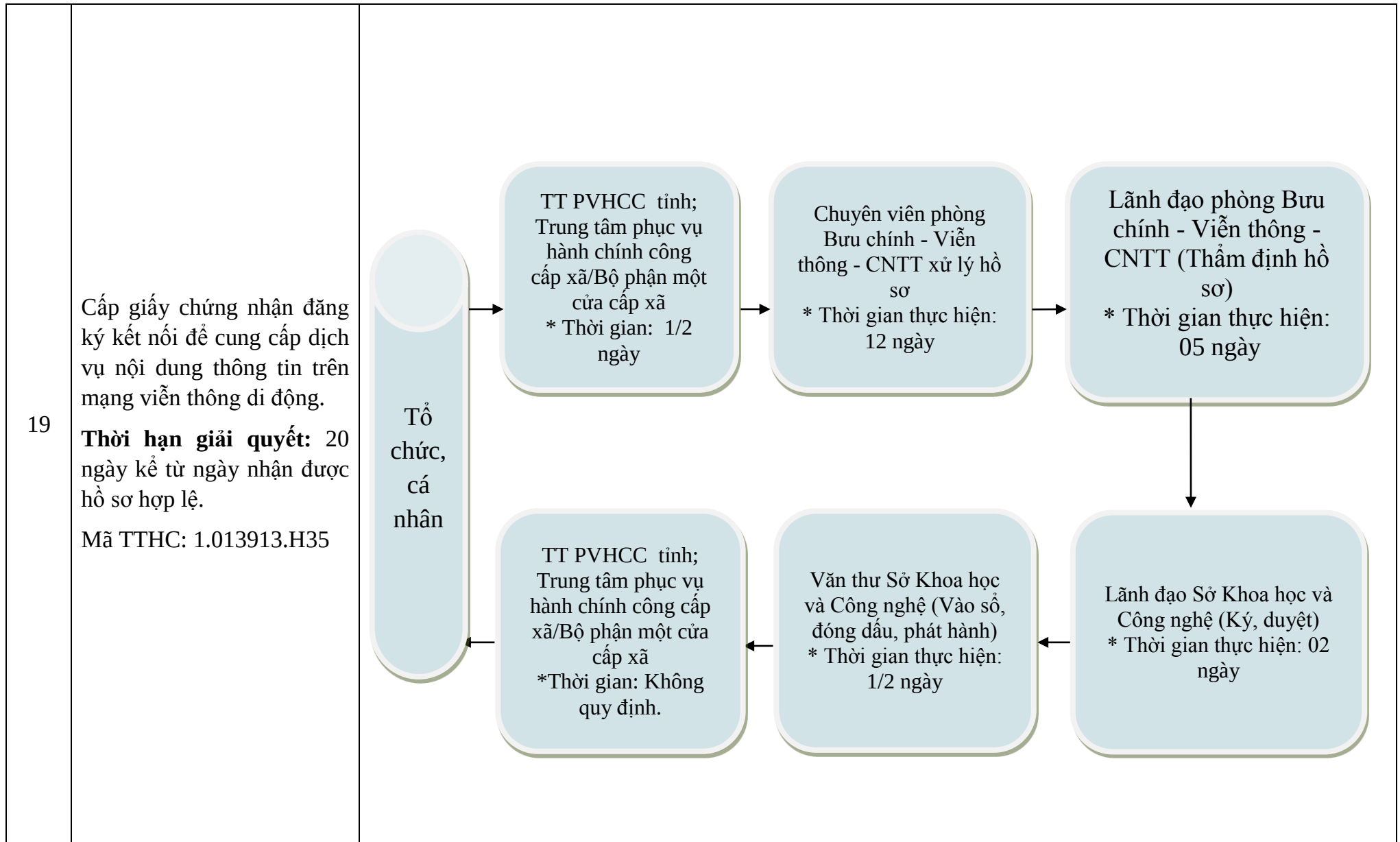
TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã
*Thời gian: Không quy định.

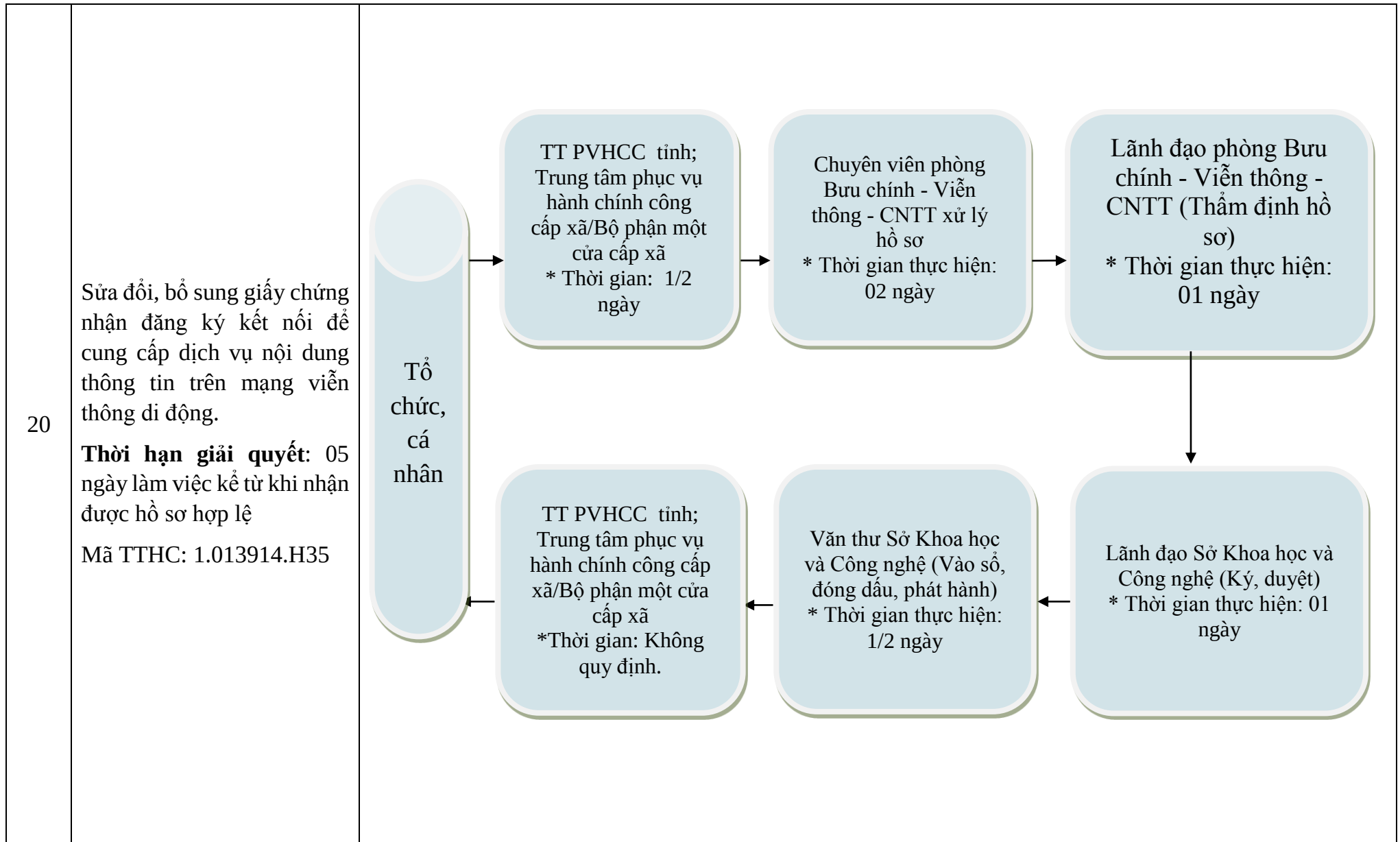
Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành)
* Thời gian thực hiện: 1/2 ngày

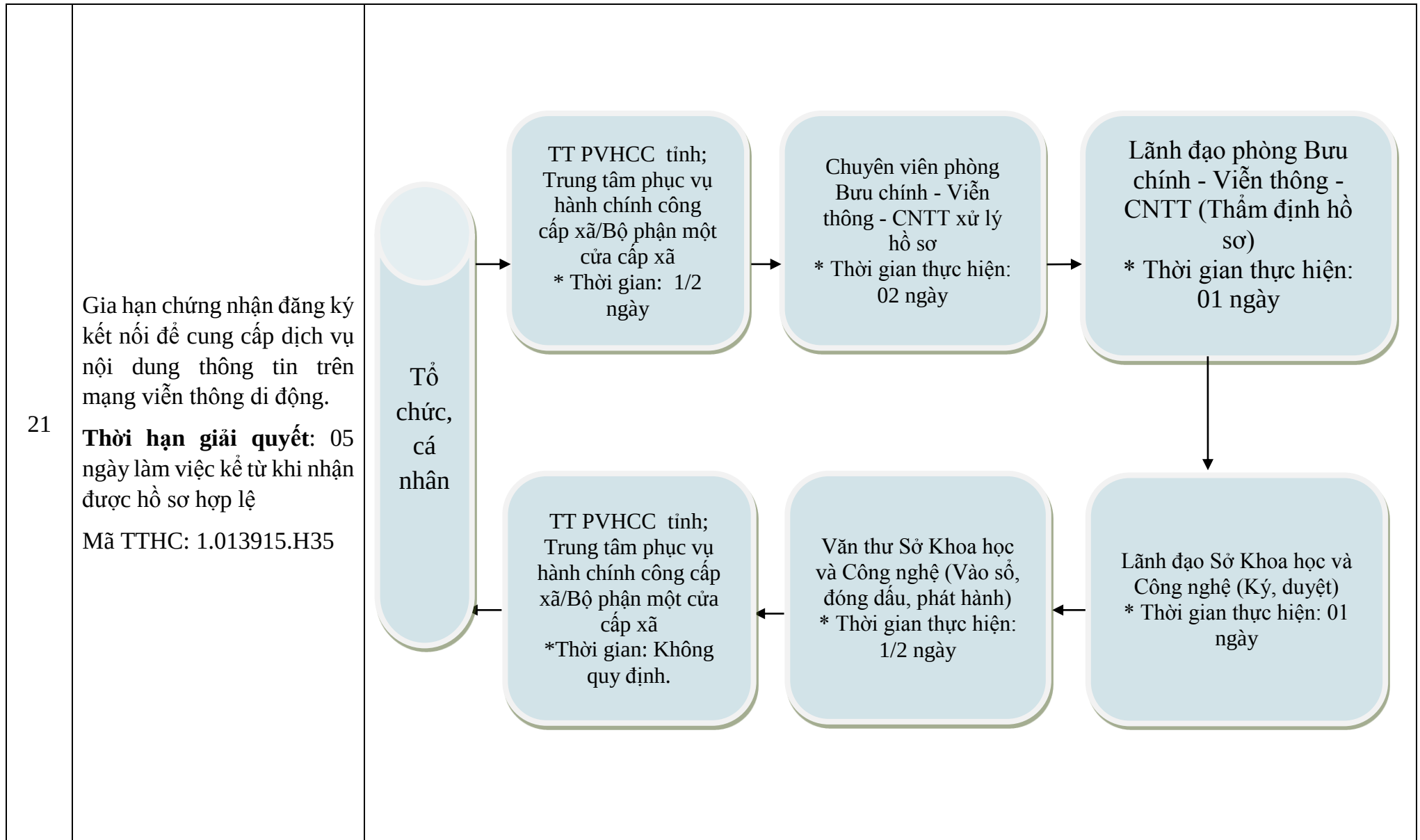
Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt)
* Thời gian thực hiện: 01 ngày

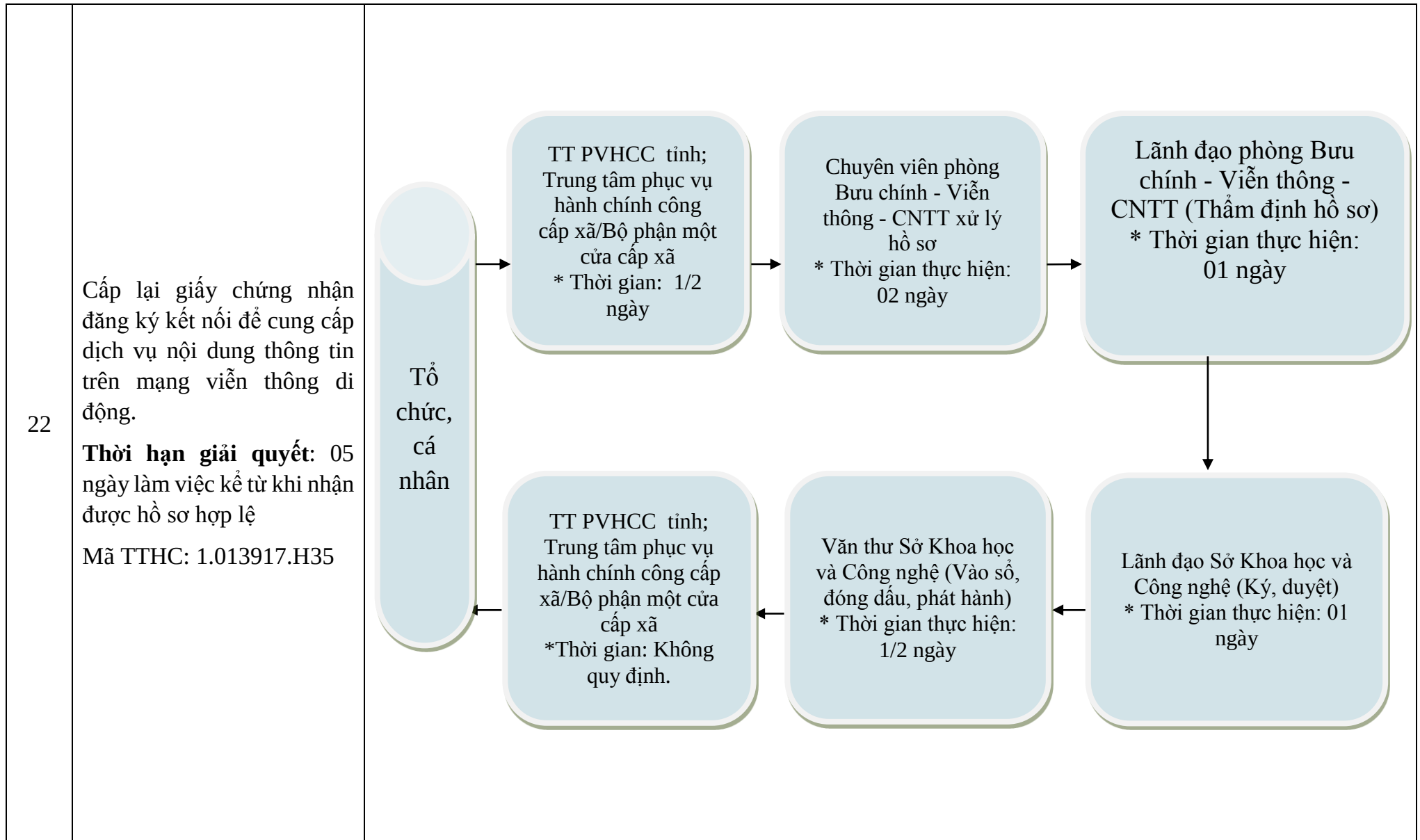


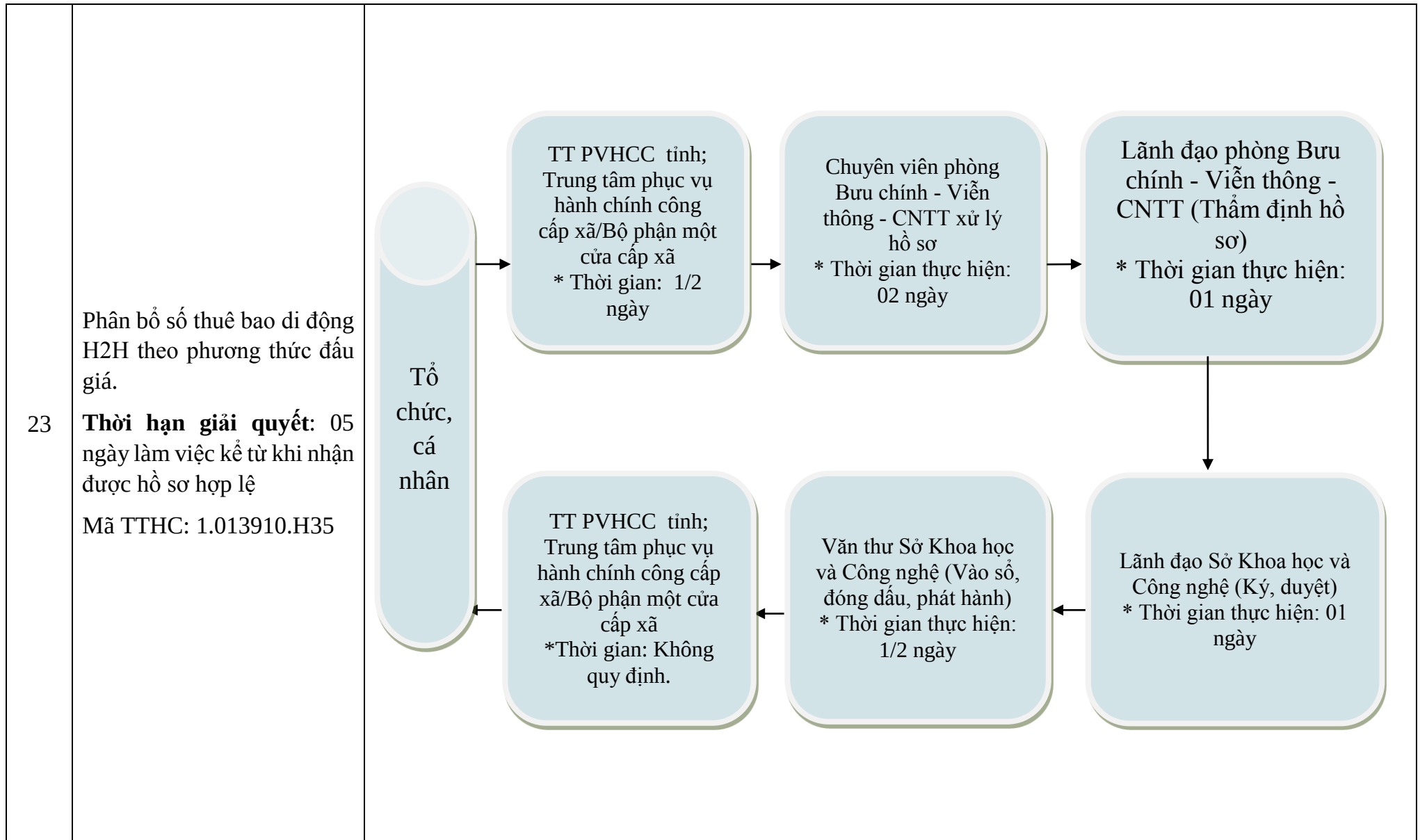


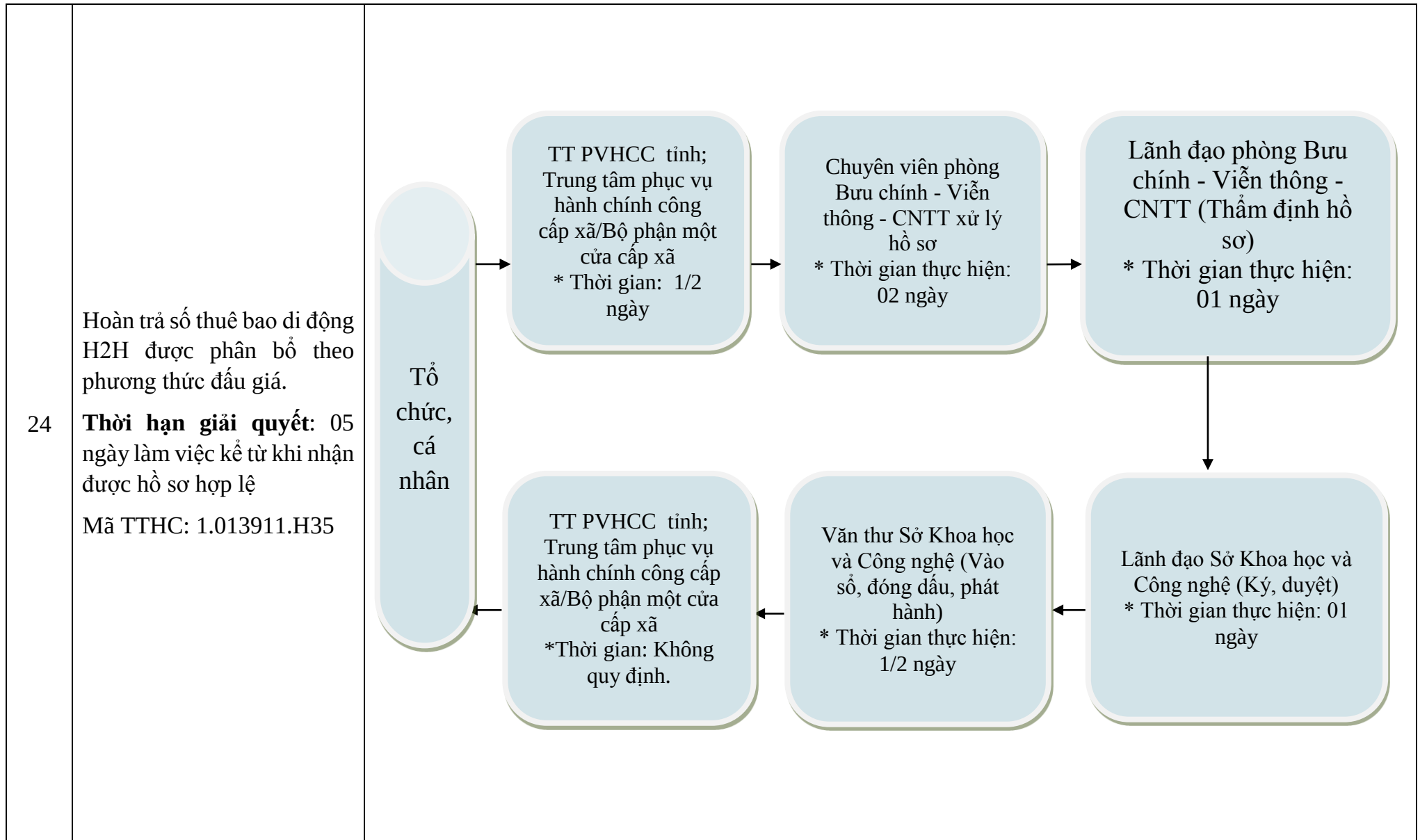




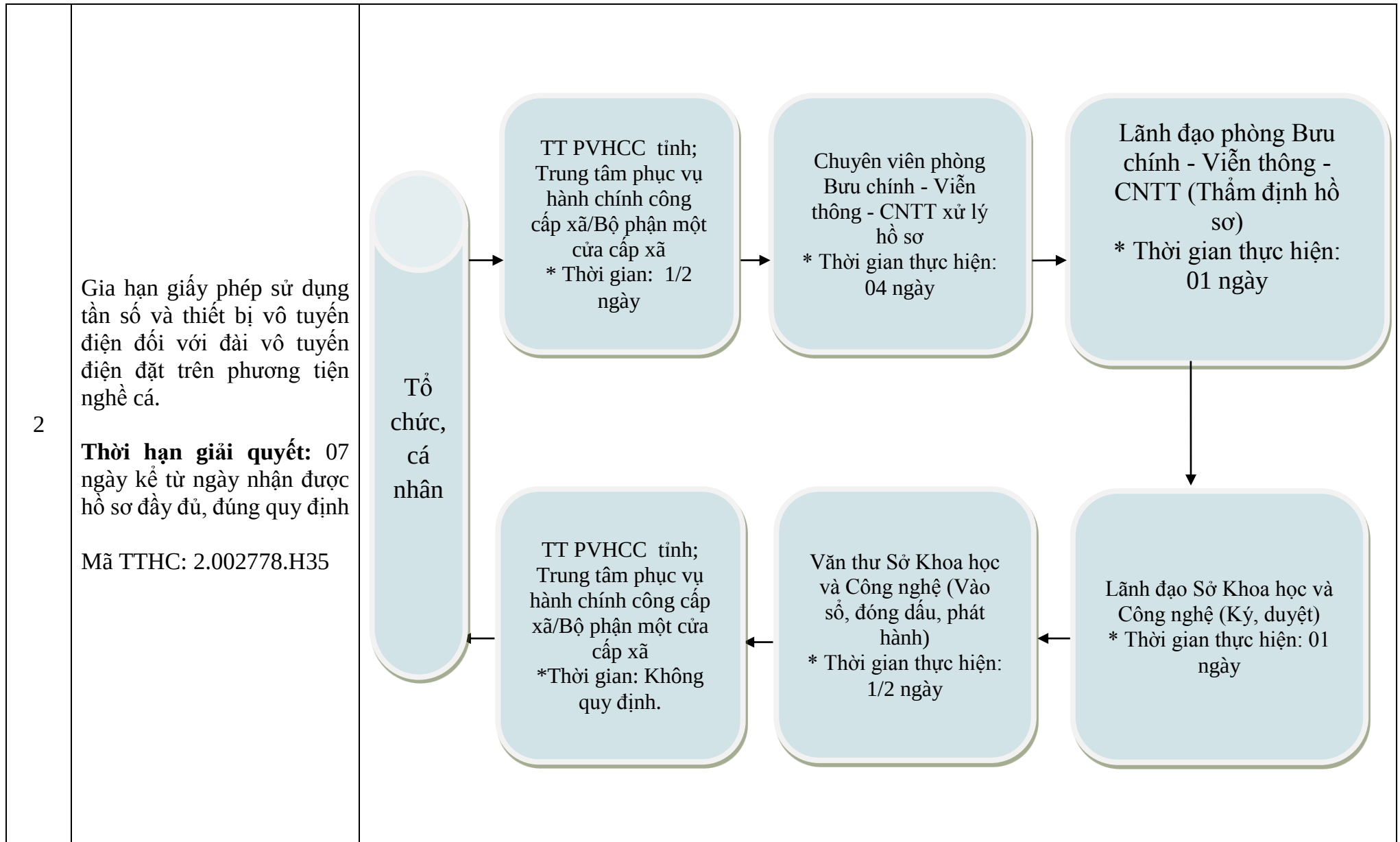


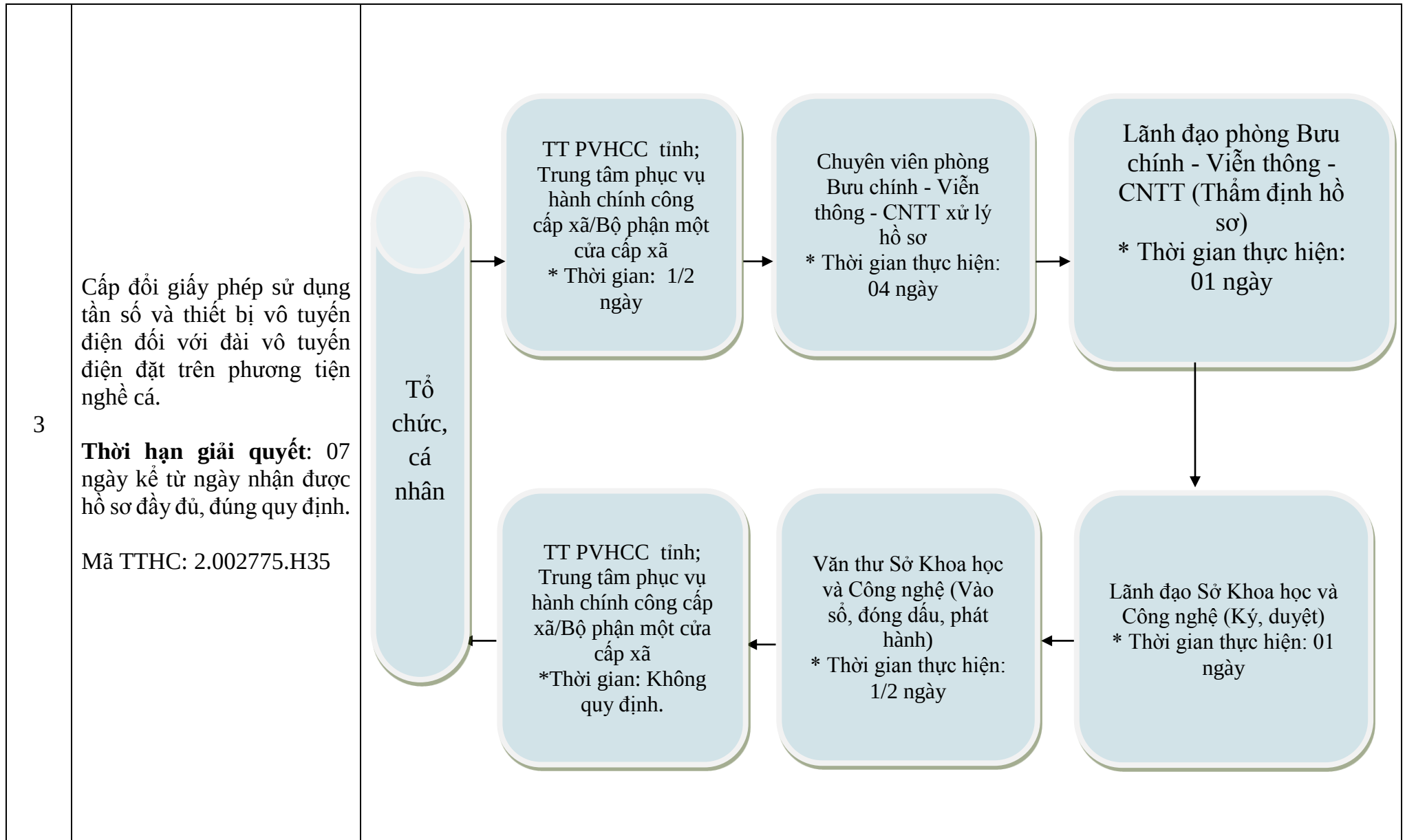






II	LĨNH VỰC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (14 TTHC)		
1	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá. Thời gian thực hiện: 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. Mã TTHC: 2.002777.H35	Tổ chức, cá nhân TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: 1/2 ngày Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 07 ngày Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 02 ngày Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: Không quy định.	





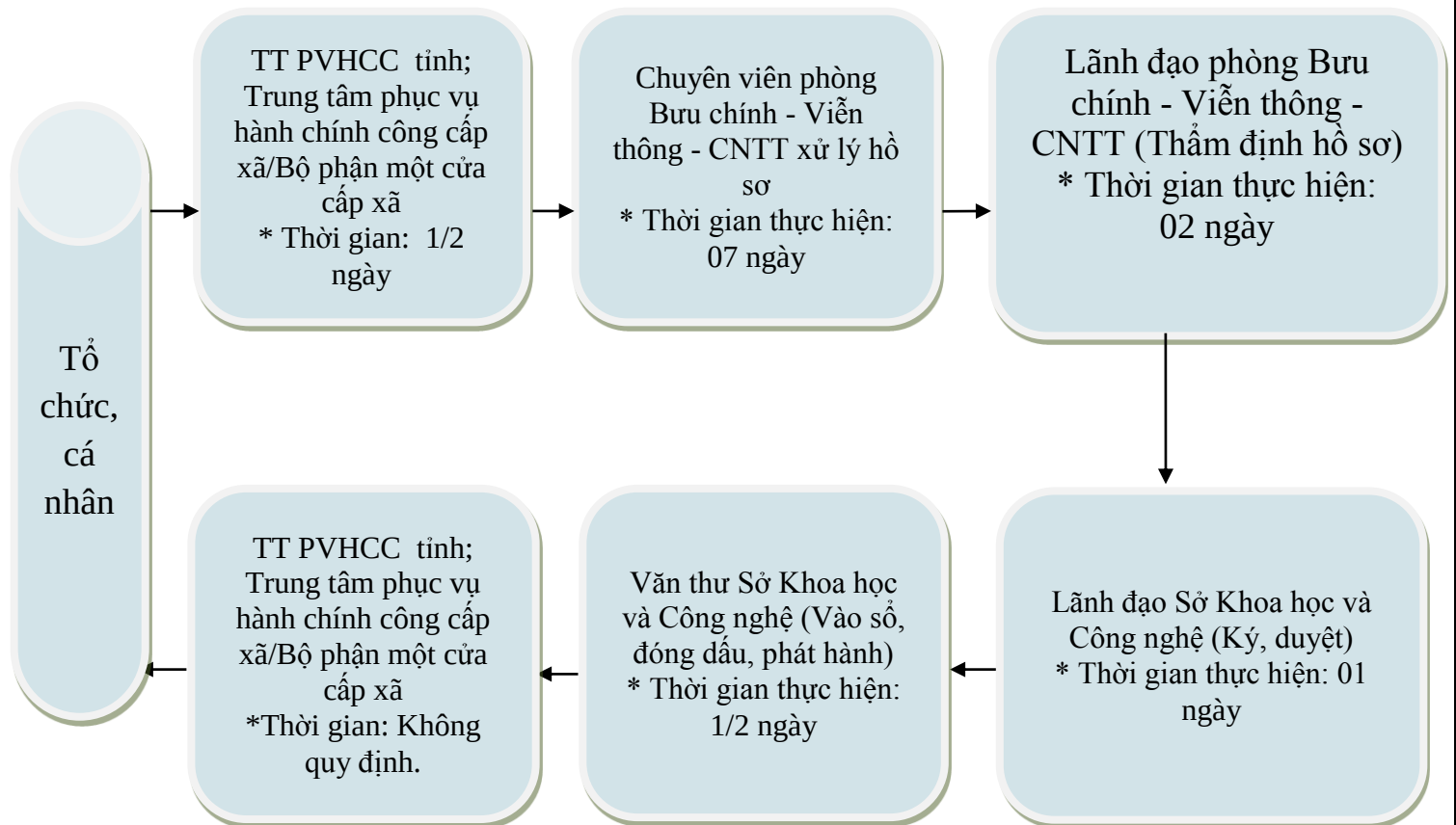
4

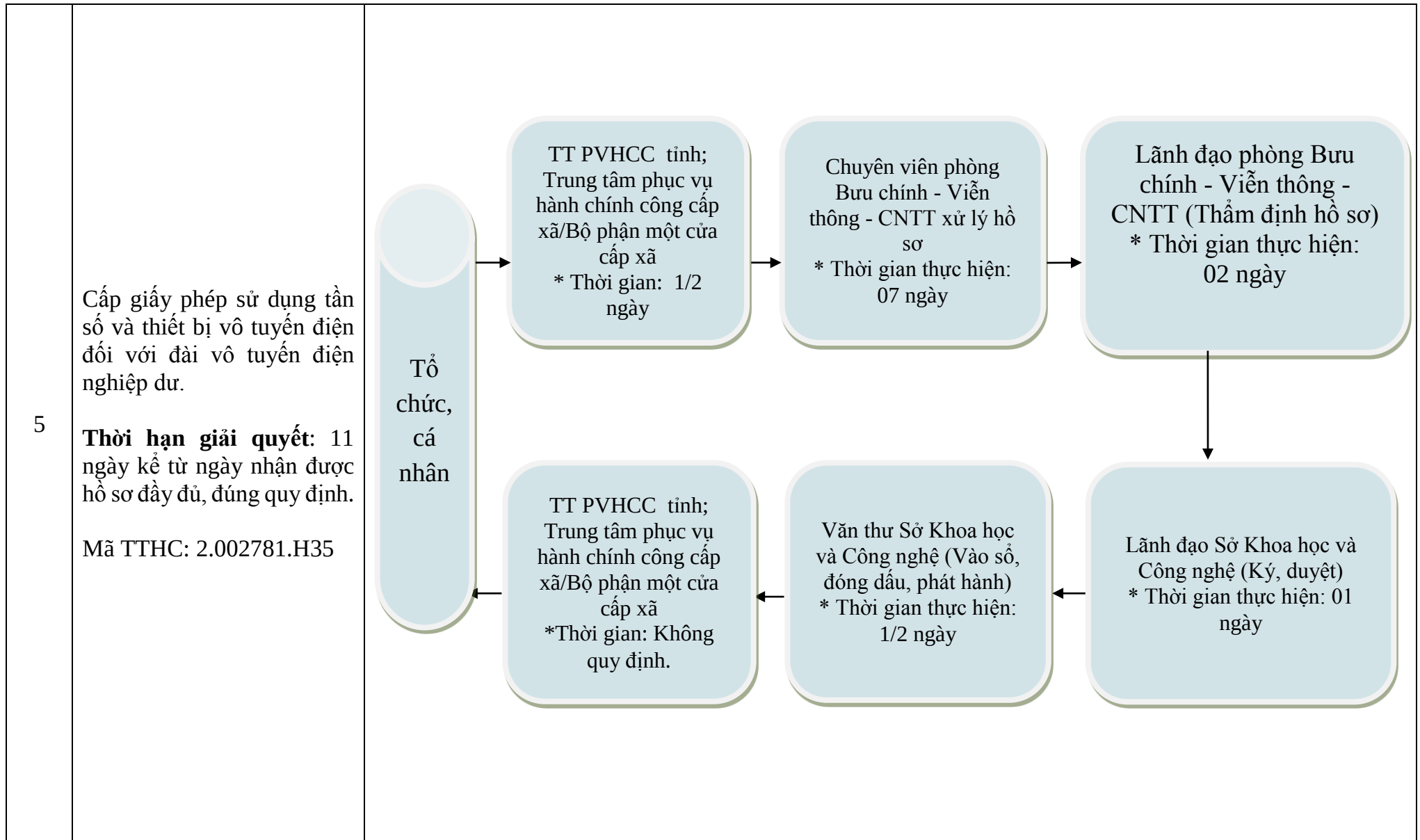
Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.

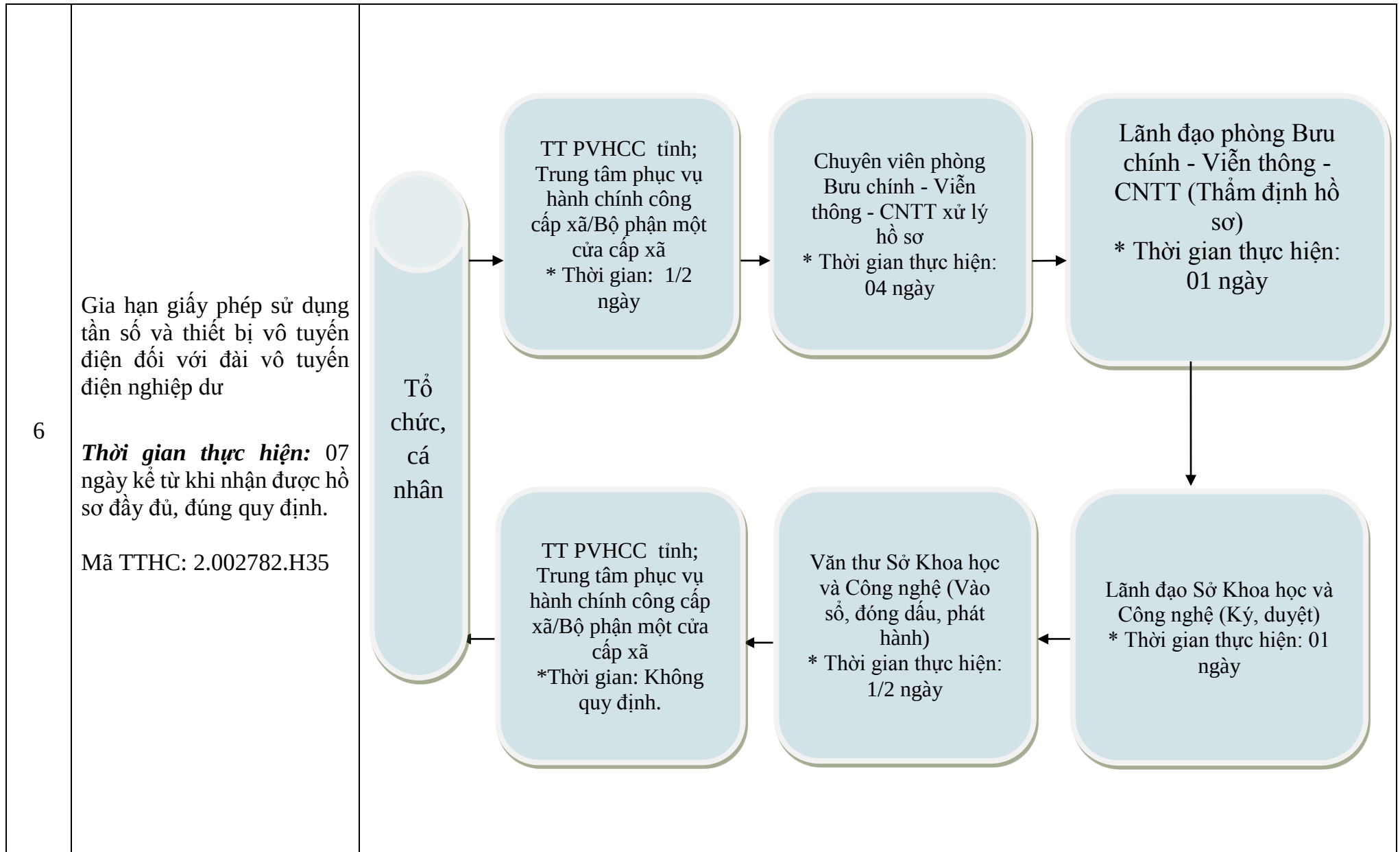
- Thời gian thực hiện:

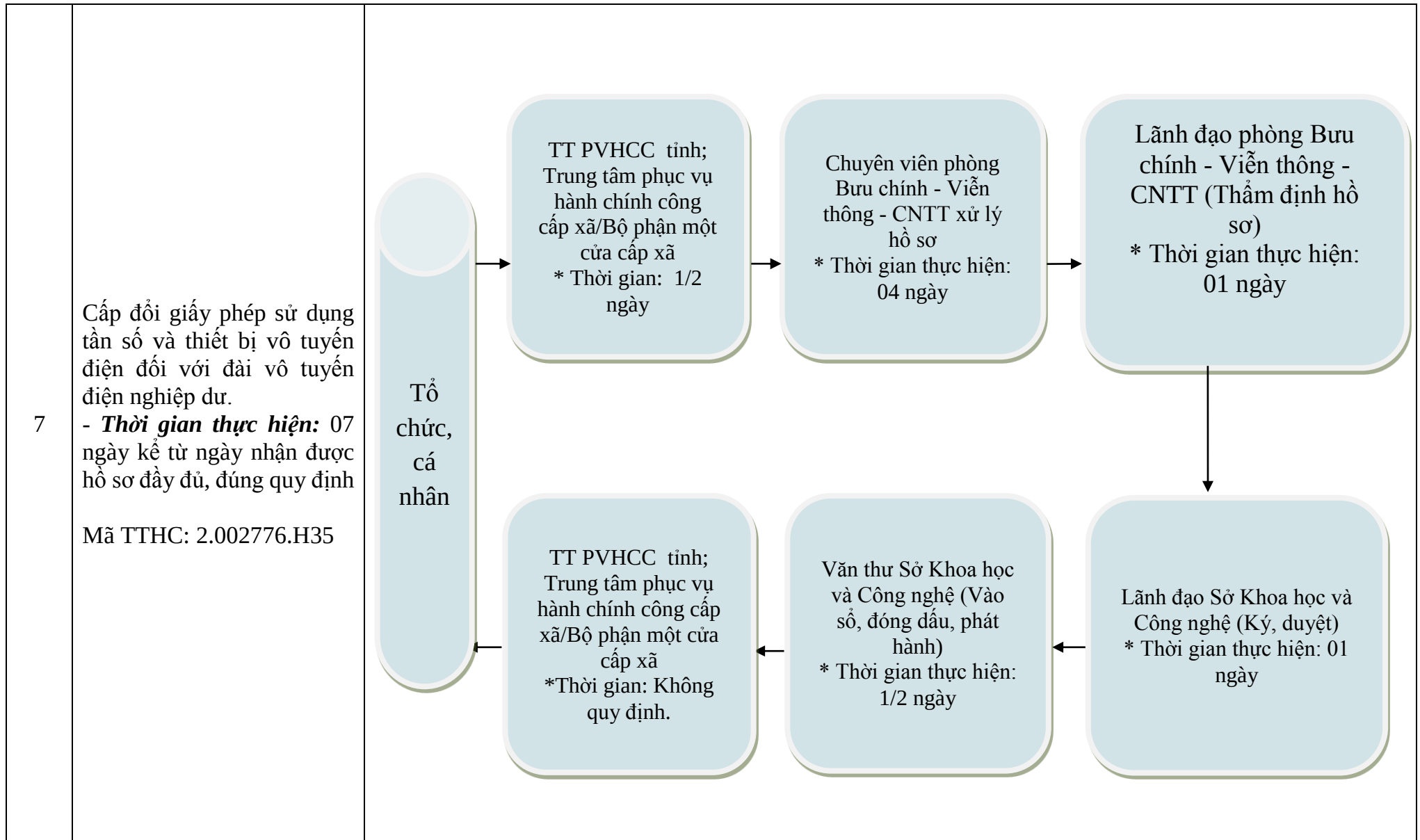
11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định

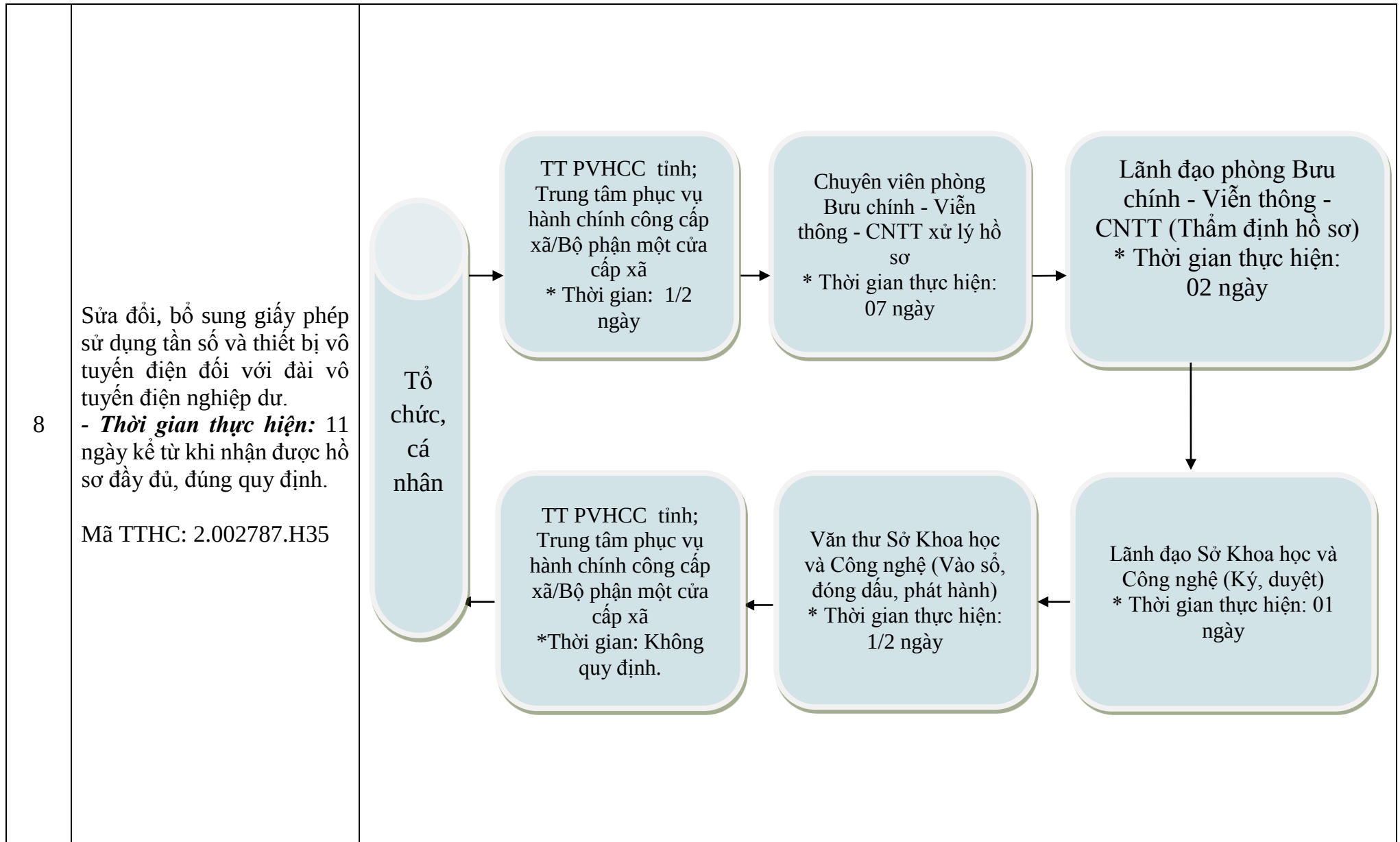
Mã TTHC: 2.002779.H35

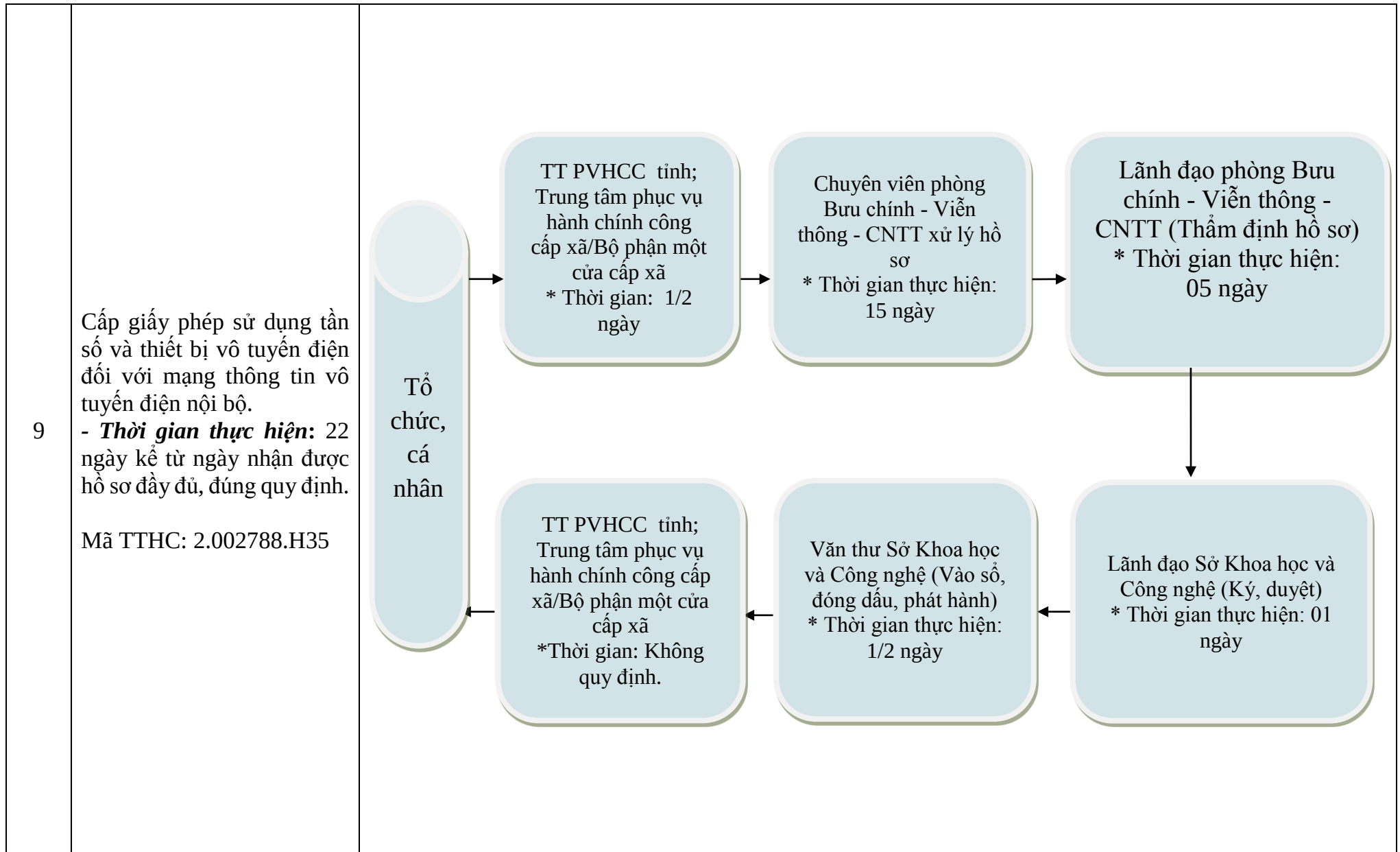


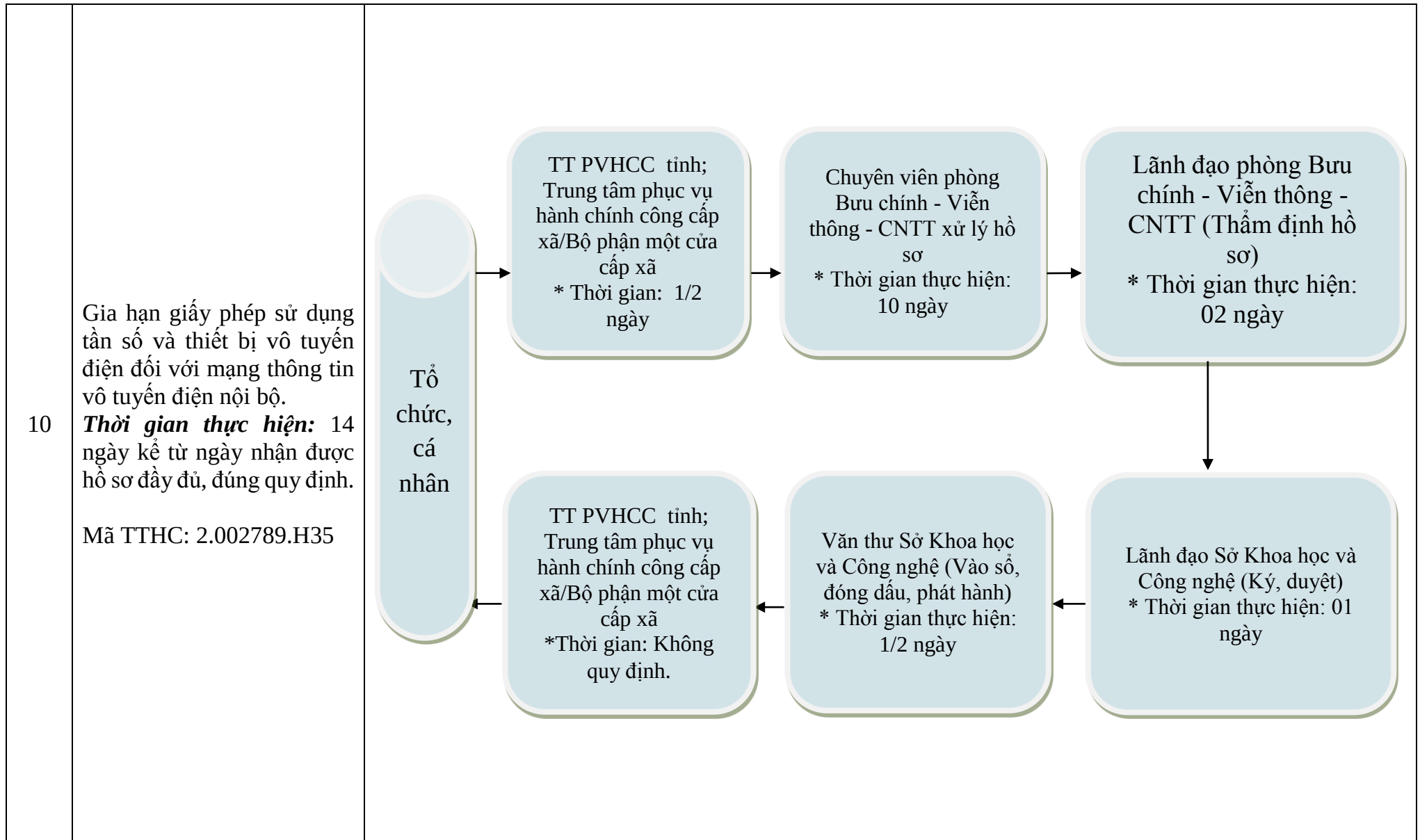


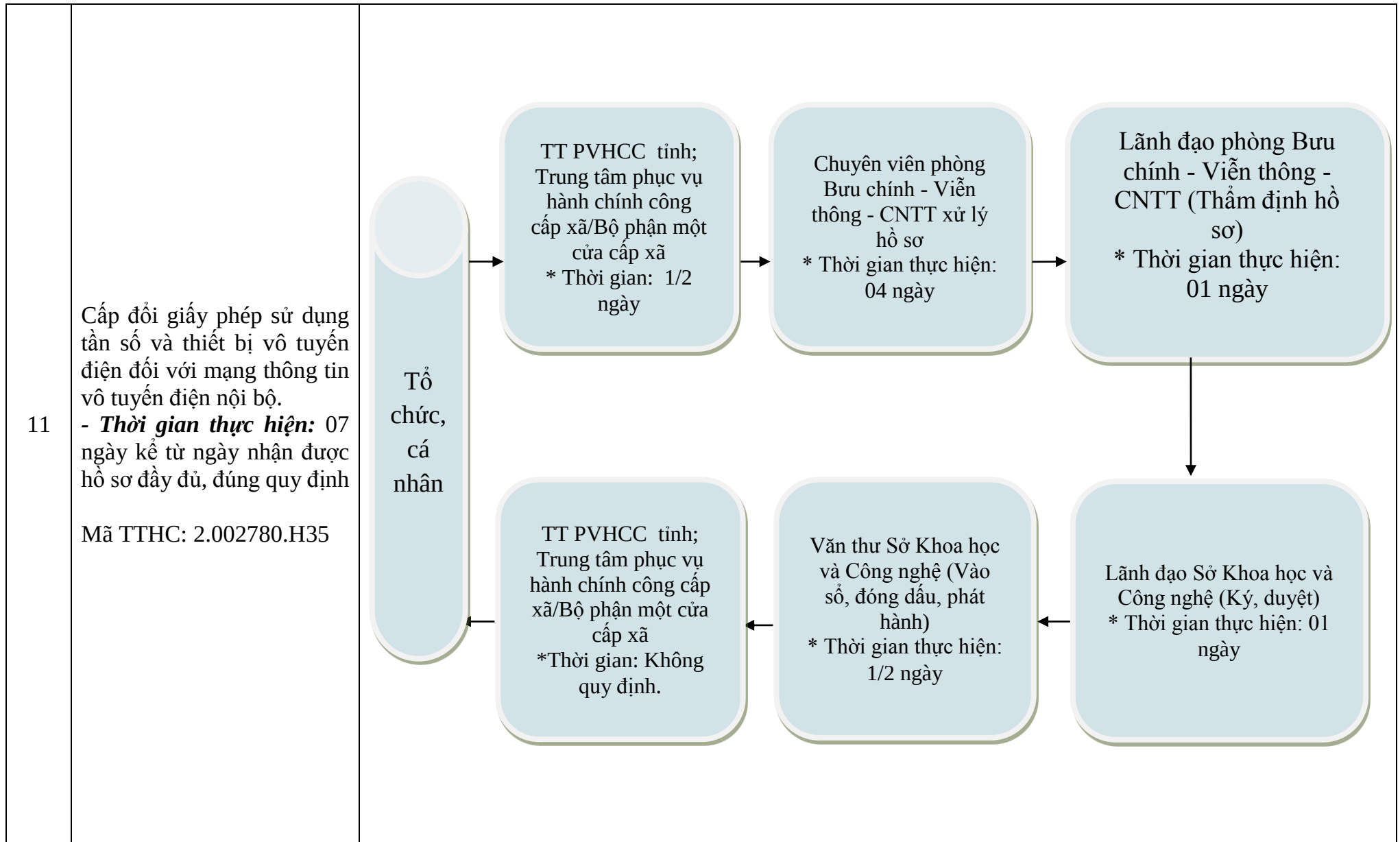


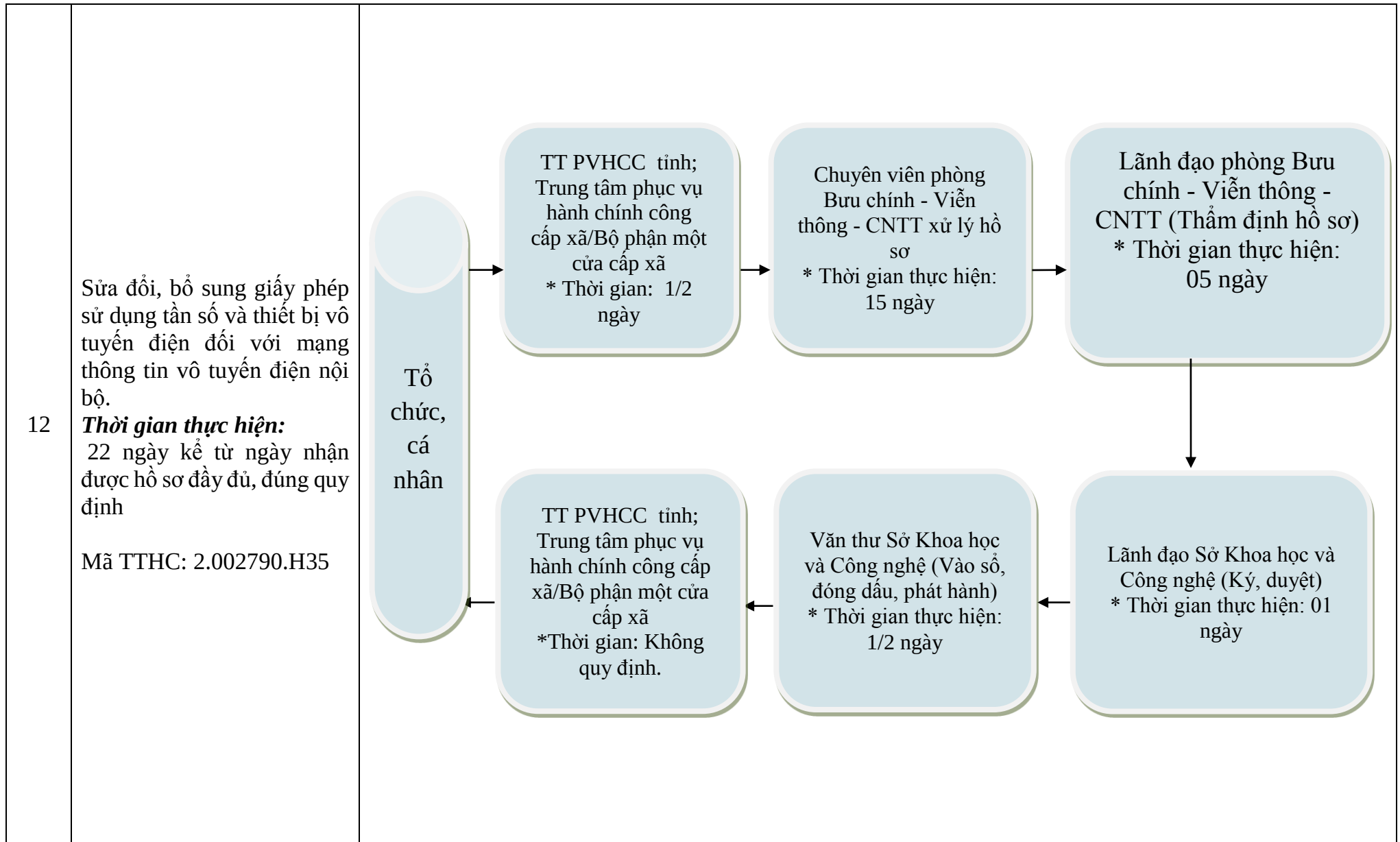


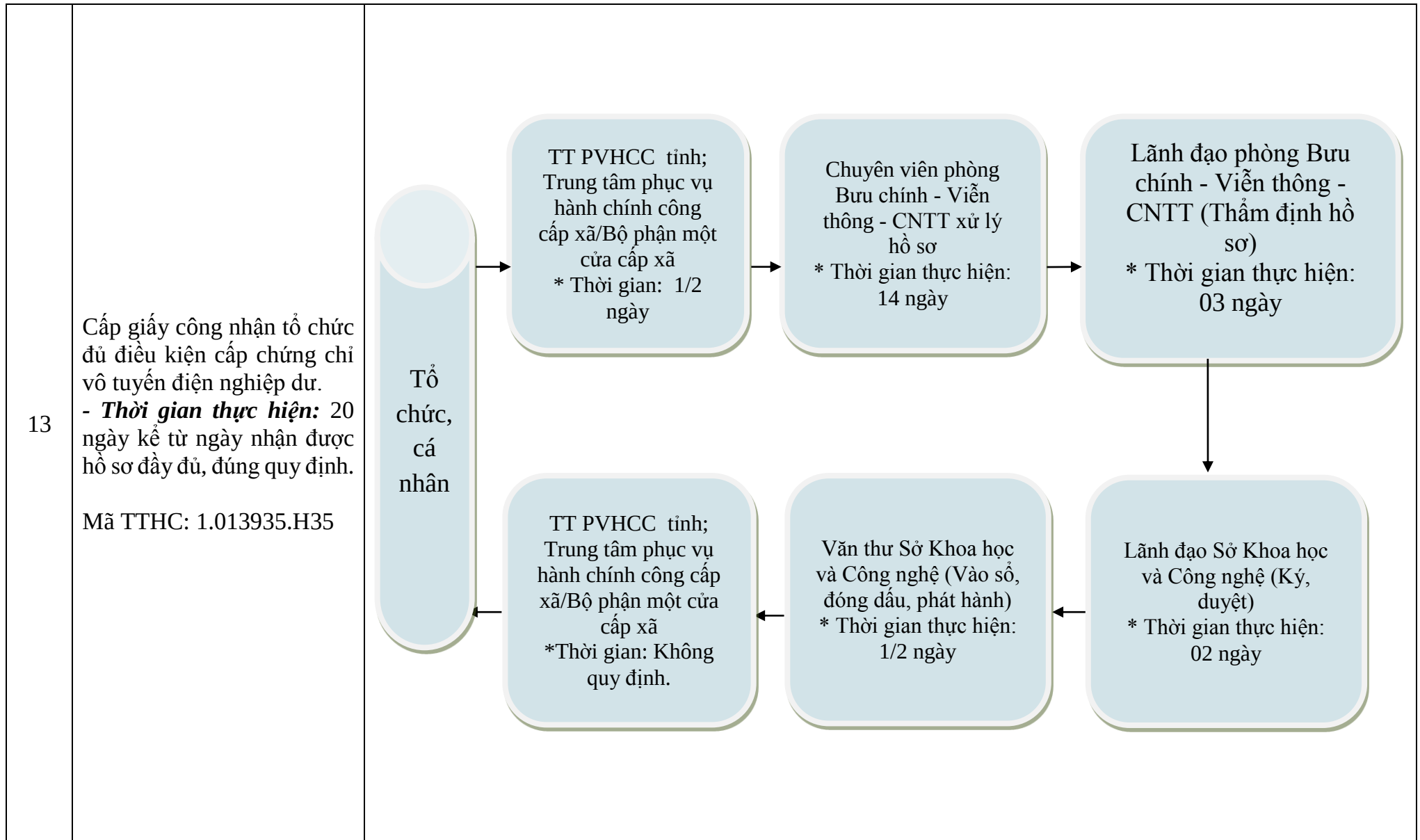


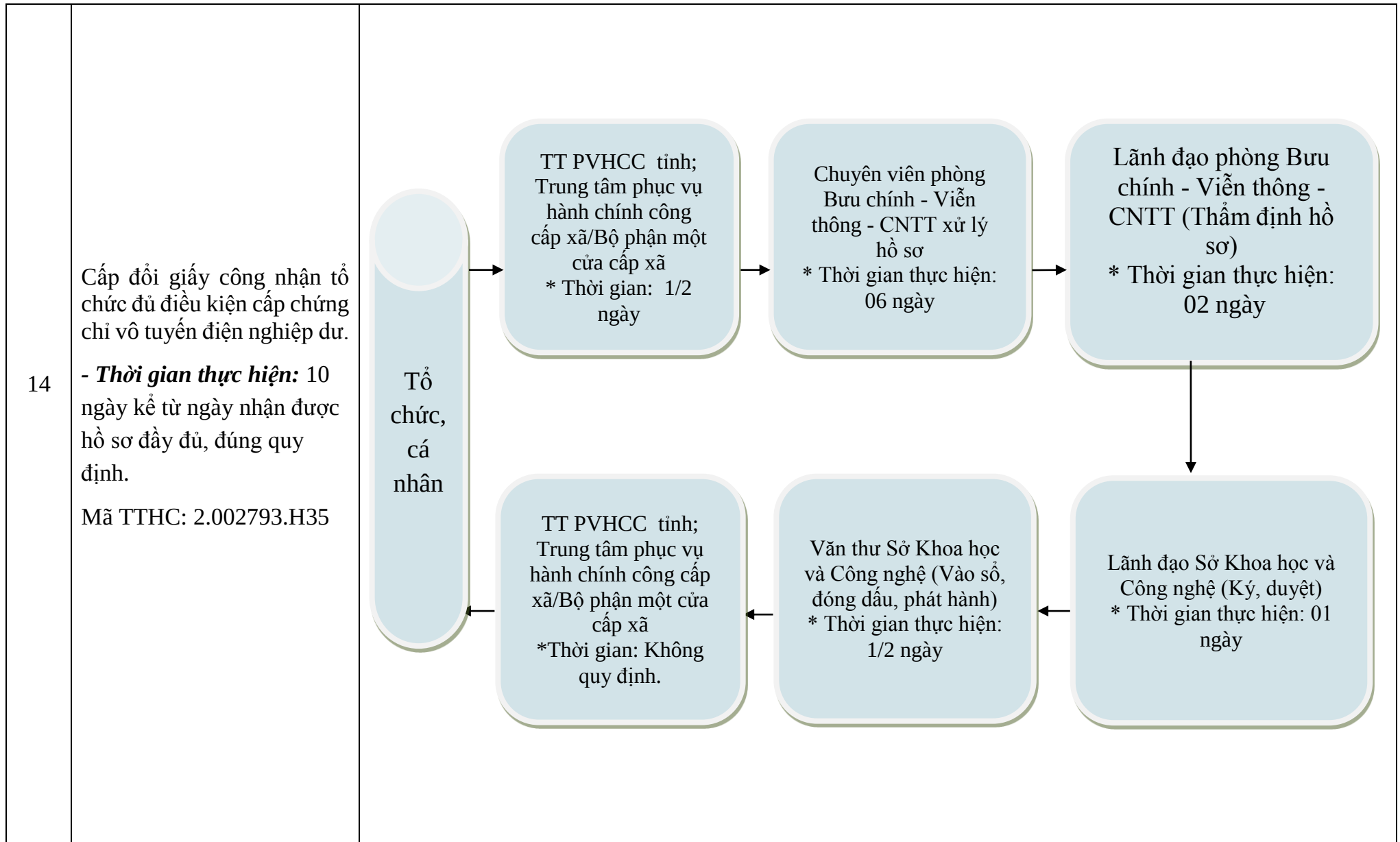


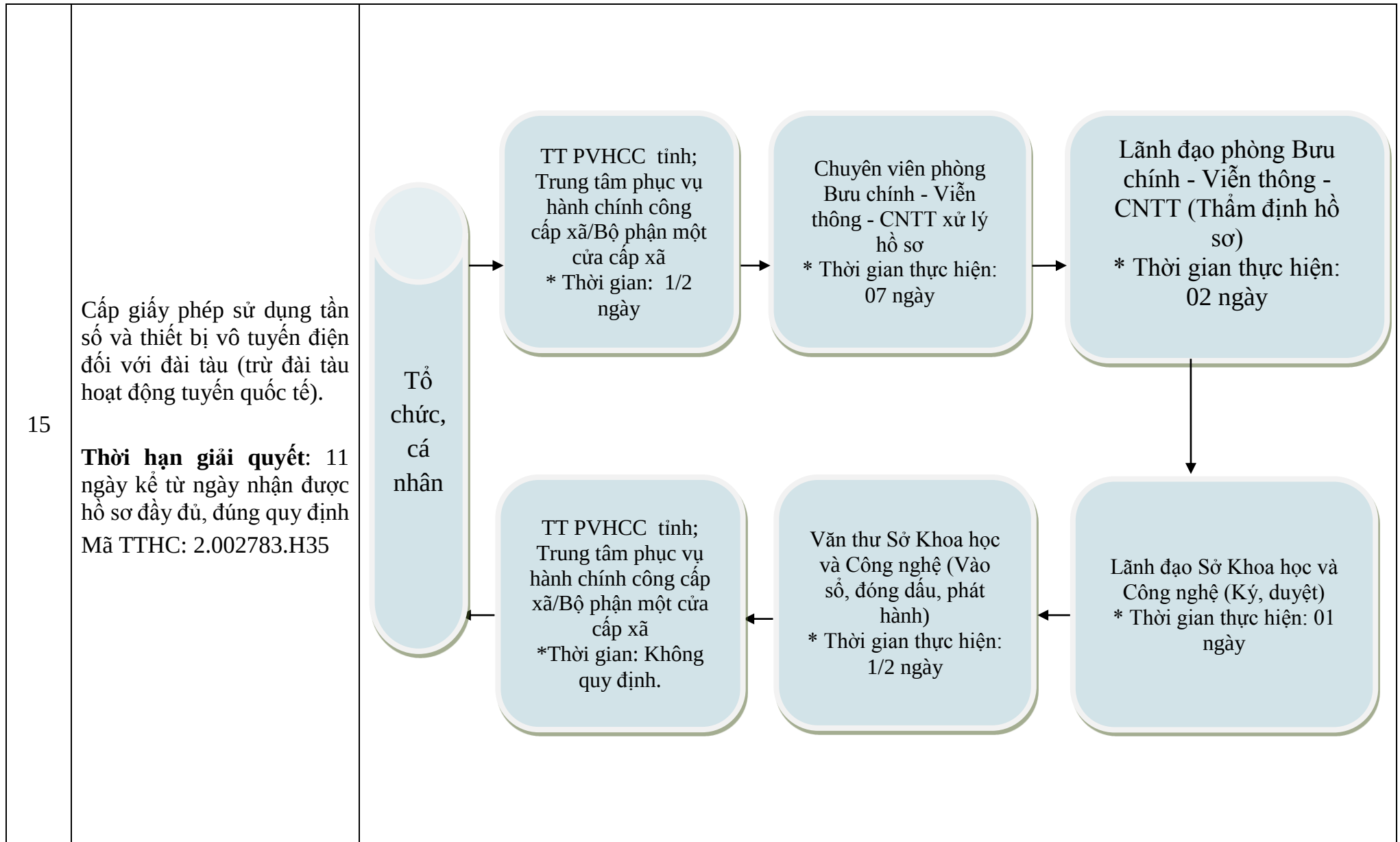


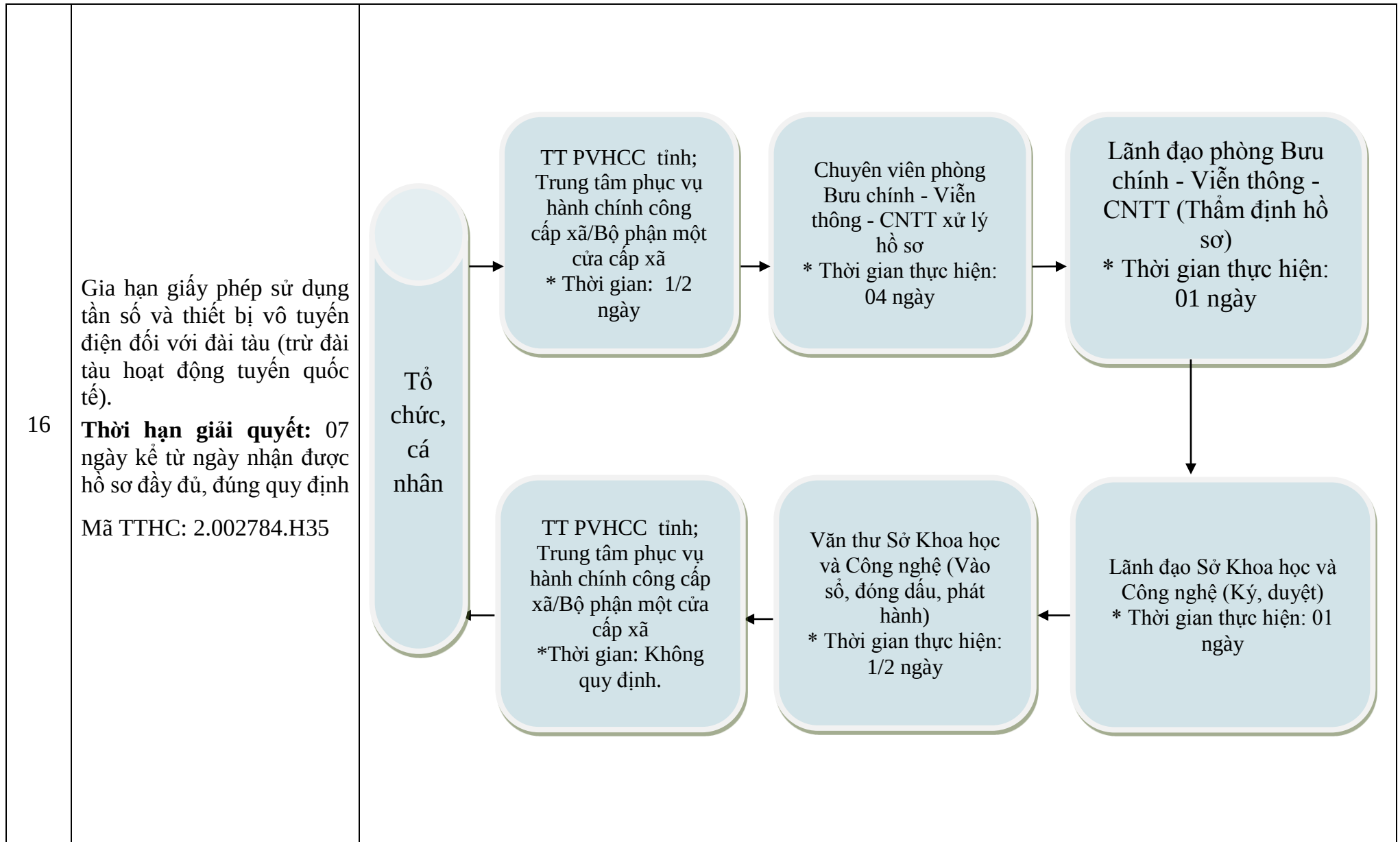




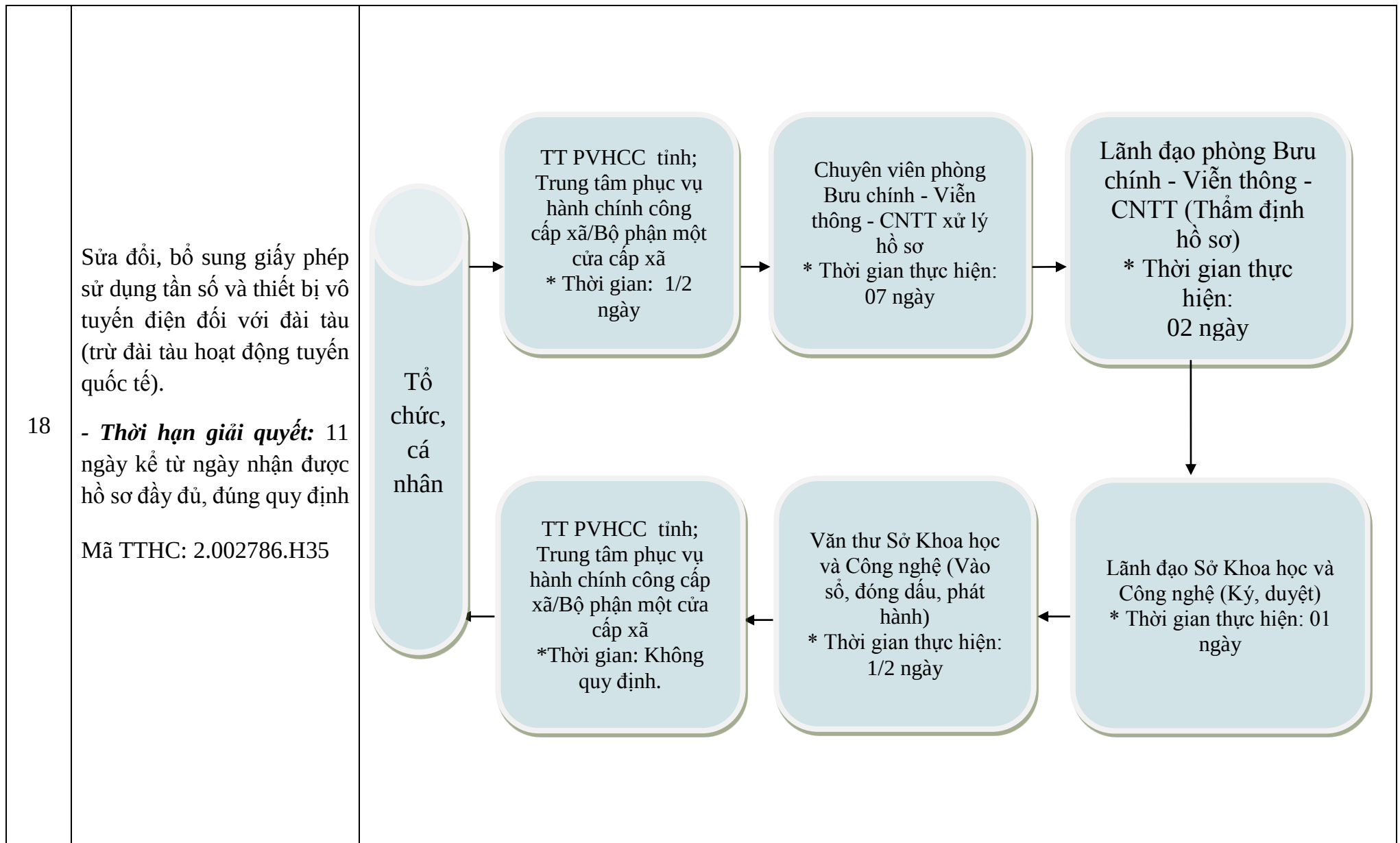


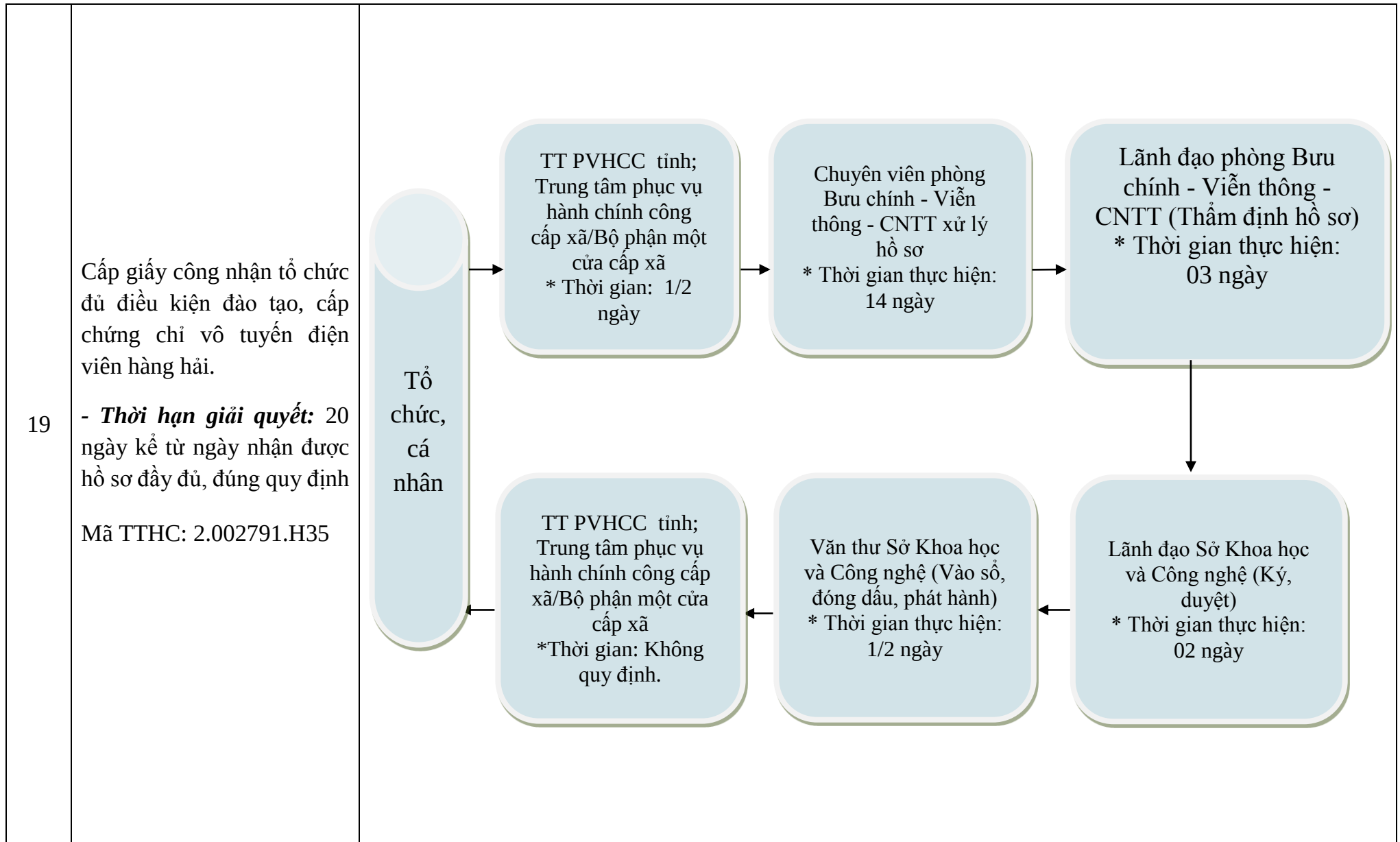


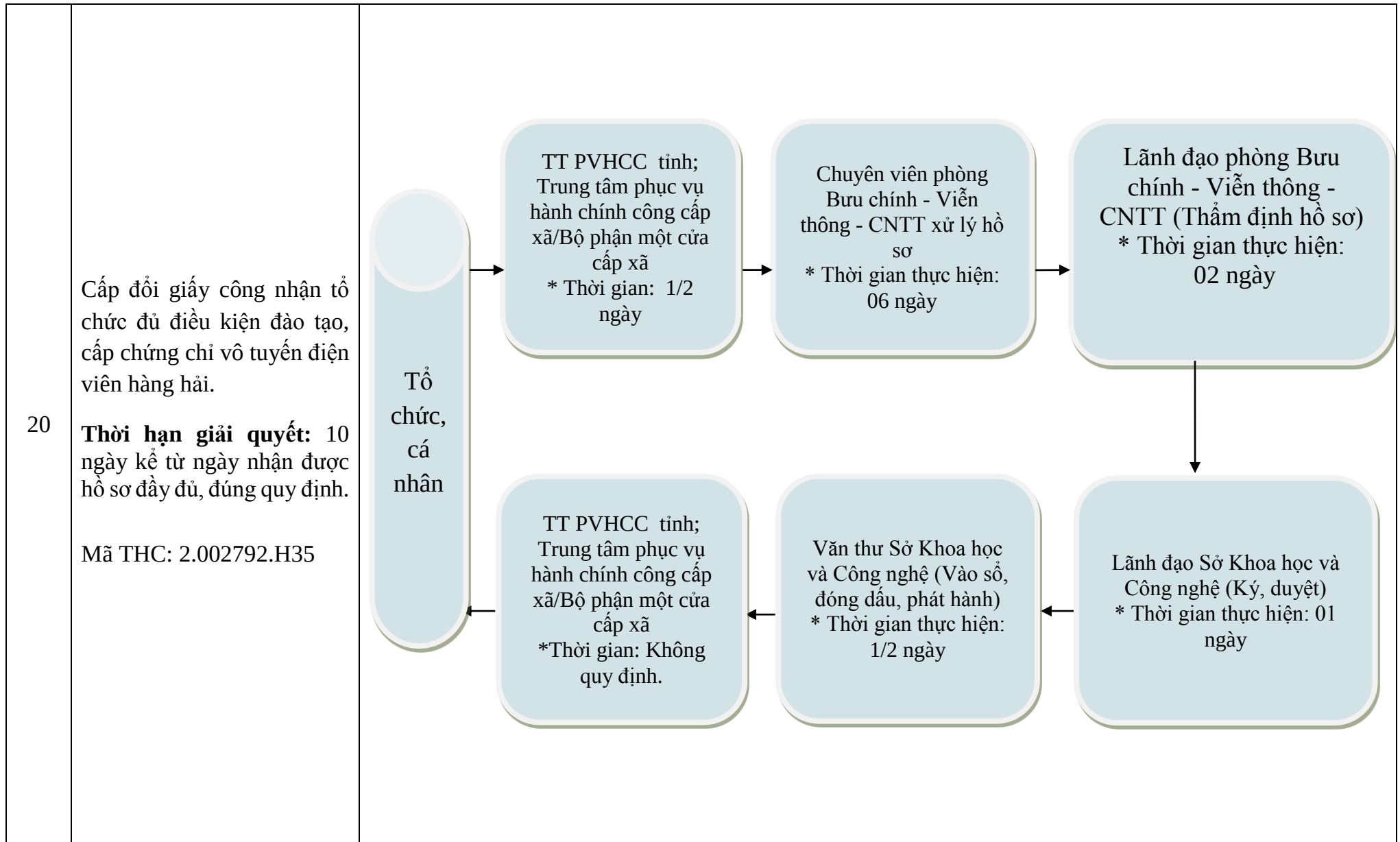




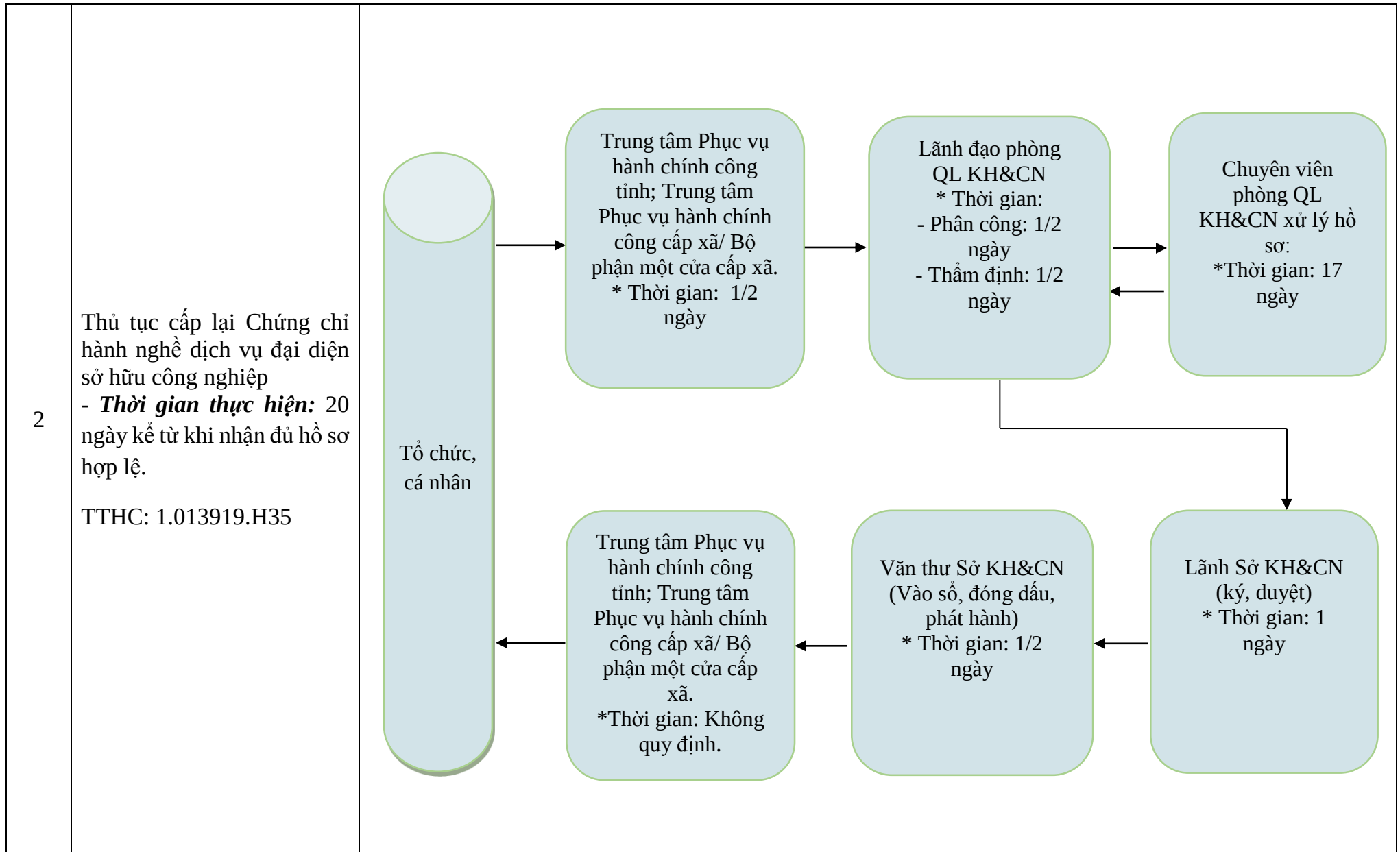
17	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế). Thời hạn giải quyết: 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định Mã TTHC: 2.002785.H35	<pre> graph LR A[Tổ chức, cá nhân] --> B[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: 1/2 ngày] B --> C[Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 04 ngày] C --> D[Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 01 ngày] D --> E[Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày] E --> F[Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày] F --> G[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: Không quy định.] </pre>
-----------	---	---



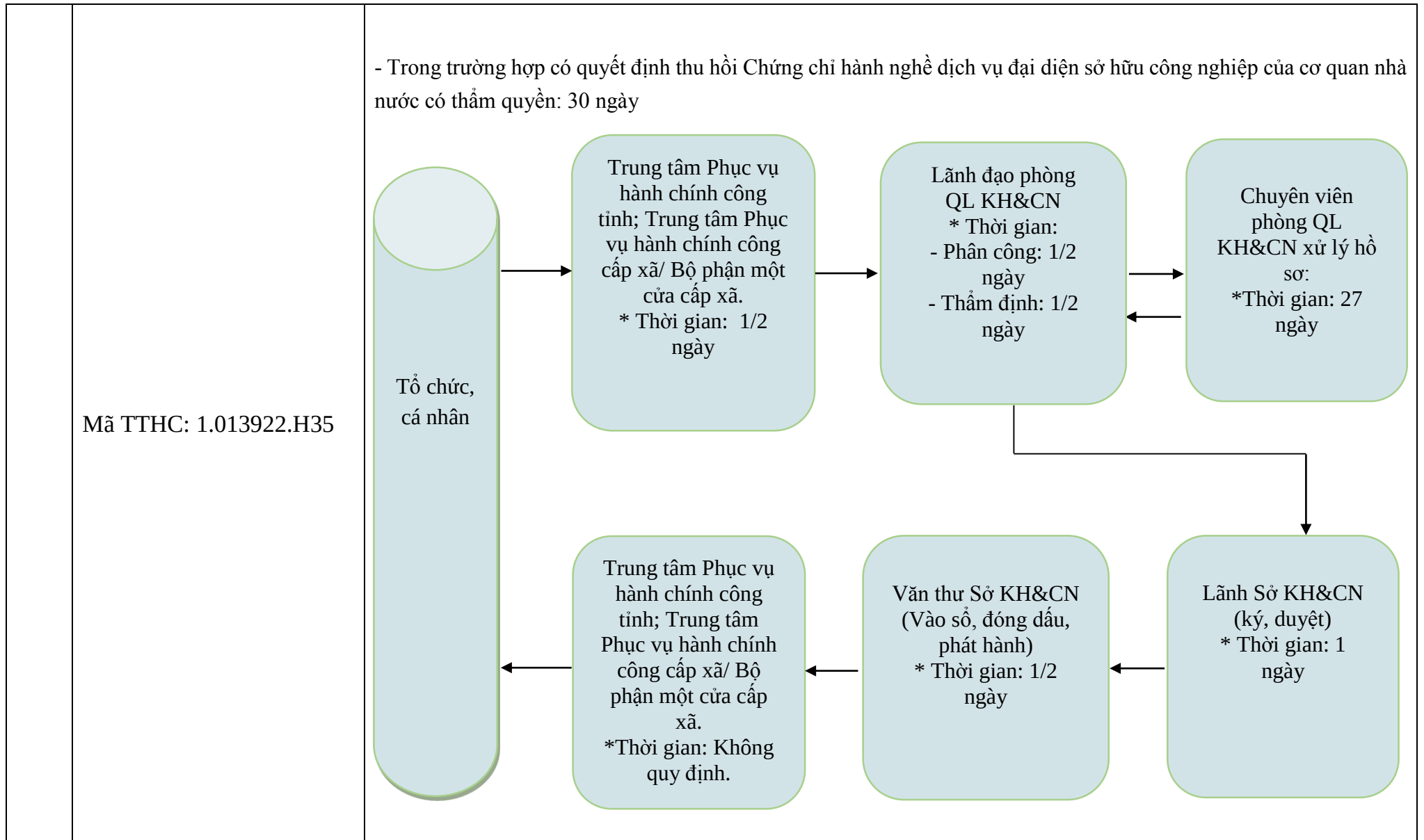




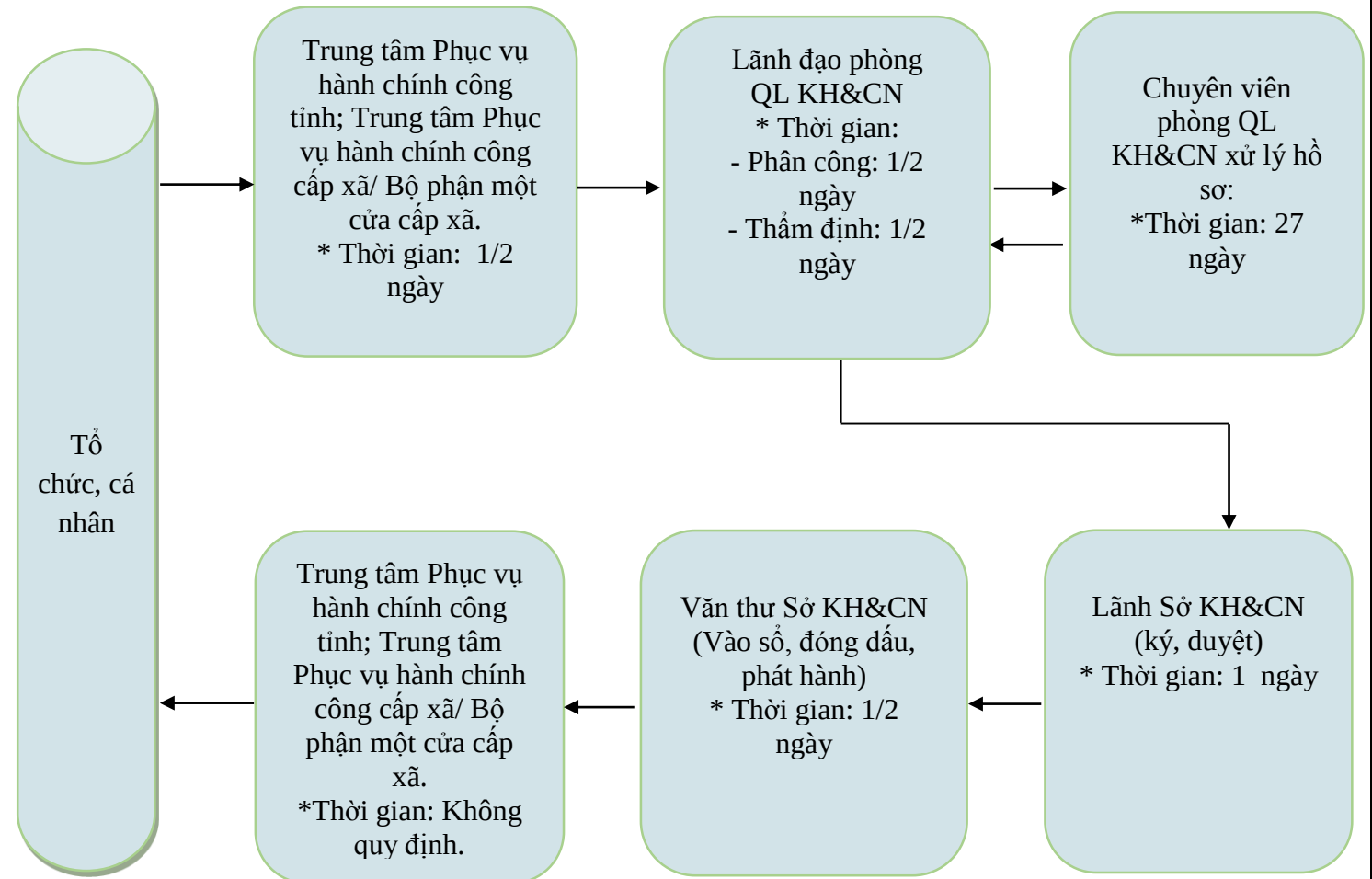
III	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (19 TTHC)	
1	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp - Thời gian thực hiện: 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Mã TTHC: 1.013916.H35	Tổ chức, cá nhân Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: 1/2 ngày Lãnh đạo phòng QL KH&CN * Thời gian: - Phân công: 1/2 ngày - Thẩm định: 1/2 ngày Chuyên viên phòng QL KH&CN xử lý hồ sơ: * Thời gian: 17 ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: Không quy định. Văn thư Sở KH&CN (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian: 1/2 ngày Lãnh Sở KH&CN (ký, duyệt) * Thời gian: 1 ngày

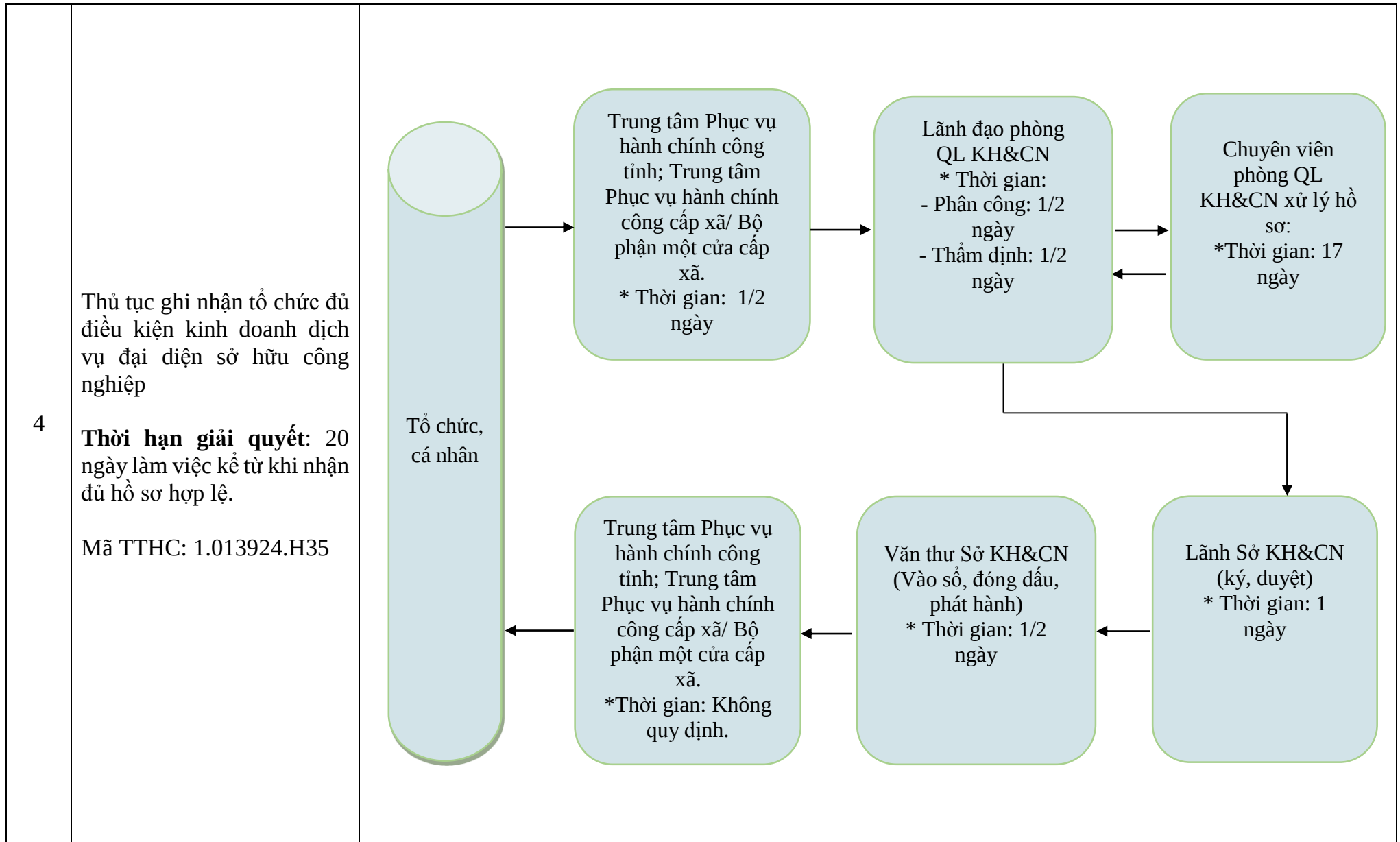


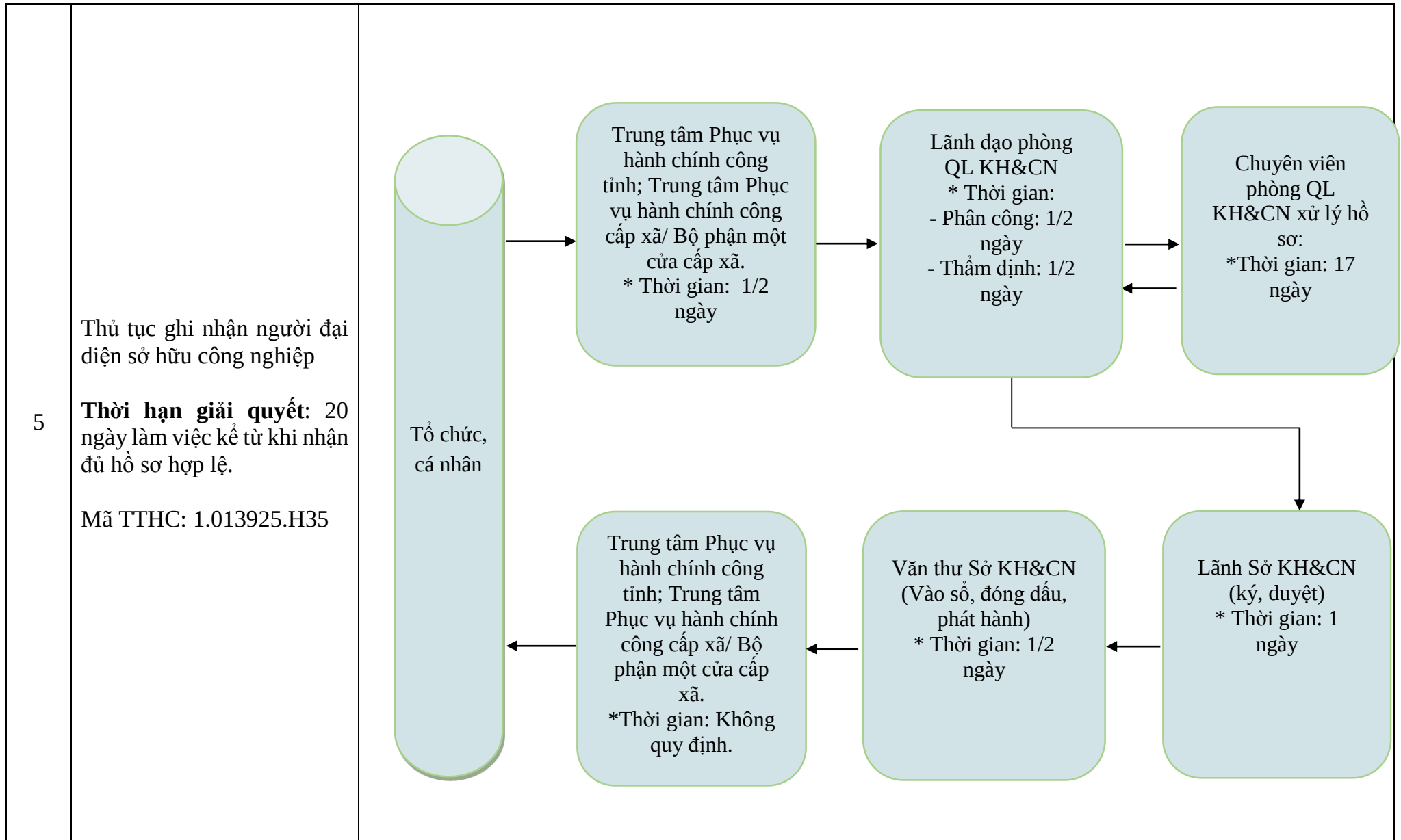
3	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp Thời gian thực hiện - 30 ngày (Trong trường hợp có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) - 30 ngày (Trong trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện hành nghề) - 60 ngày (Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp)	- Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 60 ngày <pre> graph LR A[Tổ chức, cá nhân] --> B[Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: 1/2 ngày] B --> C[Lãnh đạo phòng QL KH&CN * Thời gian: - Phân công: 1/2 ngày - Thẩm định: 1/2 ngày] C --> D[Chuyên viên phòng QL KH&CN xử lý hồ sơ: *Thời gian: 57 ngày] D --> E[Lãnh Sở KH&CN (ký, duyệt) * Thời gian: 1 ngày] E --> F[Văn thư Sở KH&CN (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian: 1/2 ngày] F --> G[Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. *Thời gian: Không quy định.] G --> A </pre>
---	--	---

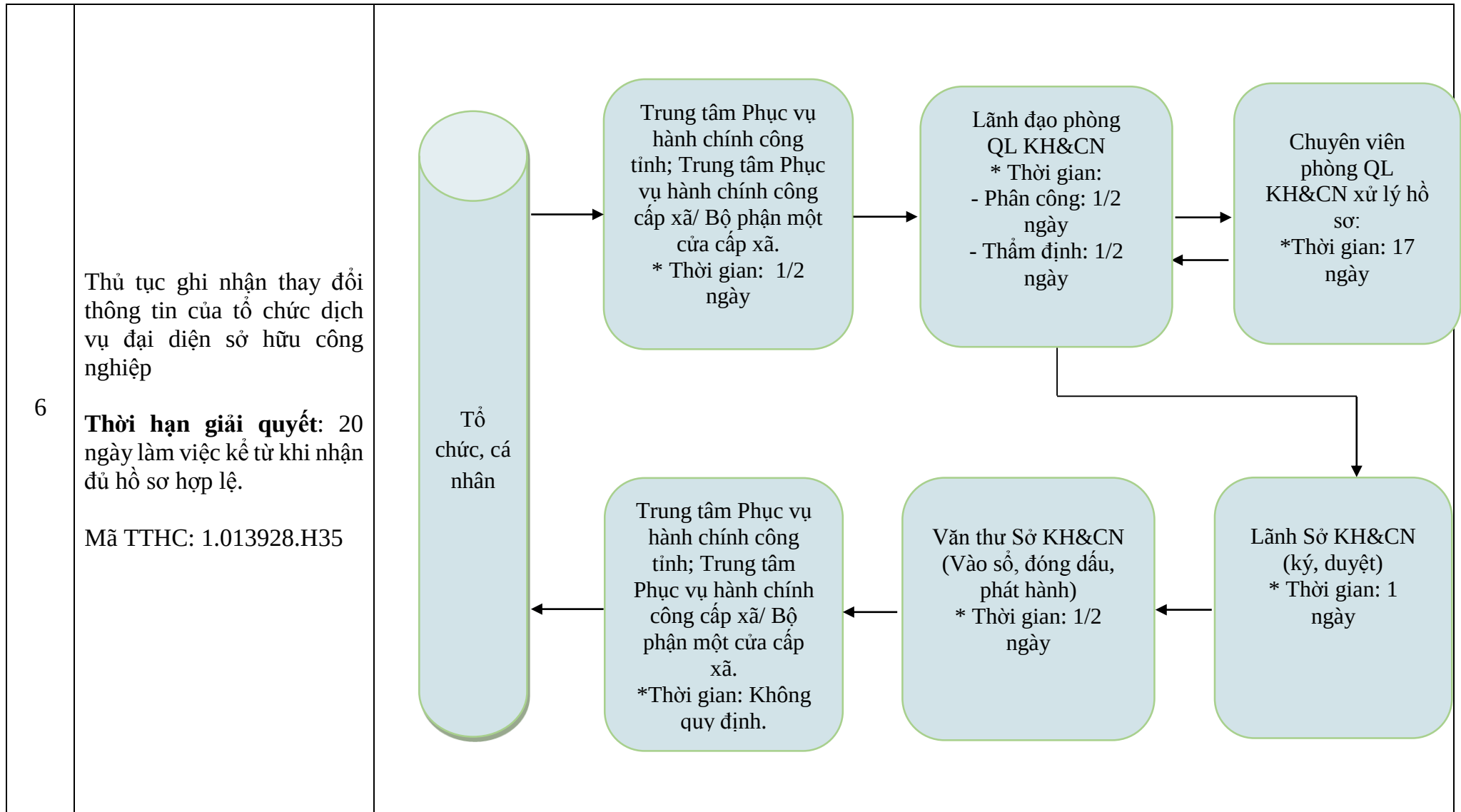


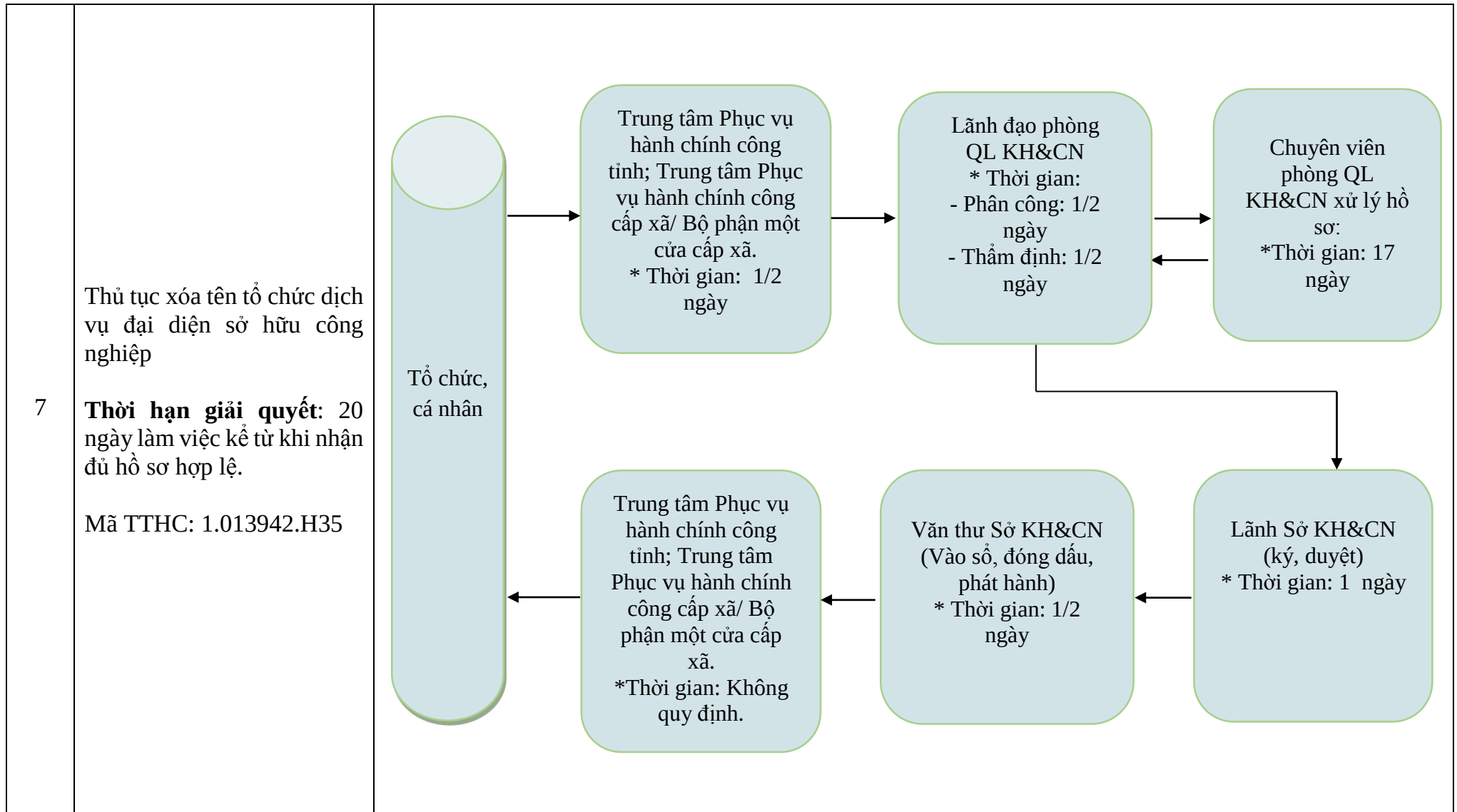
-Trong trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện hành nghề: 30 ngày

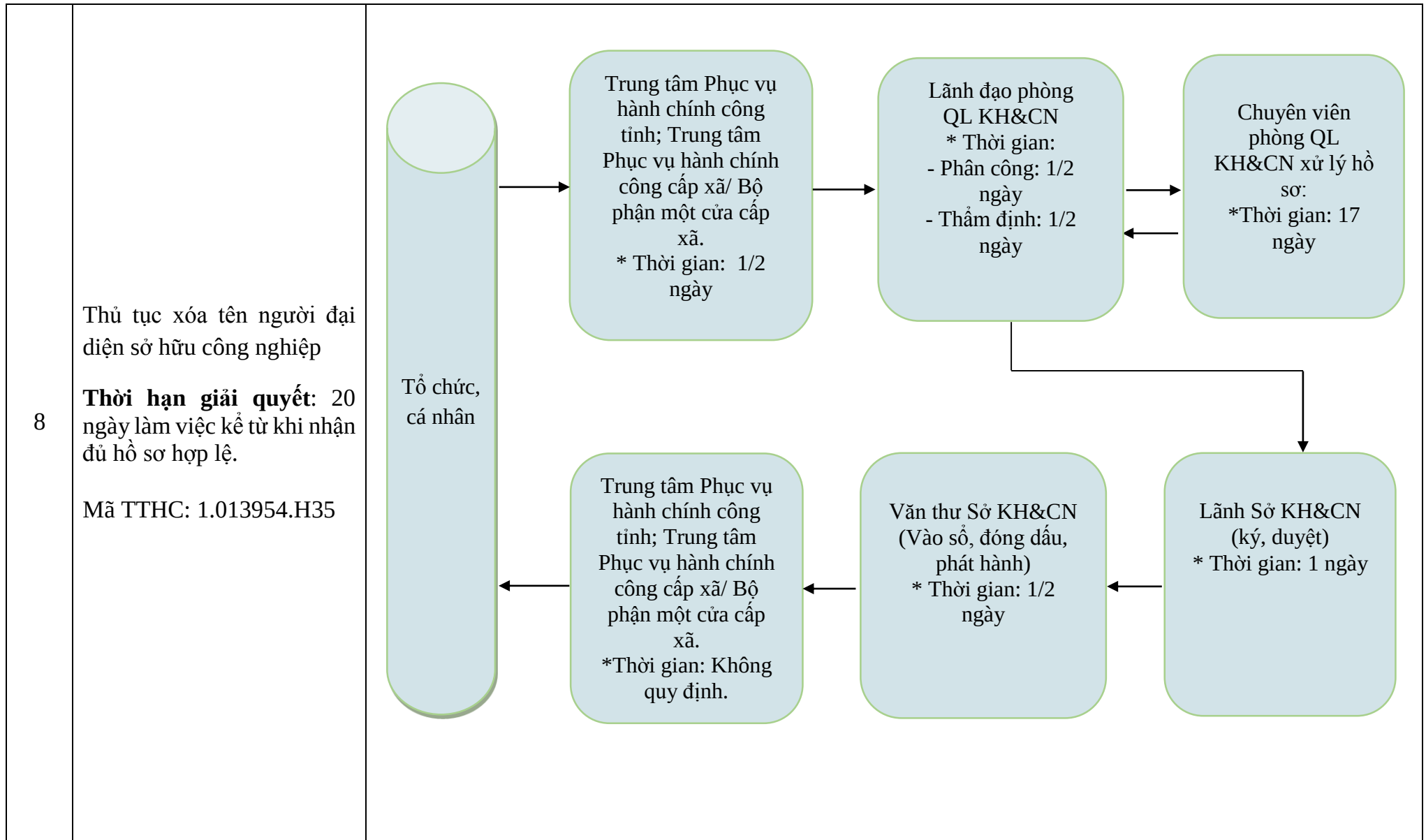


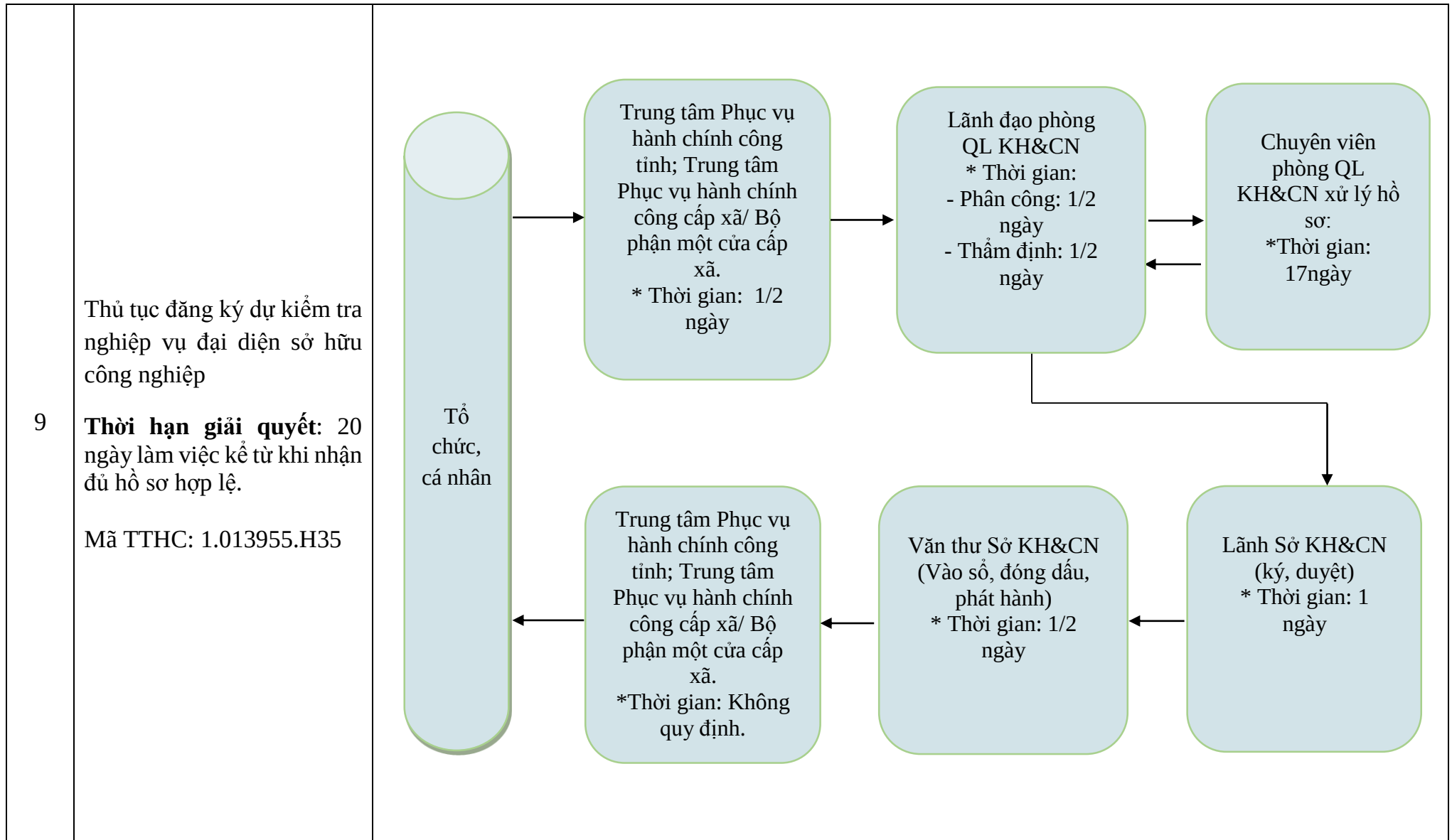


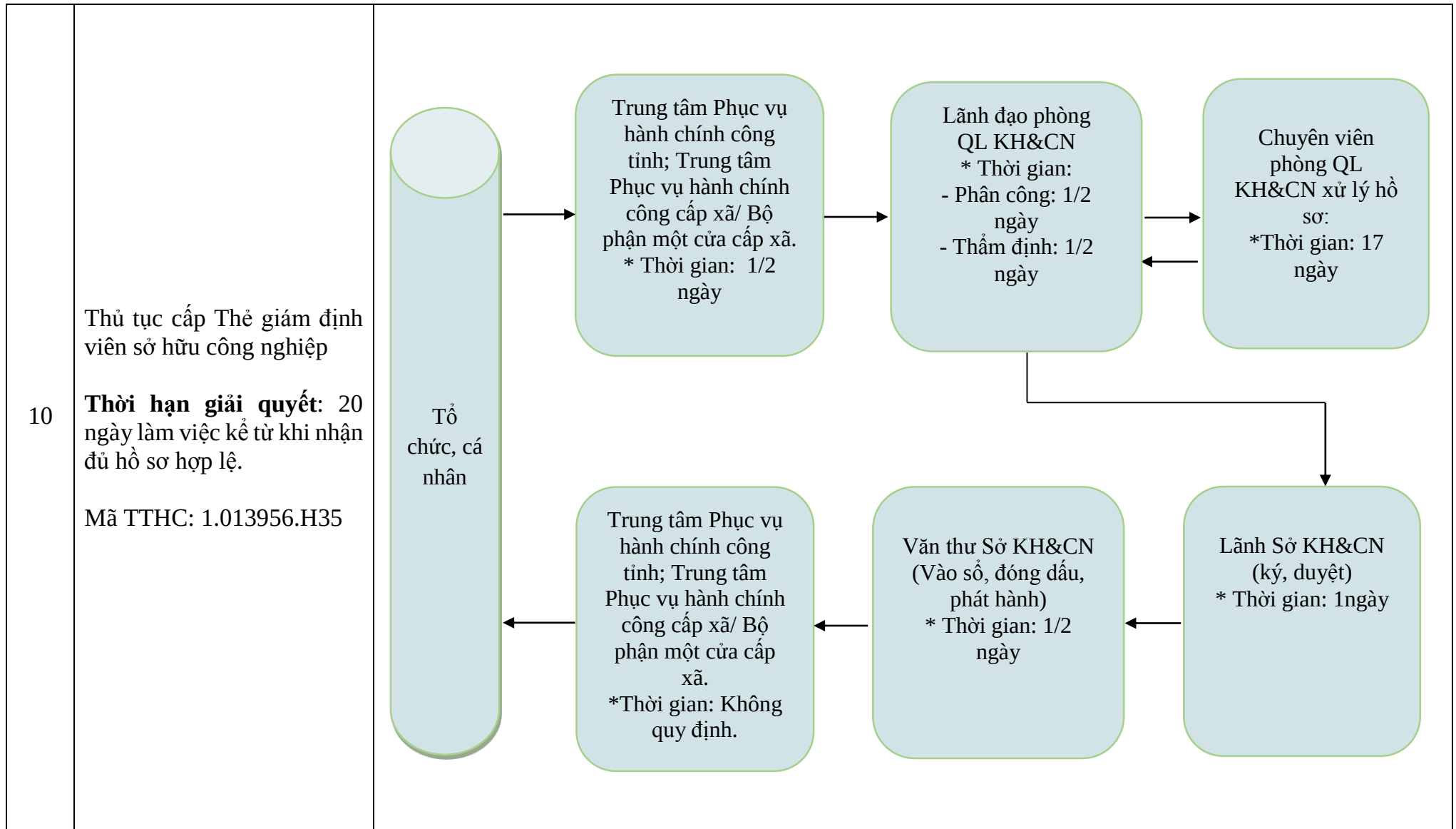


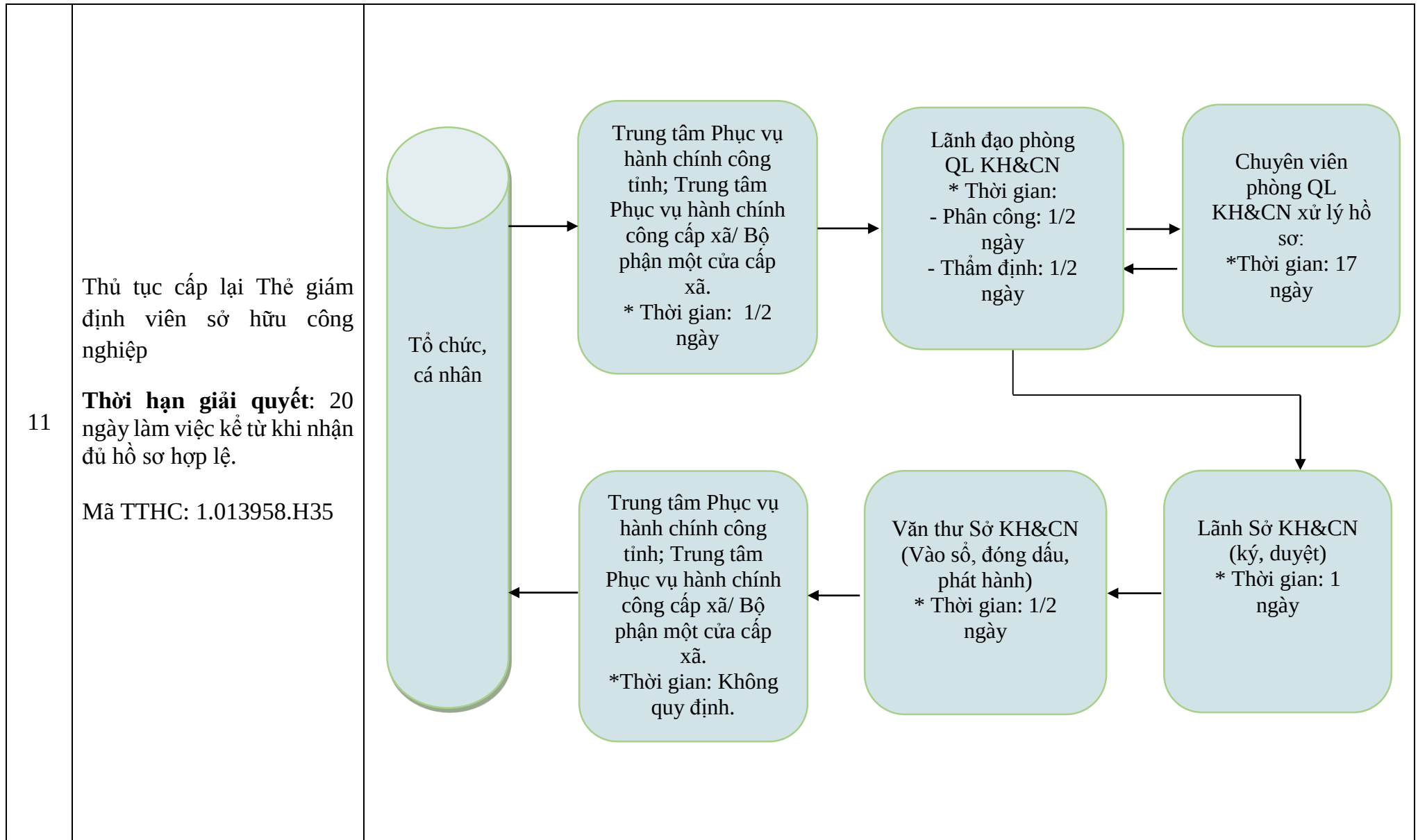


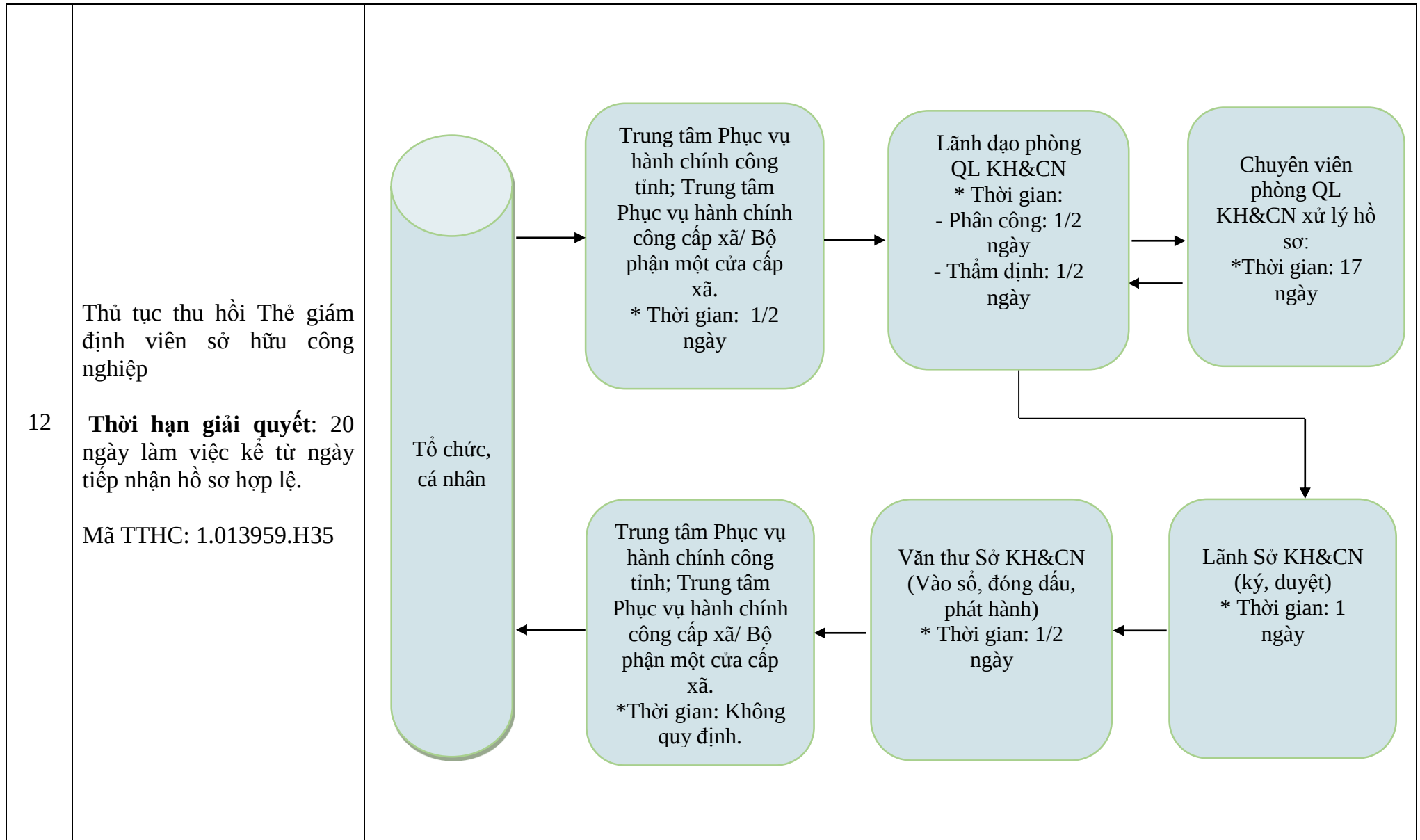


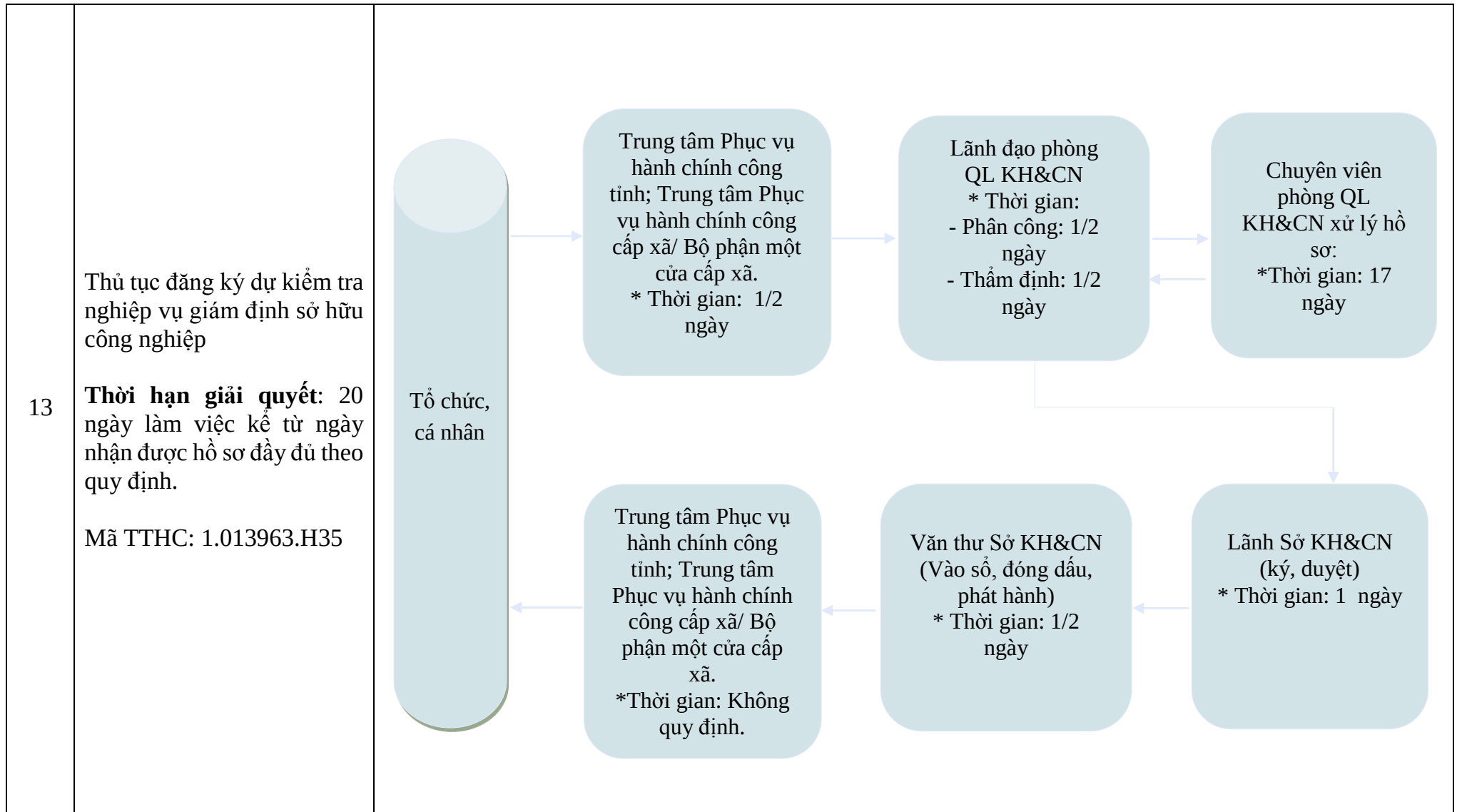


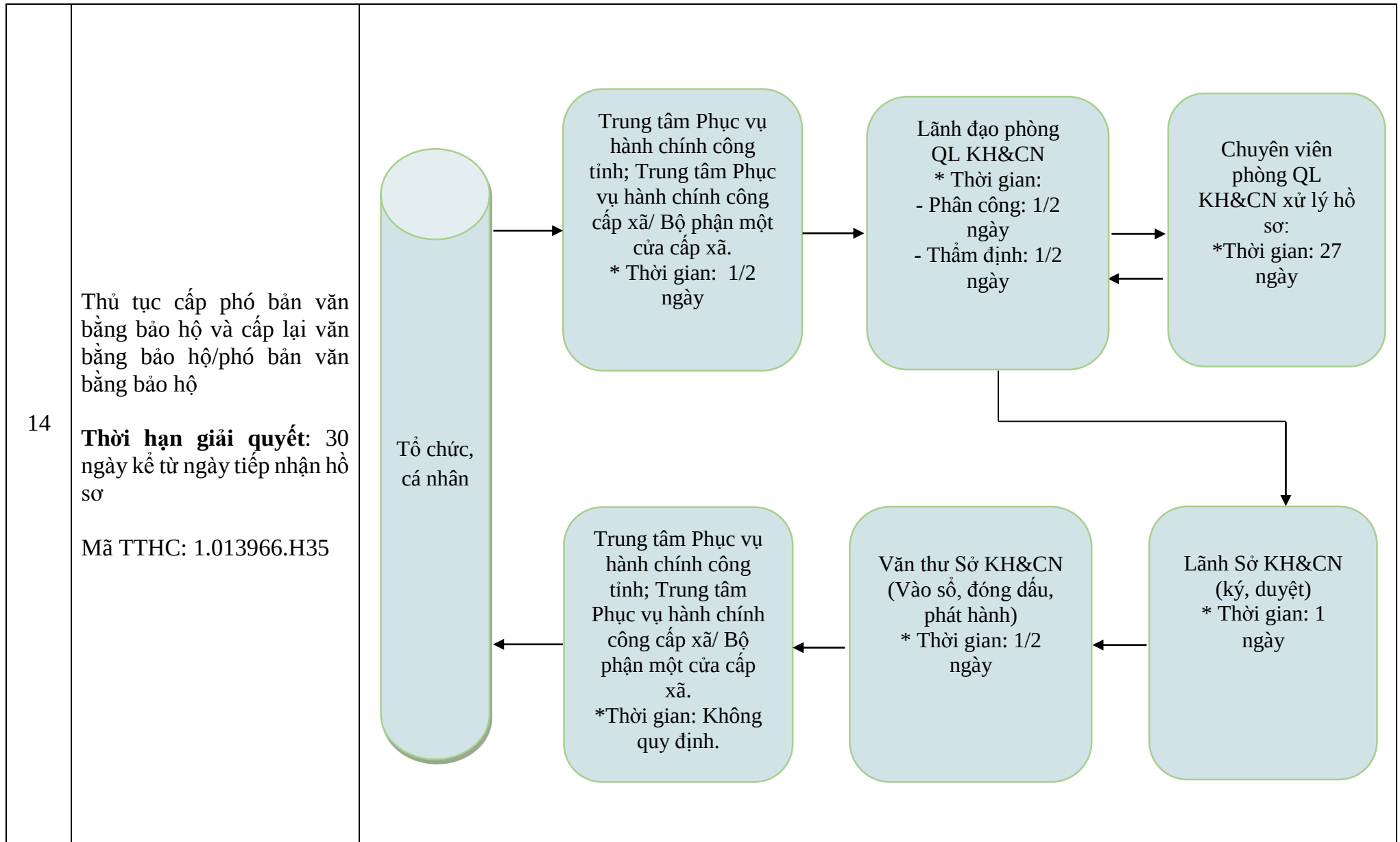


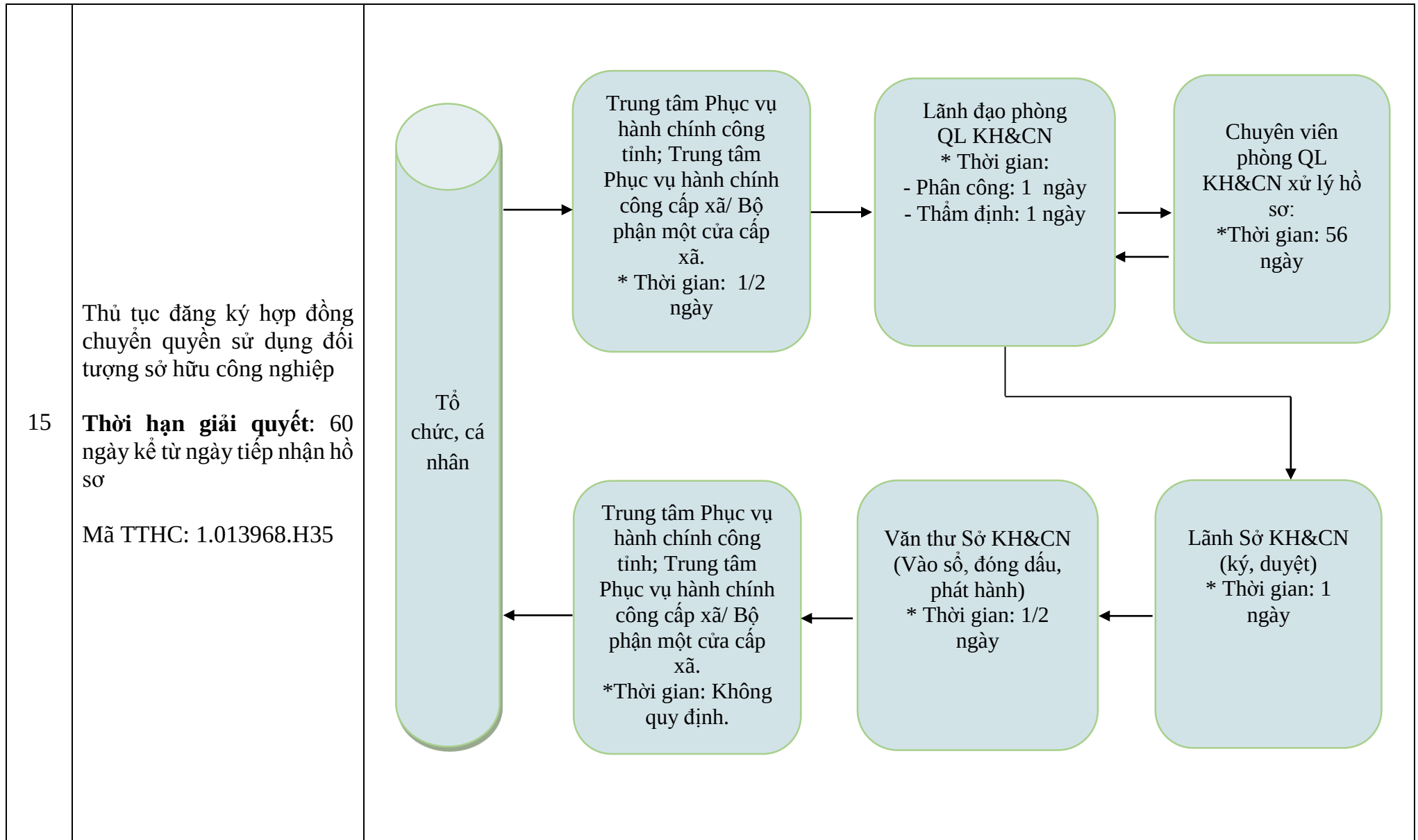


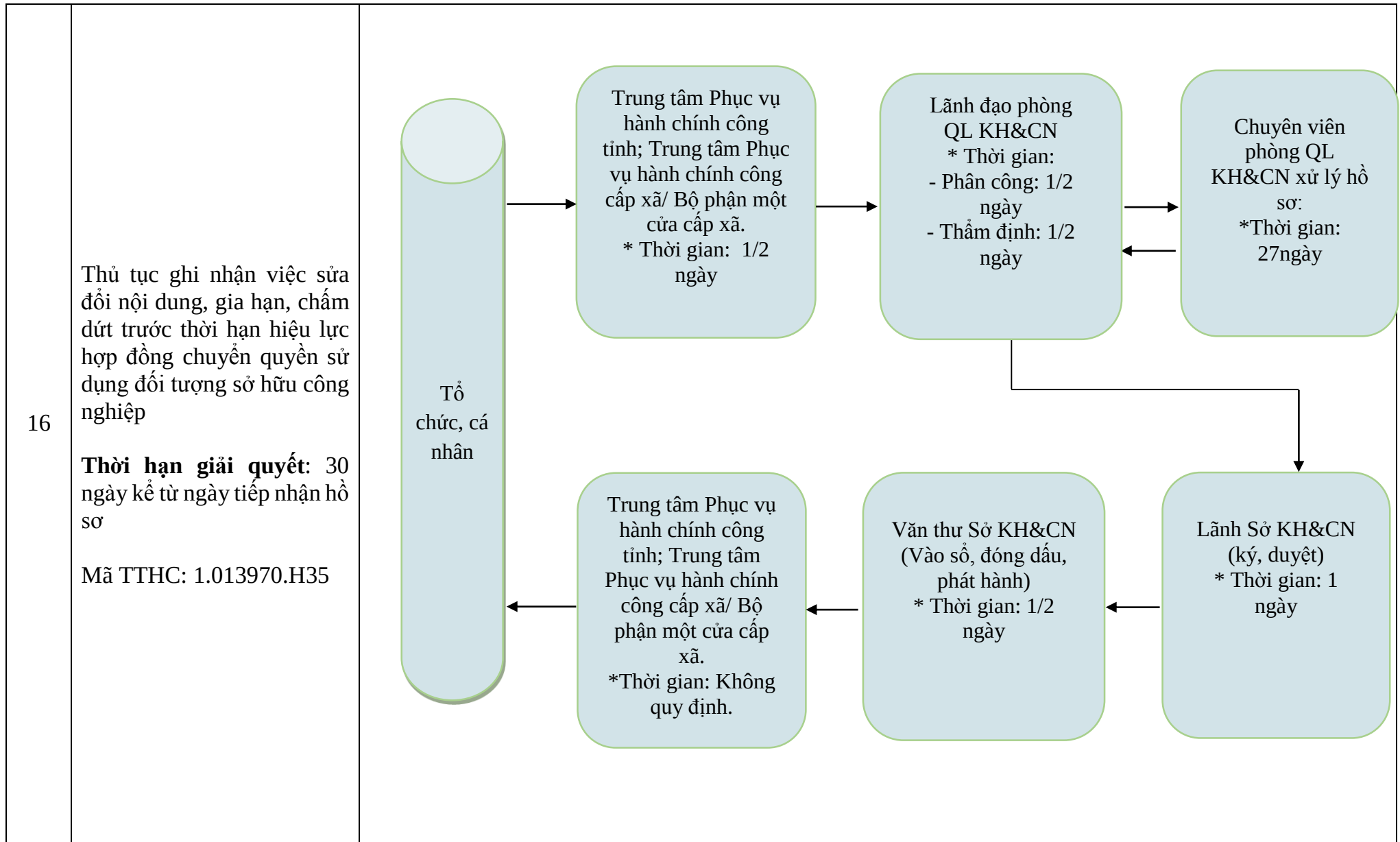


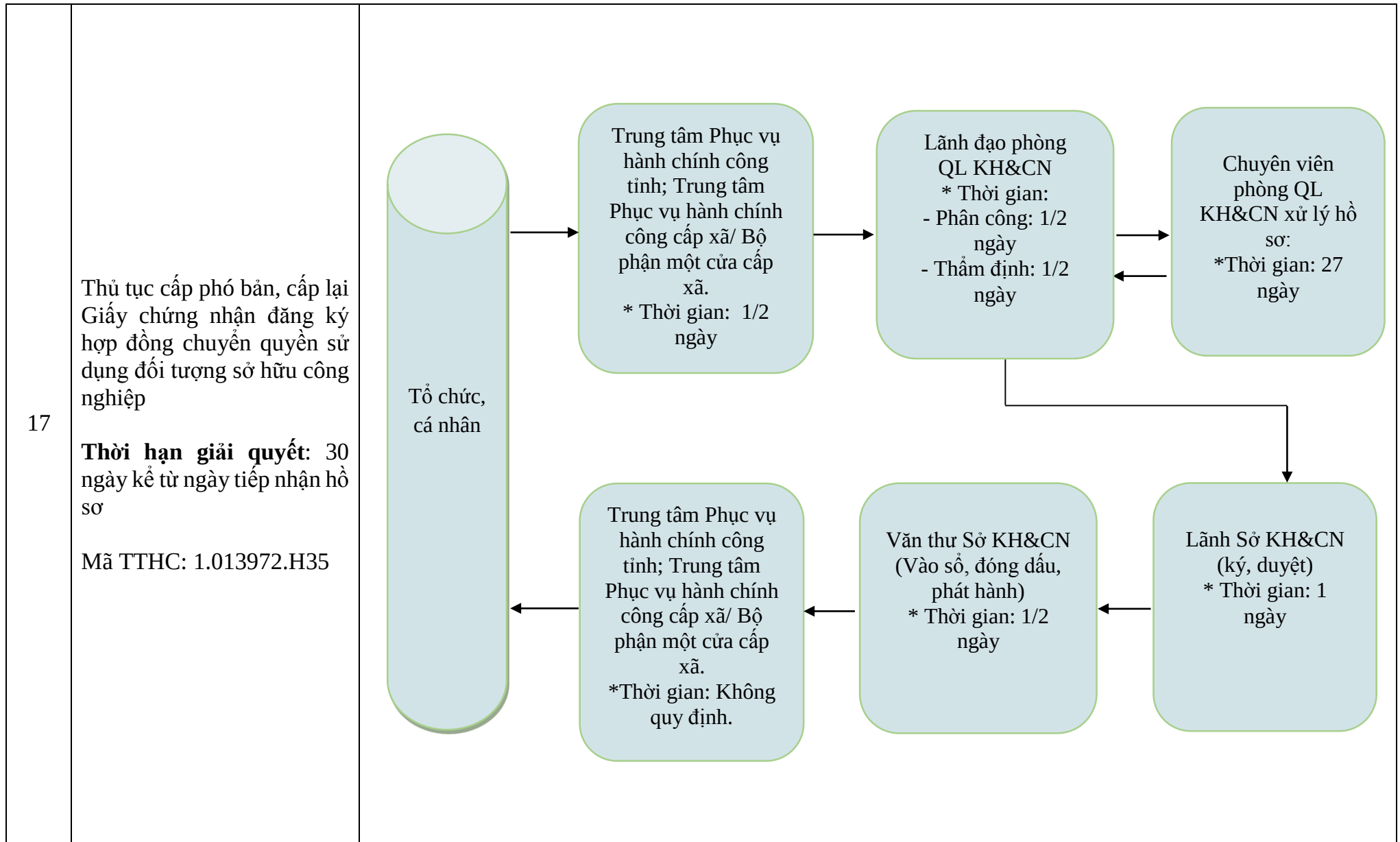


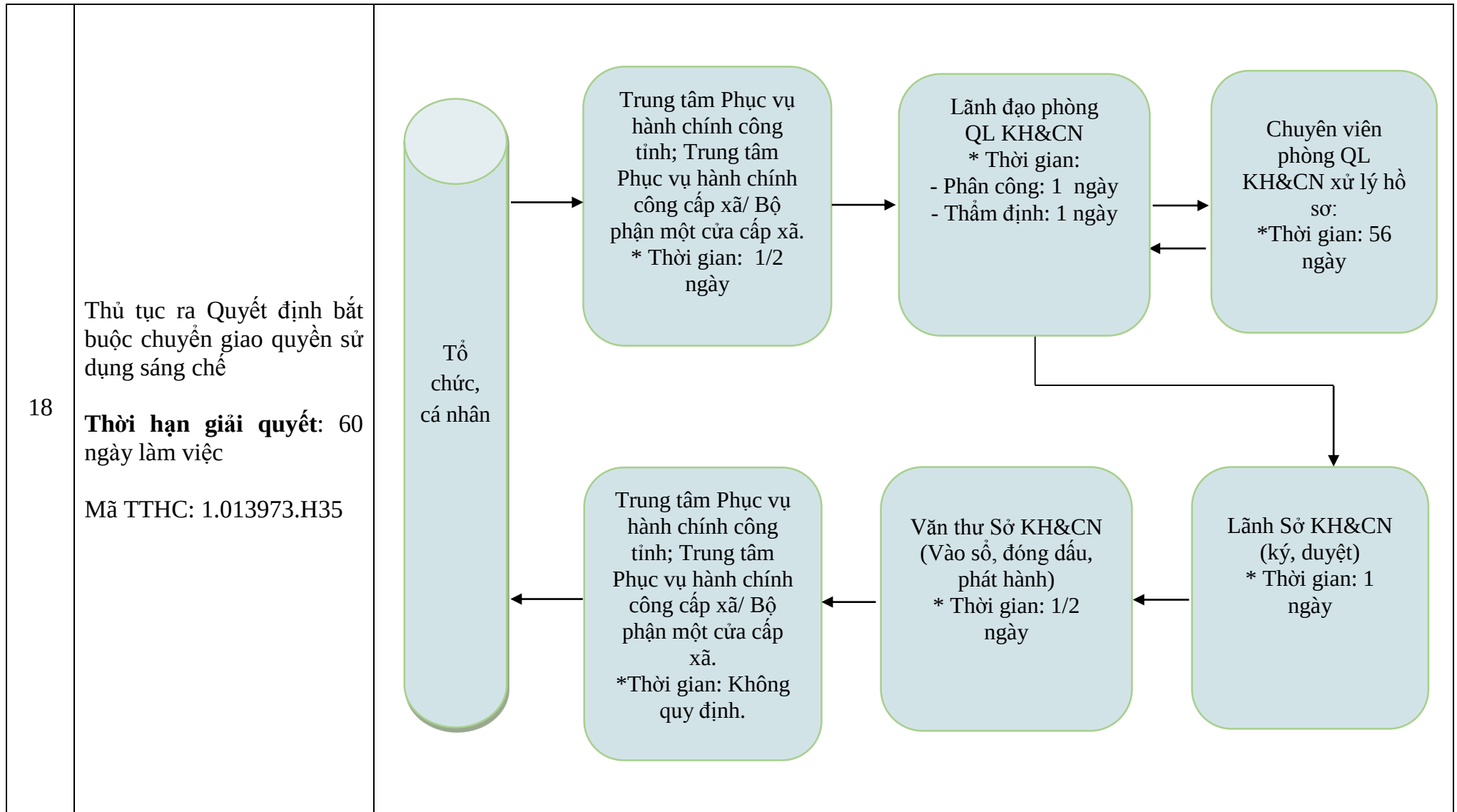


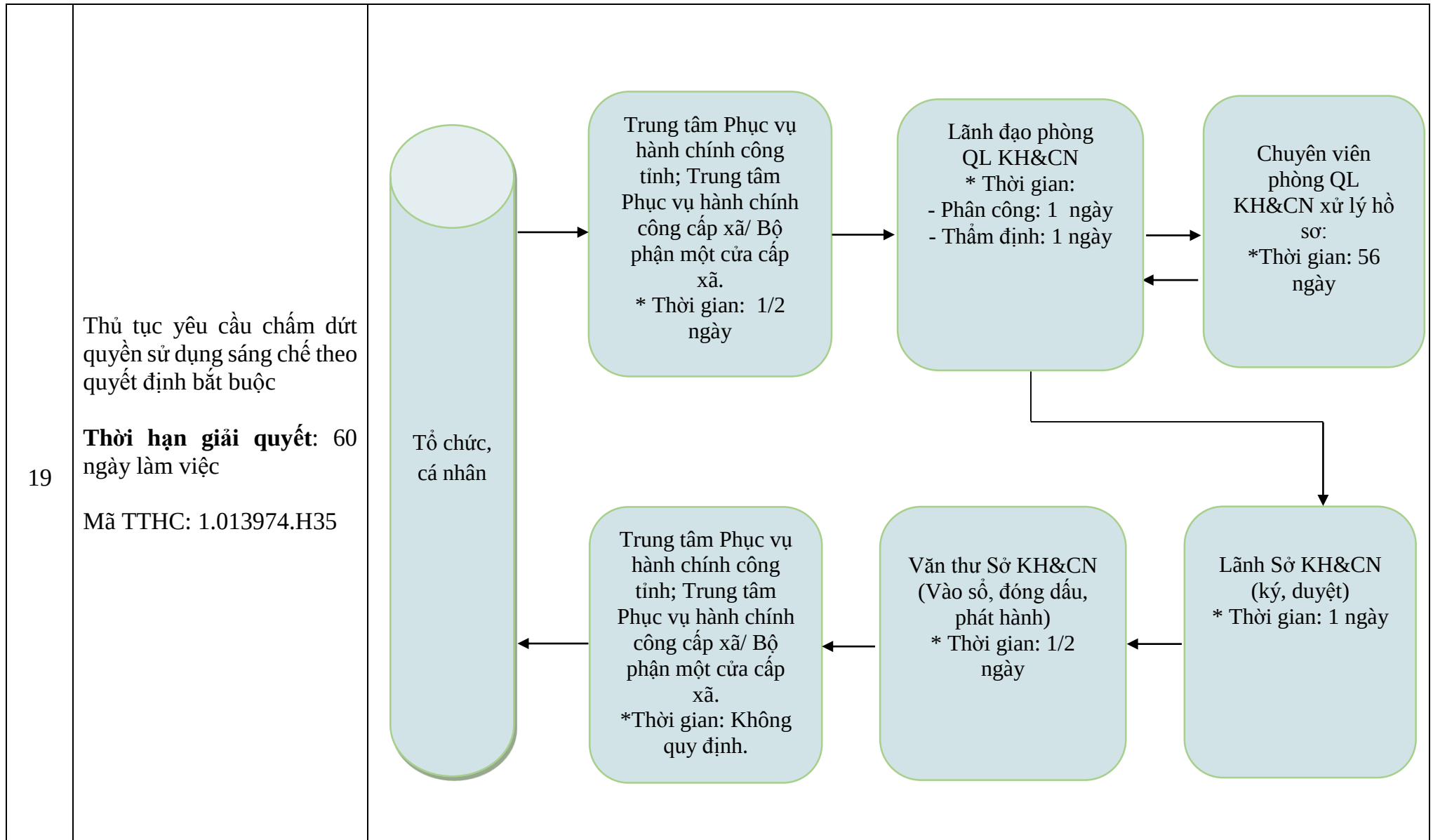




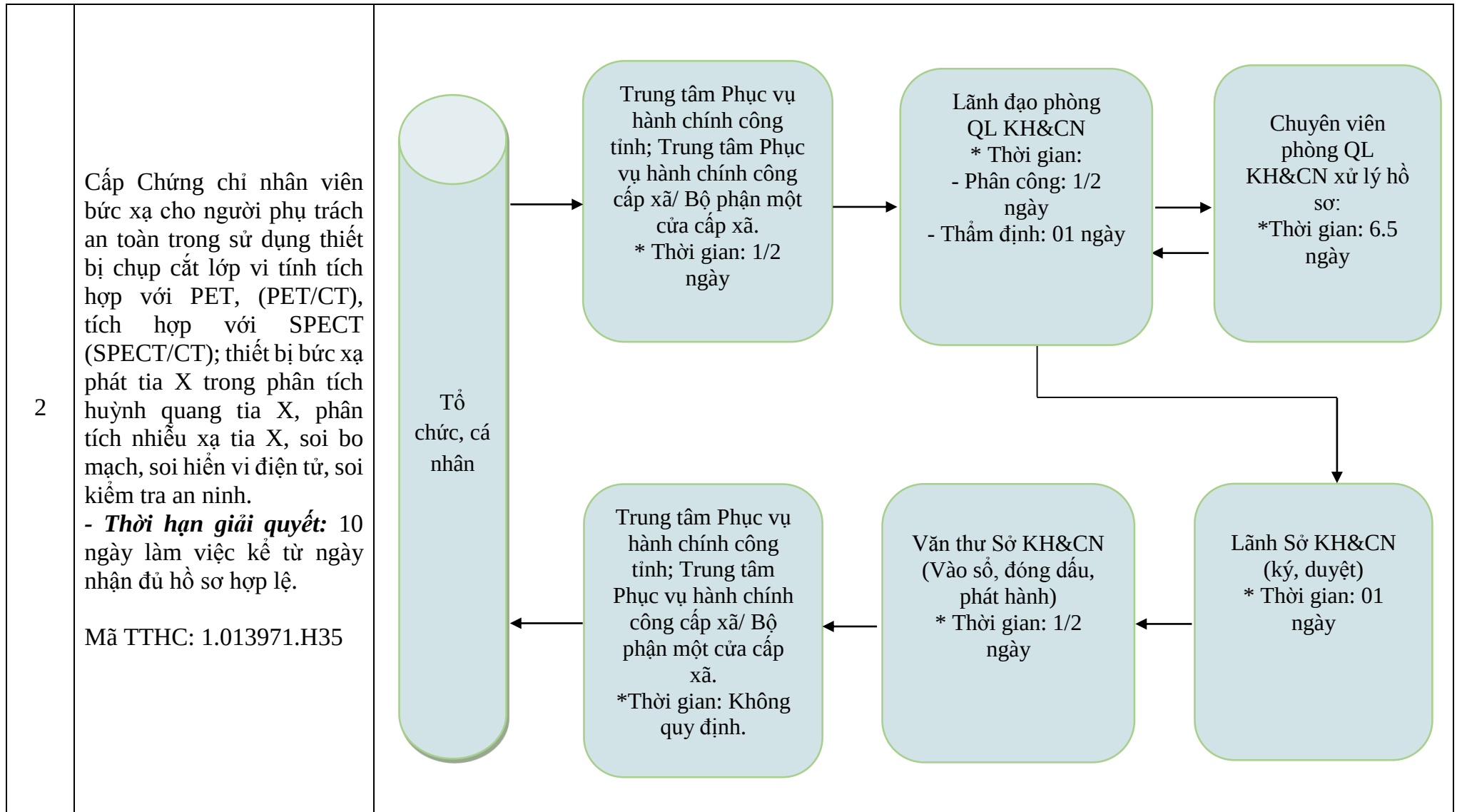








IV	LĨNH VỰC AN TOÀN BỨC XẠ HẠT NHÂN (07 TTHC)		
1	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh. - Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Mã TTHC: 1.013951.H35	<pre> graph TD A[Tổ chức, cá nhân] --> B[Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: 1/2 ngày] B --> C[Lãnh đạo phòng QL KH&CN * Thời gian: - Phân công: 1/2 ngày - Thẩm định: 03 ngày] C --> D[Chuyên viên phòng QL KH&CN xử lý hồ sơ: *Thời gian: 37 ngày] D --> E[Lãnh Sở KH&CN (ký, duyệt) * Thời gian: 03 ngày] E --> F[Văn thư Sở KH&CN (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian: 01 ngày] F --> G[Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. *Thời gian: Không quy định.] G --> A </pre>	

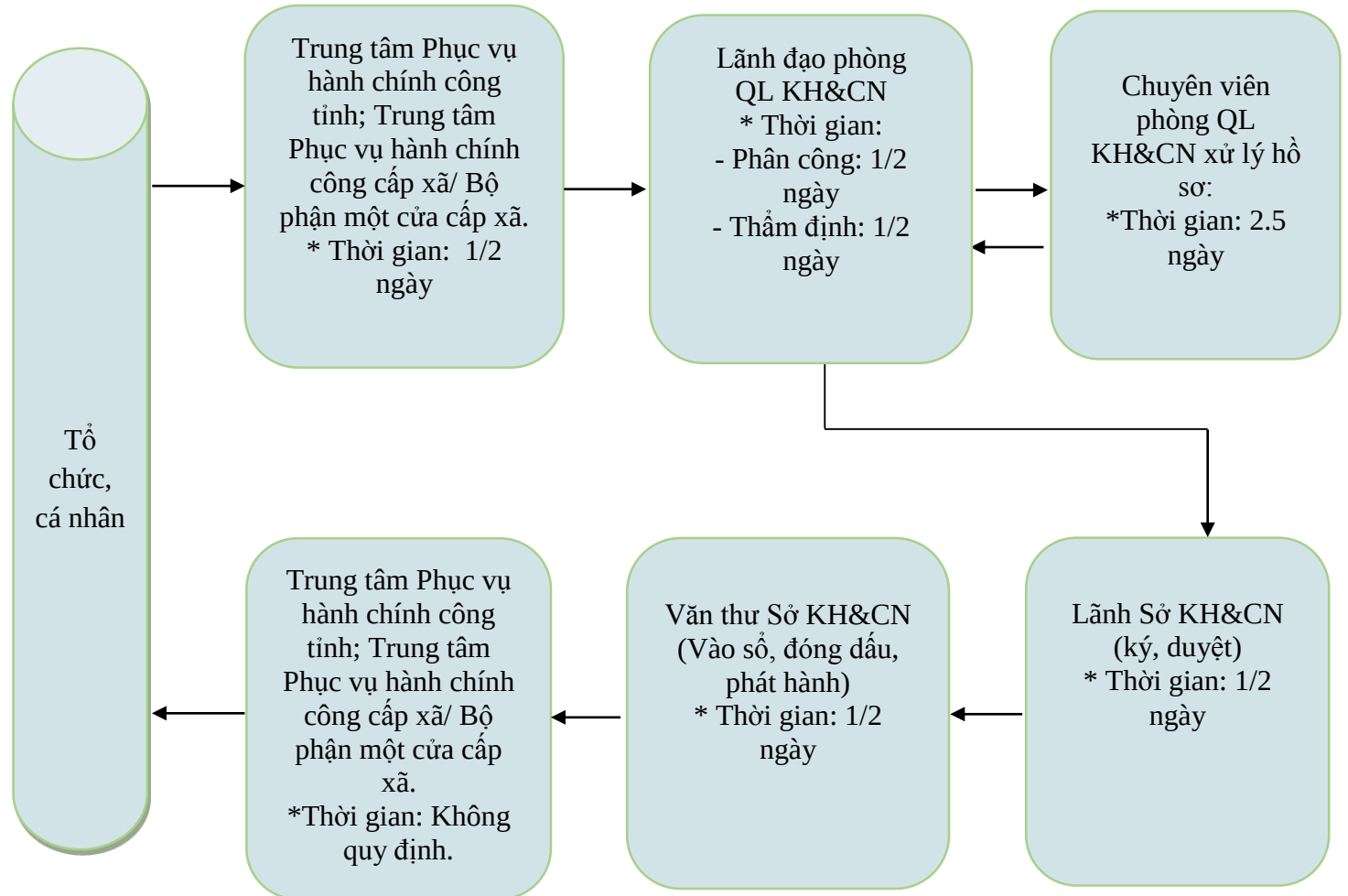


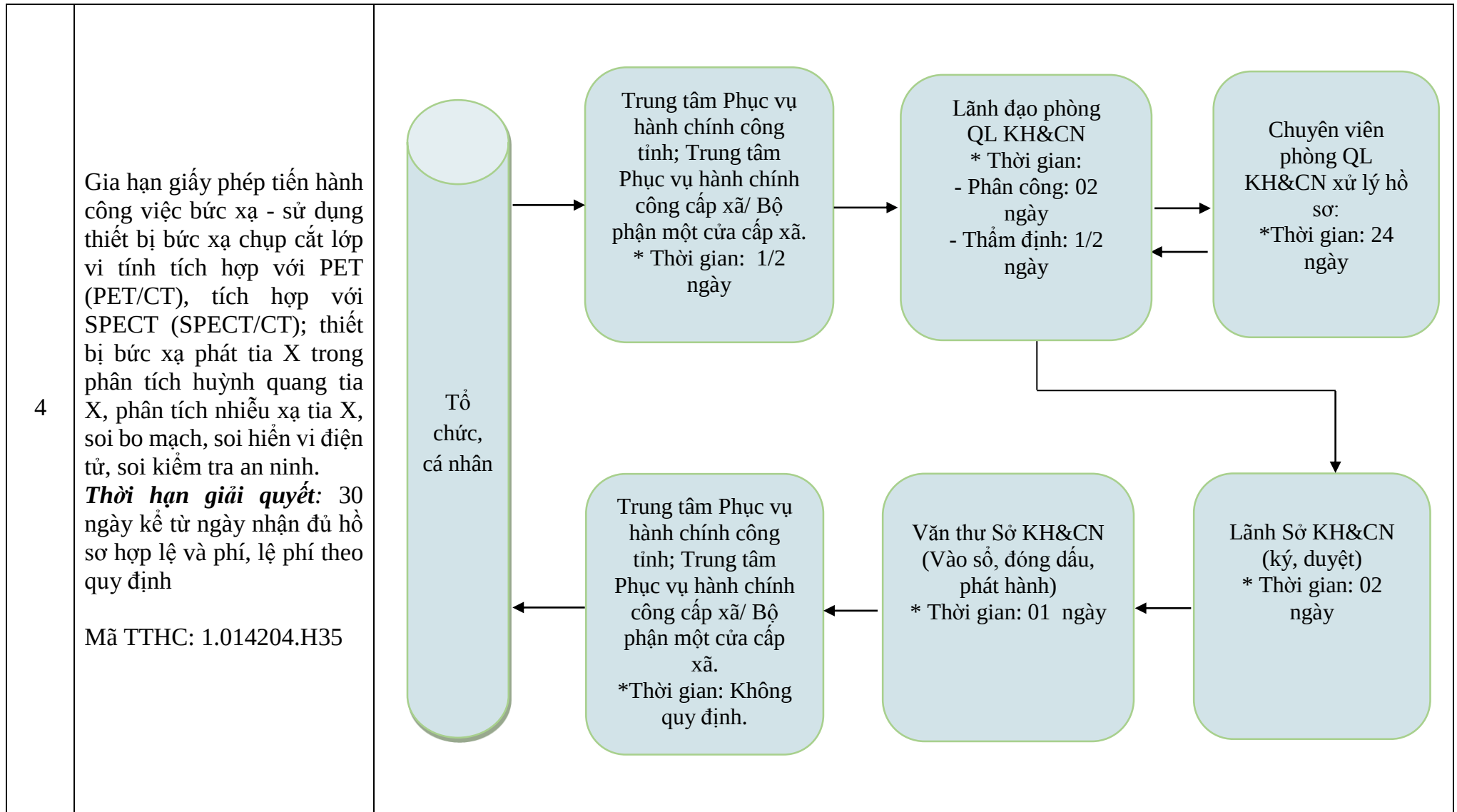
3

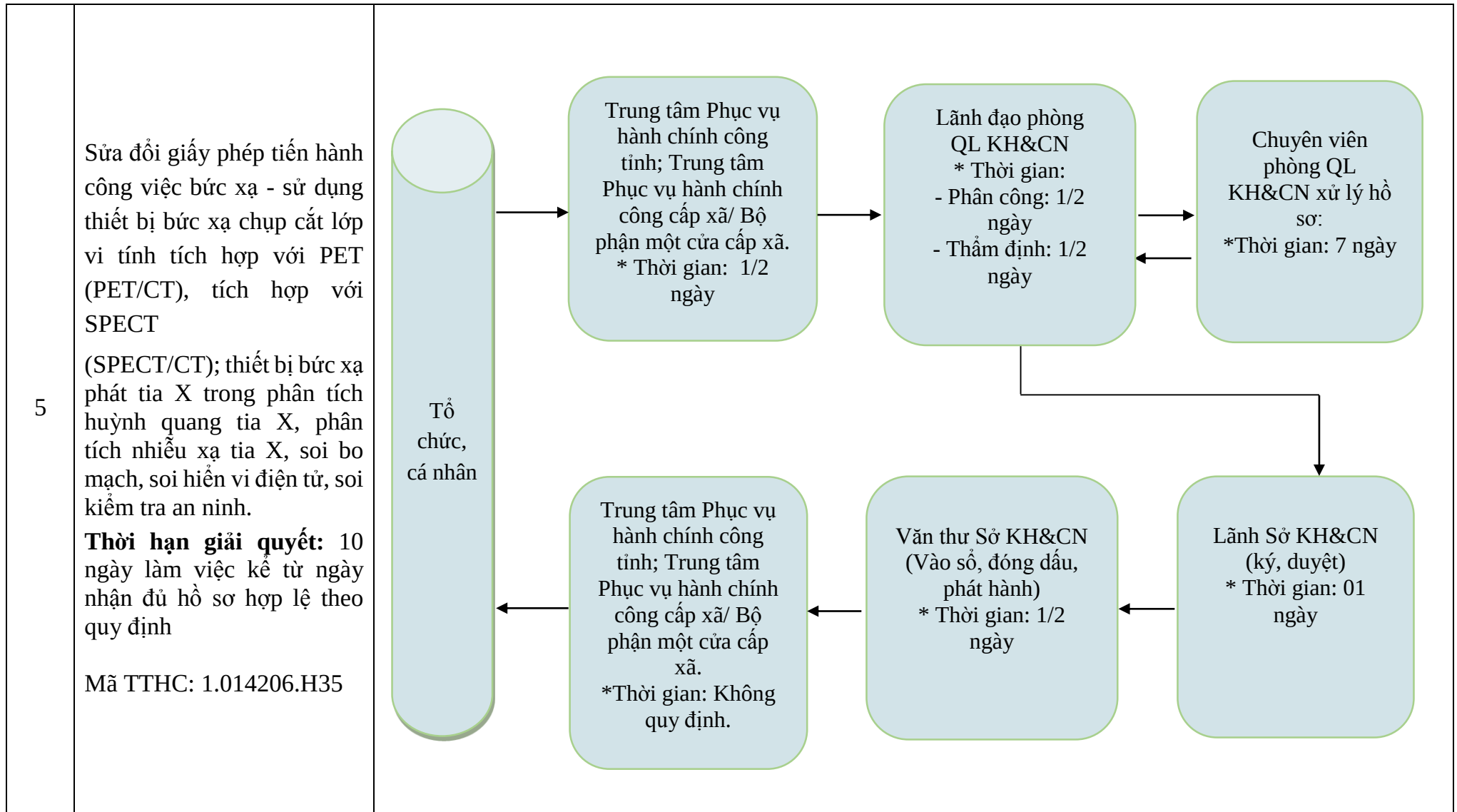
Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Mã TTHC: 1.013948.H35





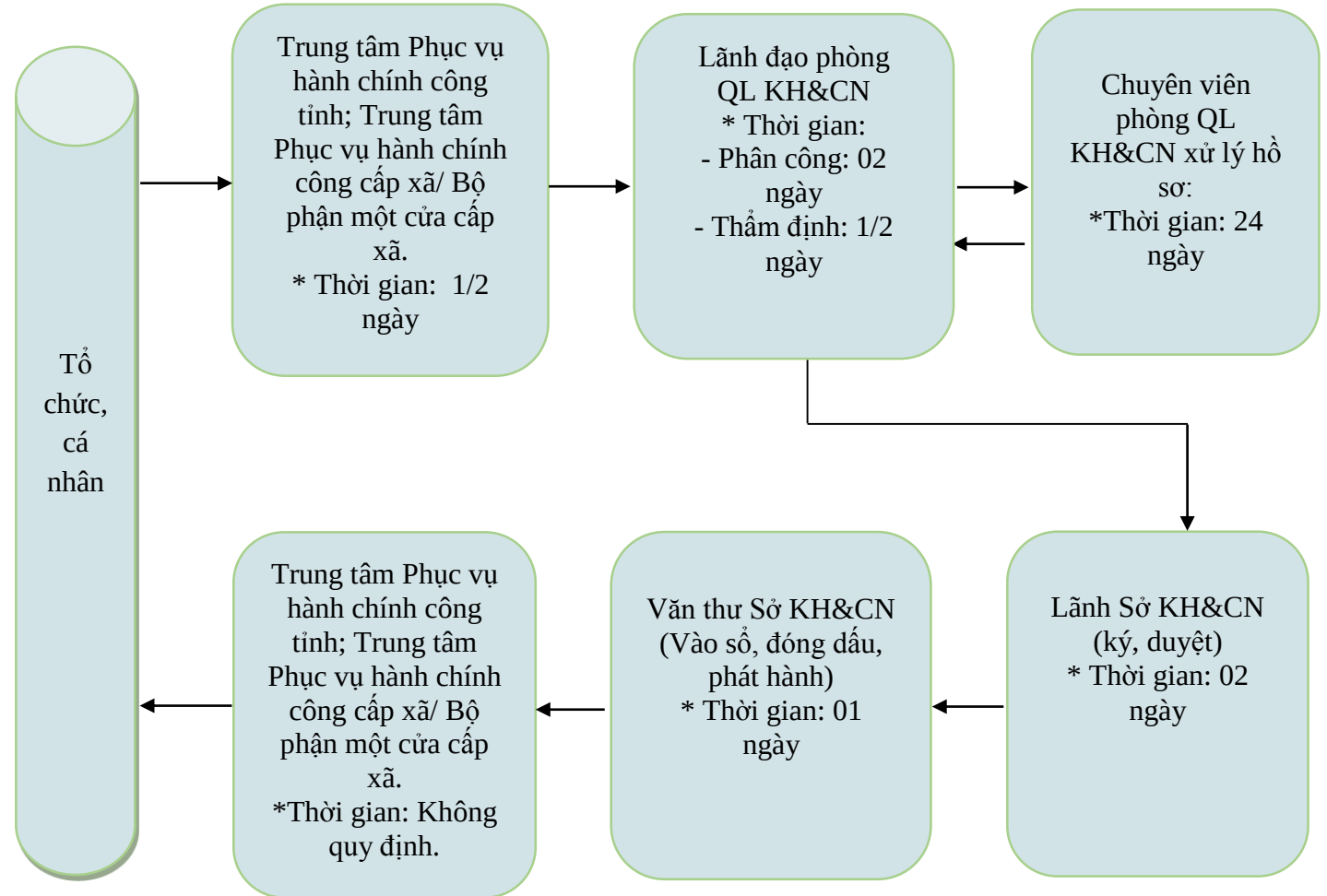


6

Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Mã TTHC: 1.014207.H35

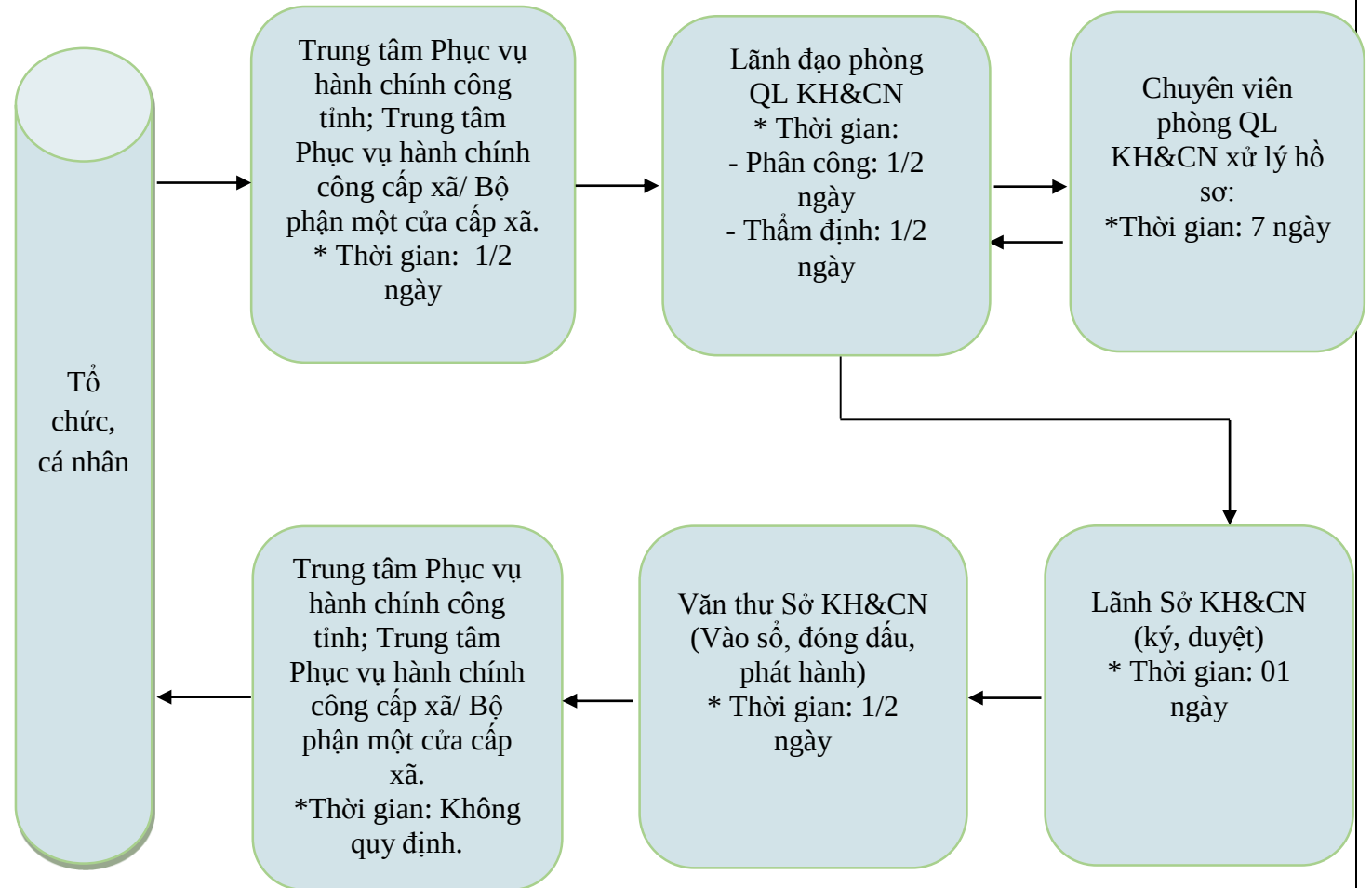


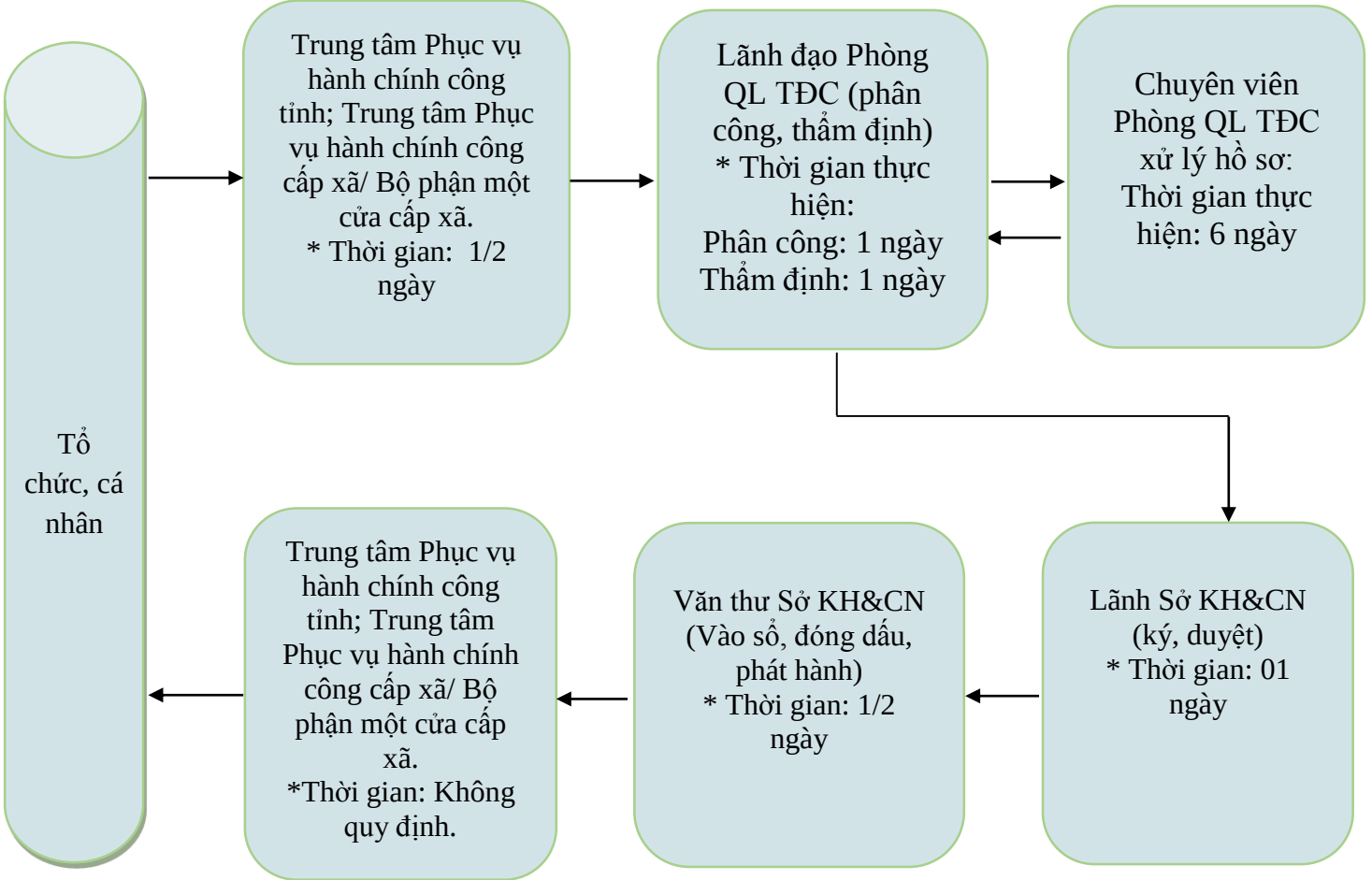
7

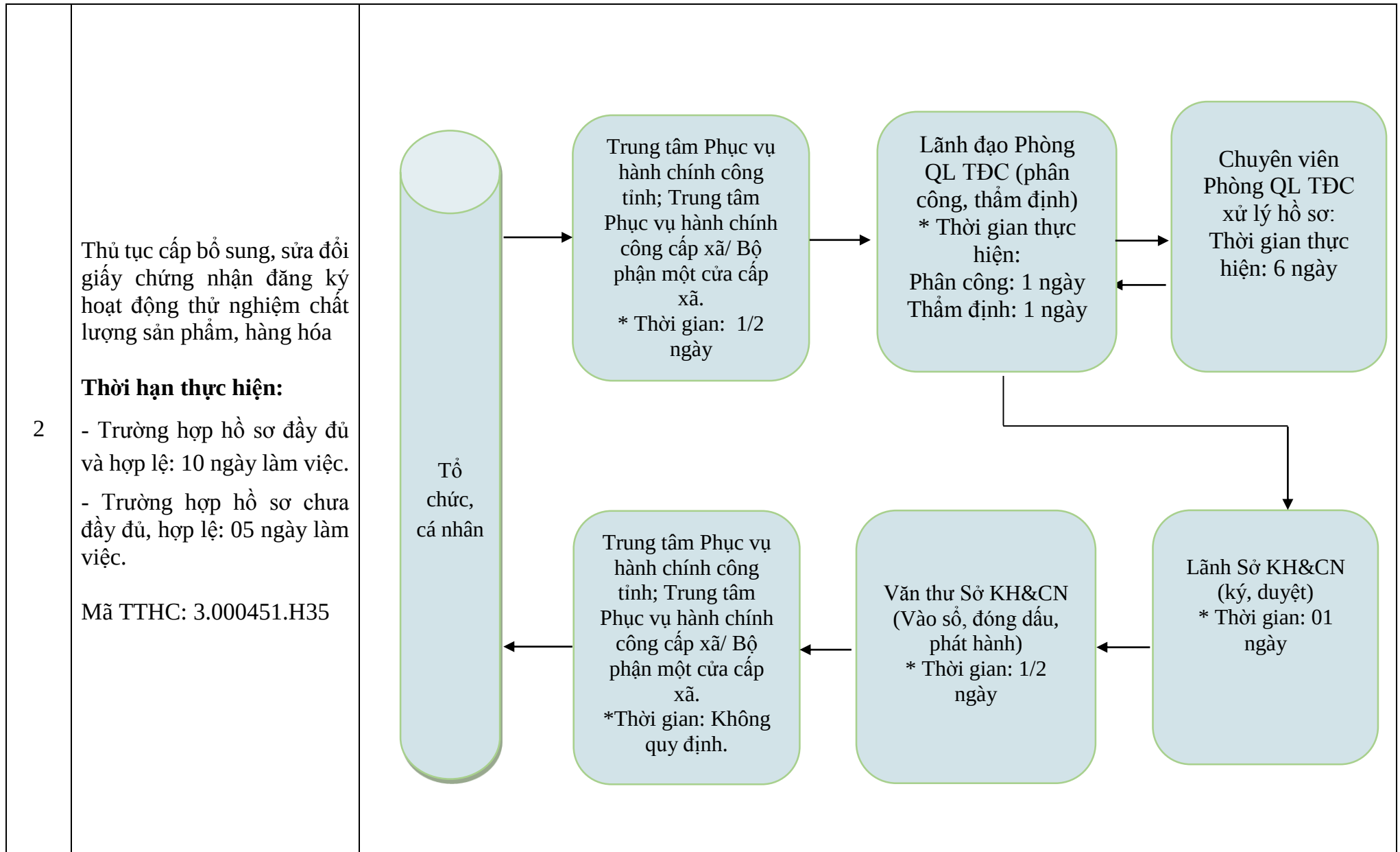
Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

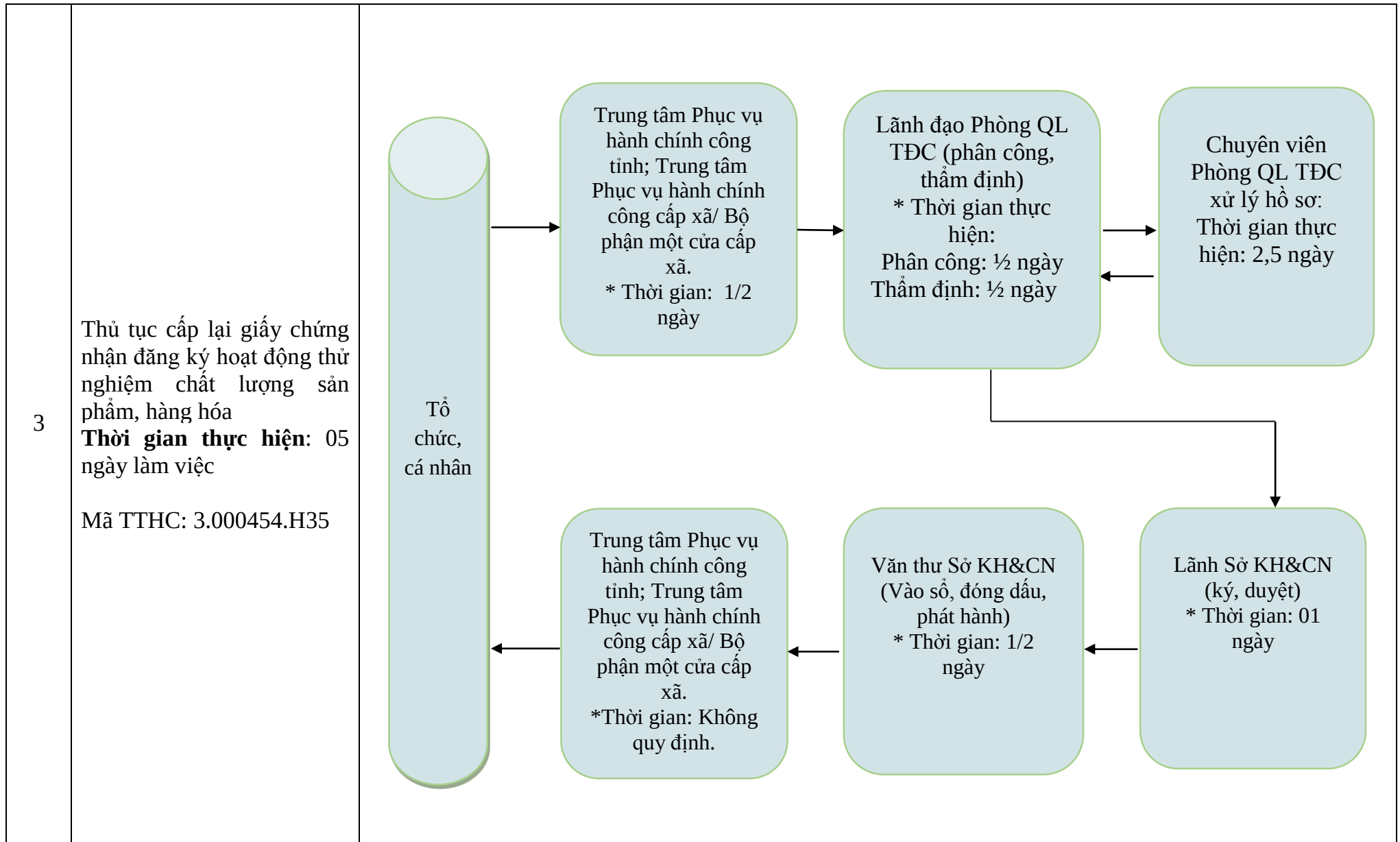
- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

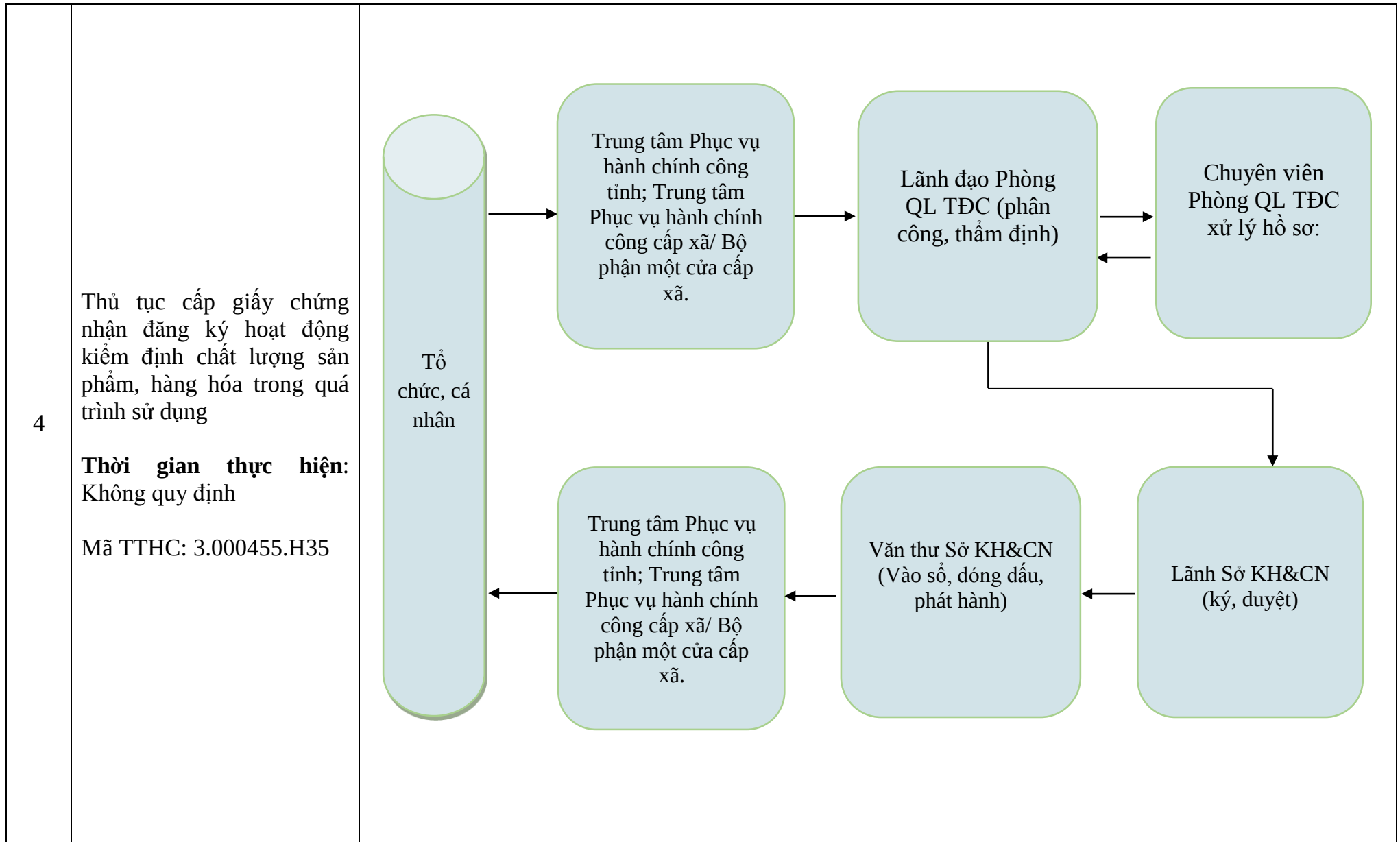
Mã TTHC: 1.014205.H35

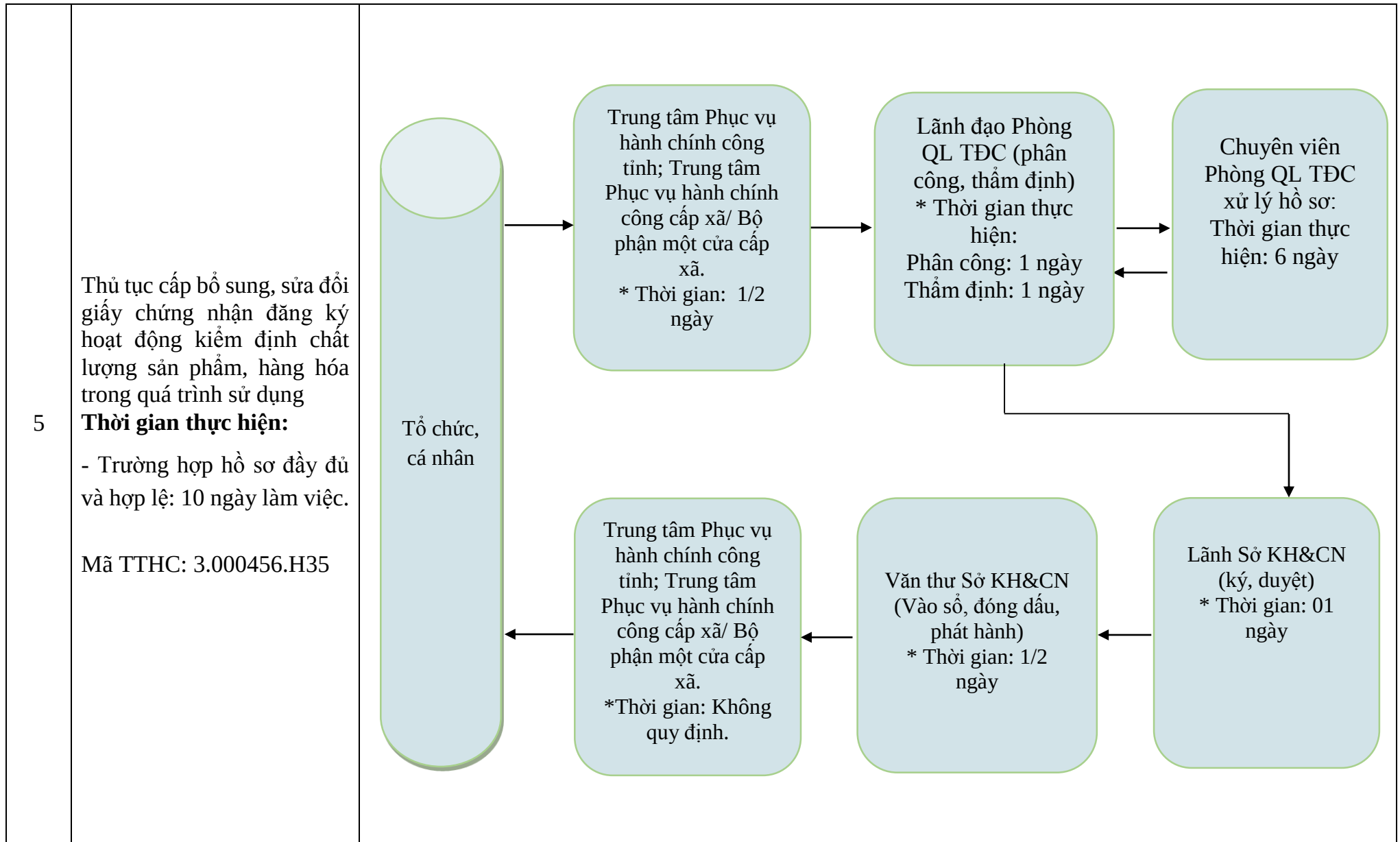


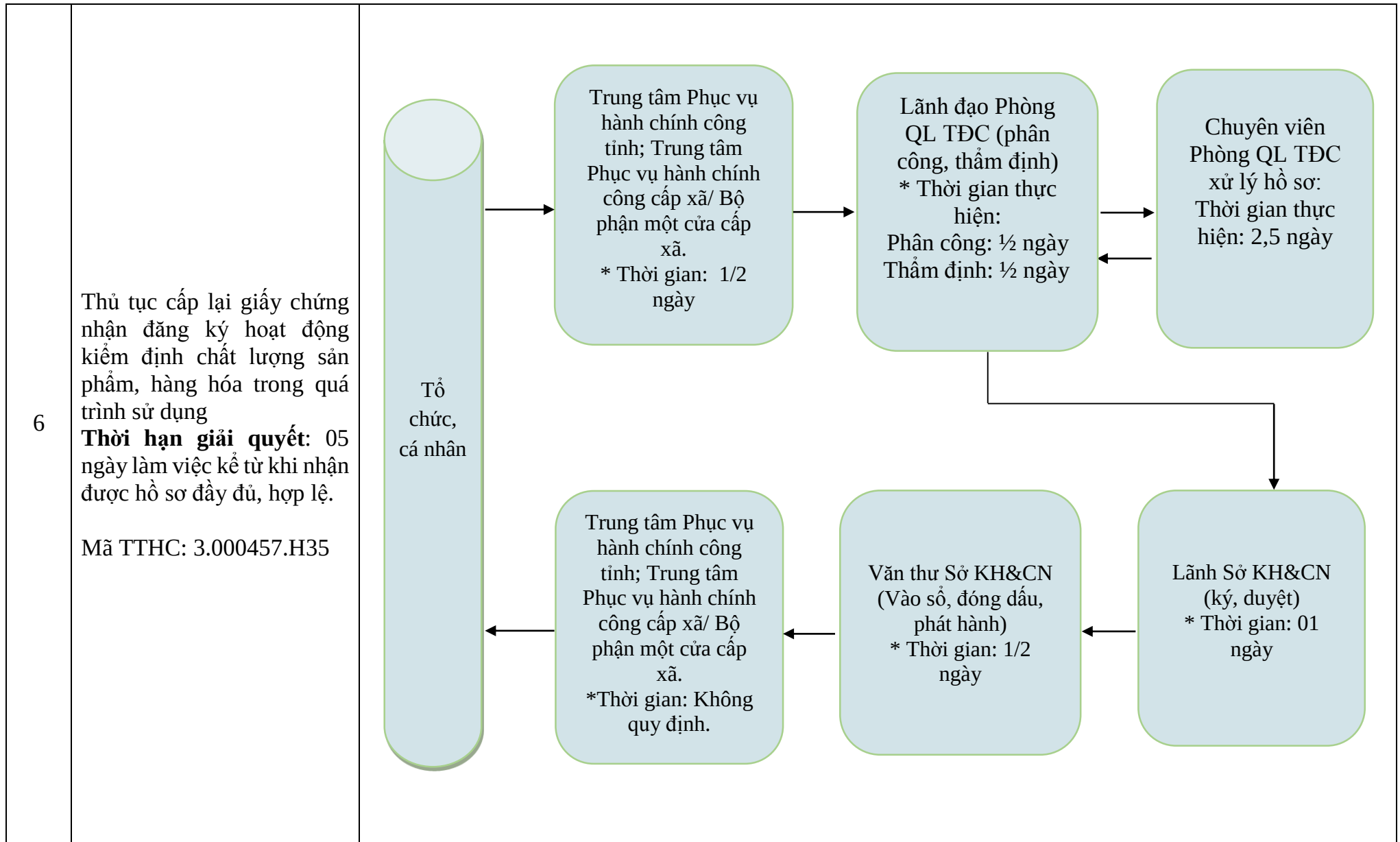
V	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (32 TTHC)		
1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa - Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Mã TTHC: 3.000453.H35	 <pre> graph LR A[Tổ chức, cá nhân] --> B[Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: 1/2 ngày] B --> C[Lãnh đạo Phòng QL TĐC (phân công, thẩm định) * Thời gian thực hiện: Phân công: 1 ngày Thẩm định: 1 ngày] C --> D[Chuyên viên Phòng QL TĐC xử lý hồ sơ: Thời gian thực hiện: 6 ngày] D --> E[Lãnh Sở KH&CN (ký, duyệt) * Thời gian: 01 ngày] E --> F[Văn thư Sở KH&CN (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian: 1/2 ngày] F --> G[Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: Không quy định.] G --> A </pre>	

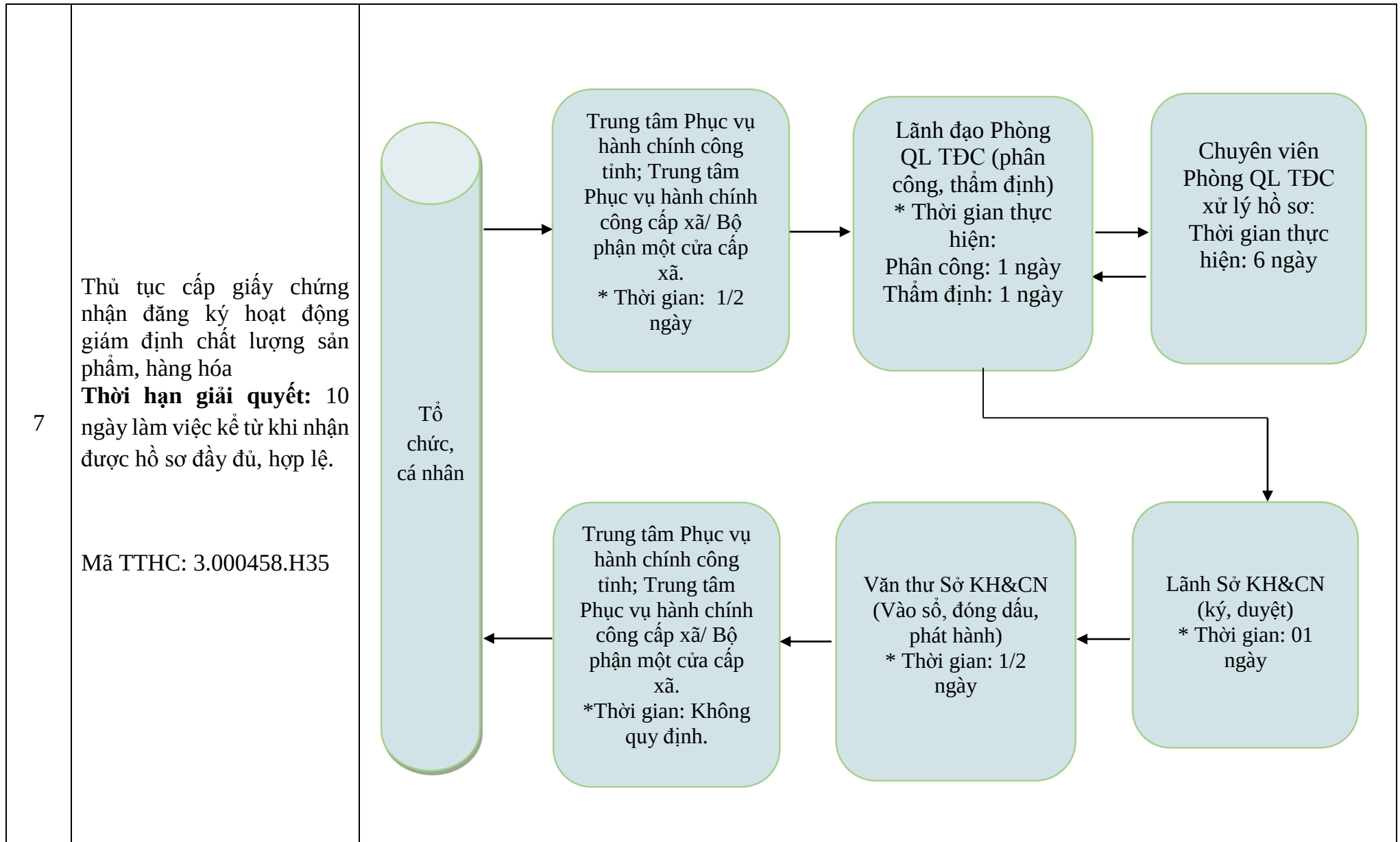


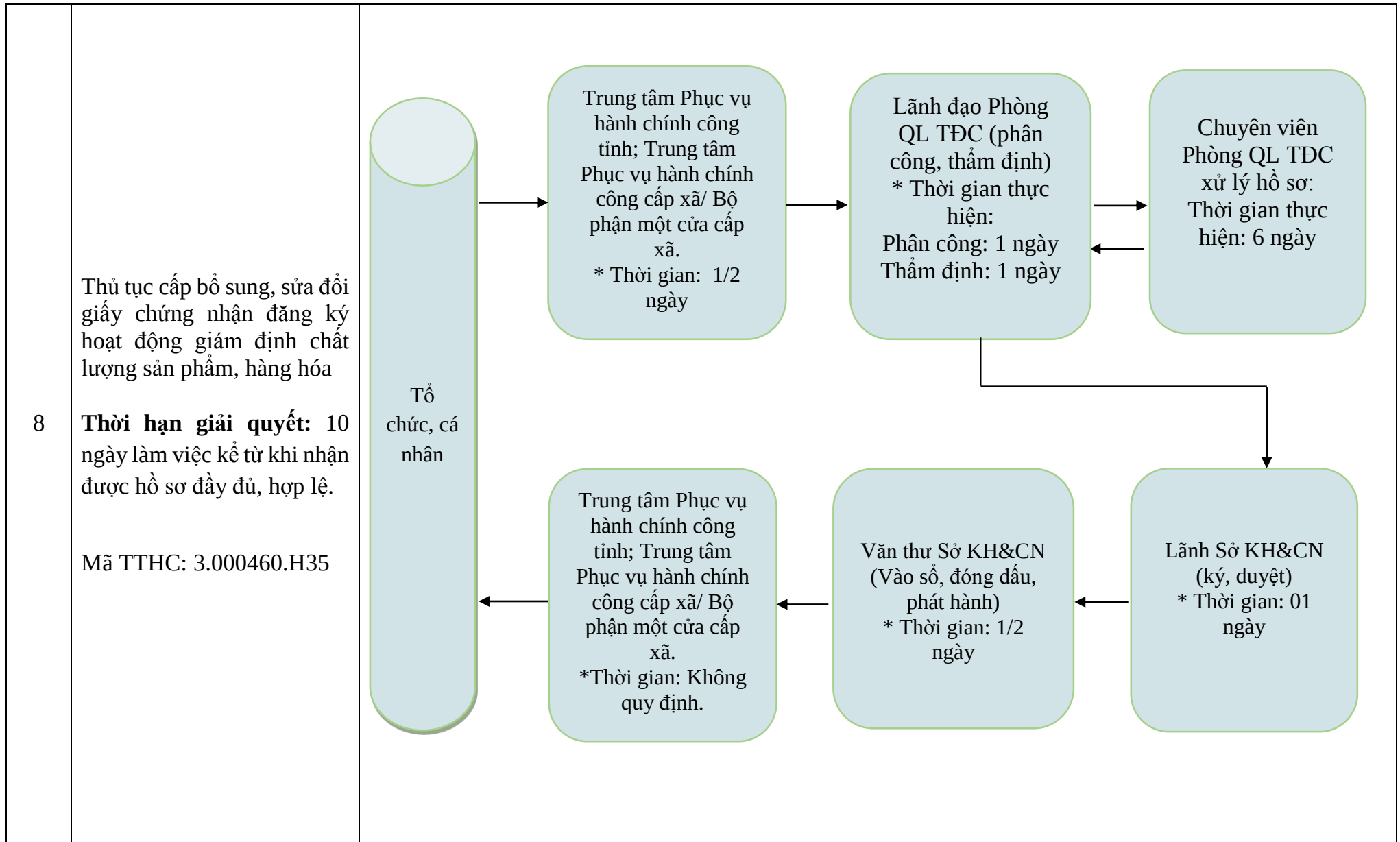


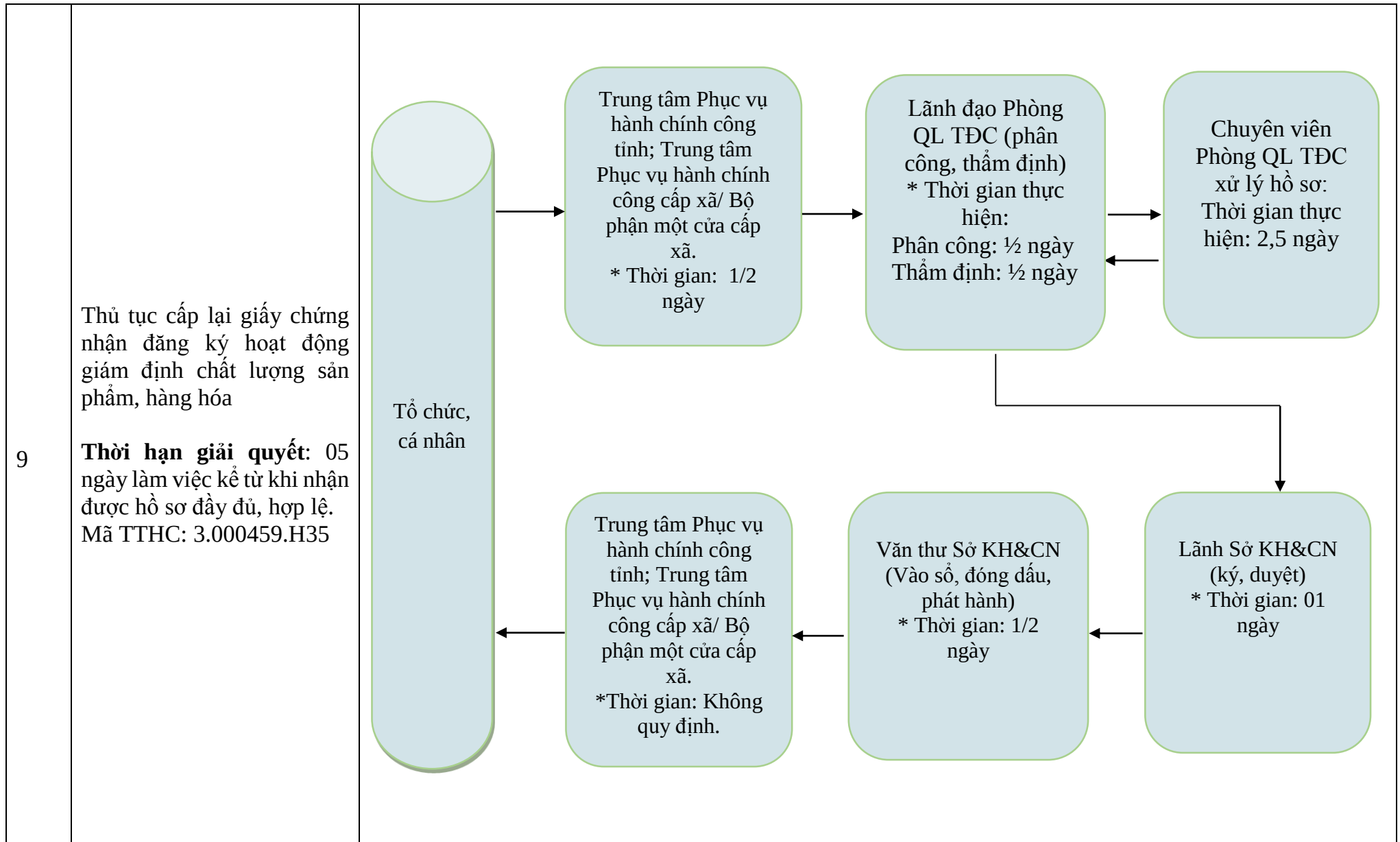


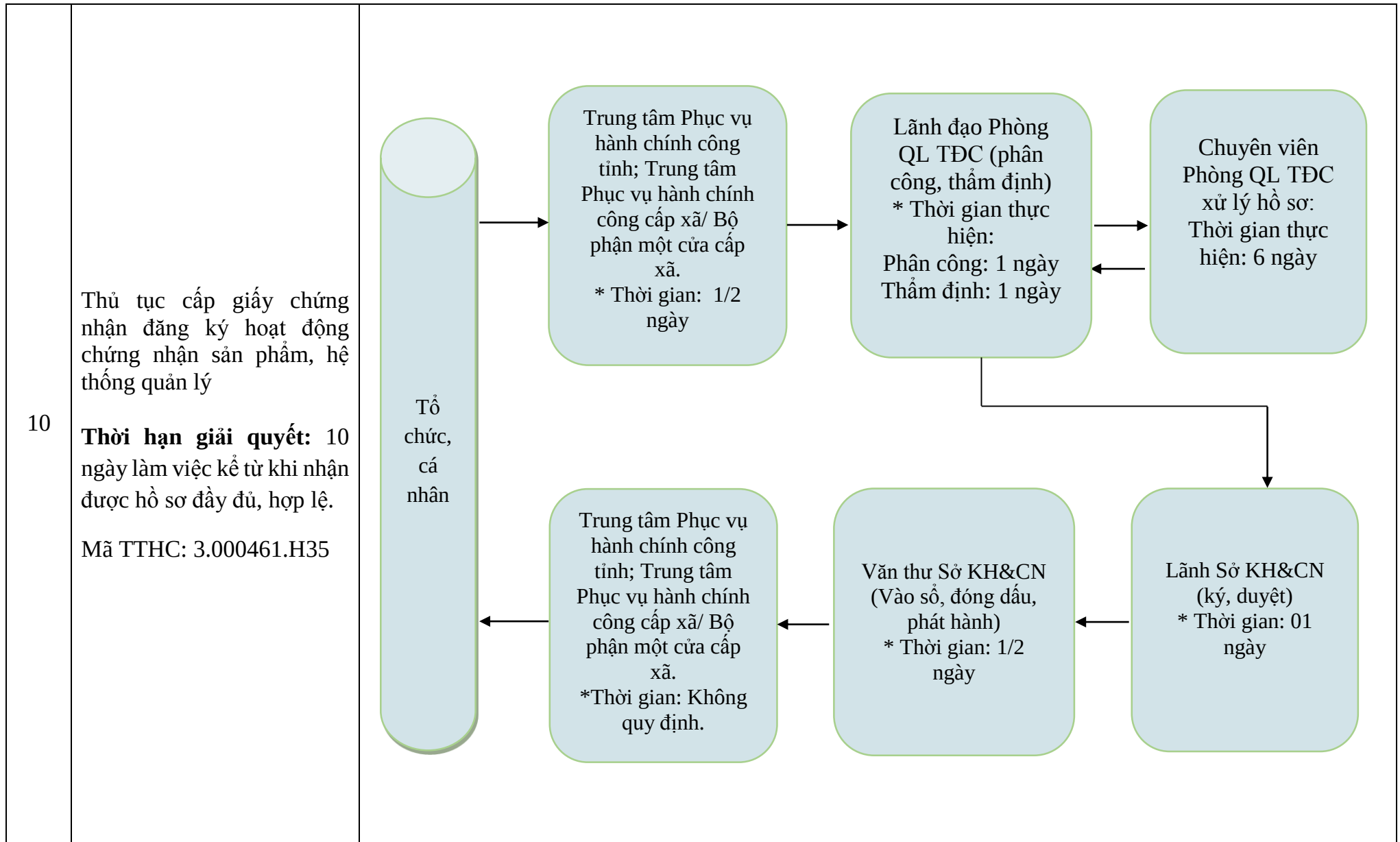


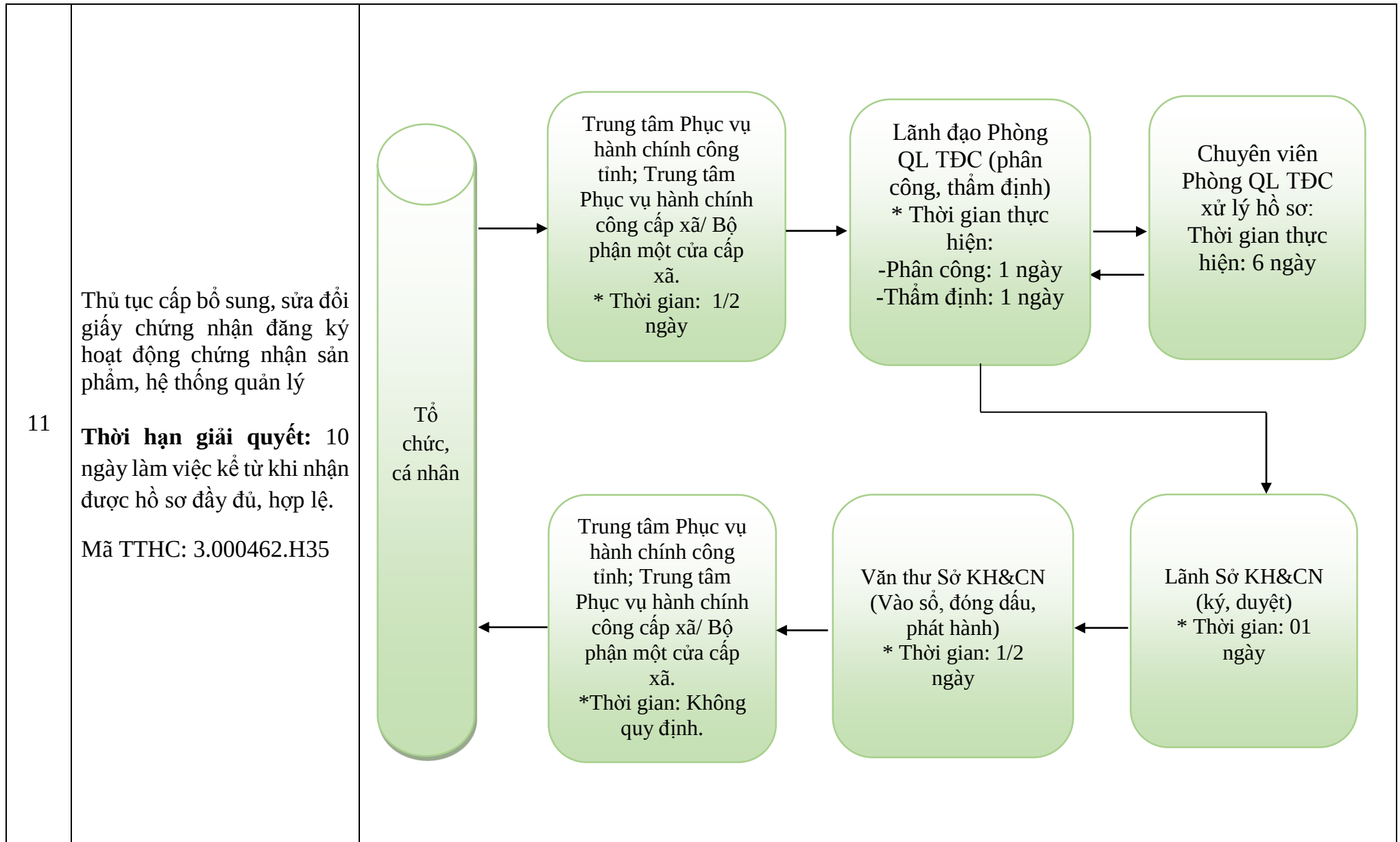


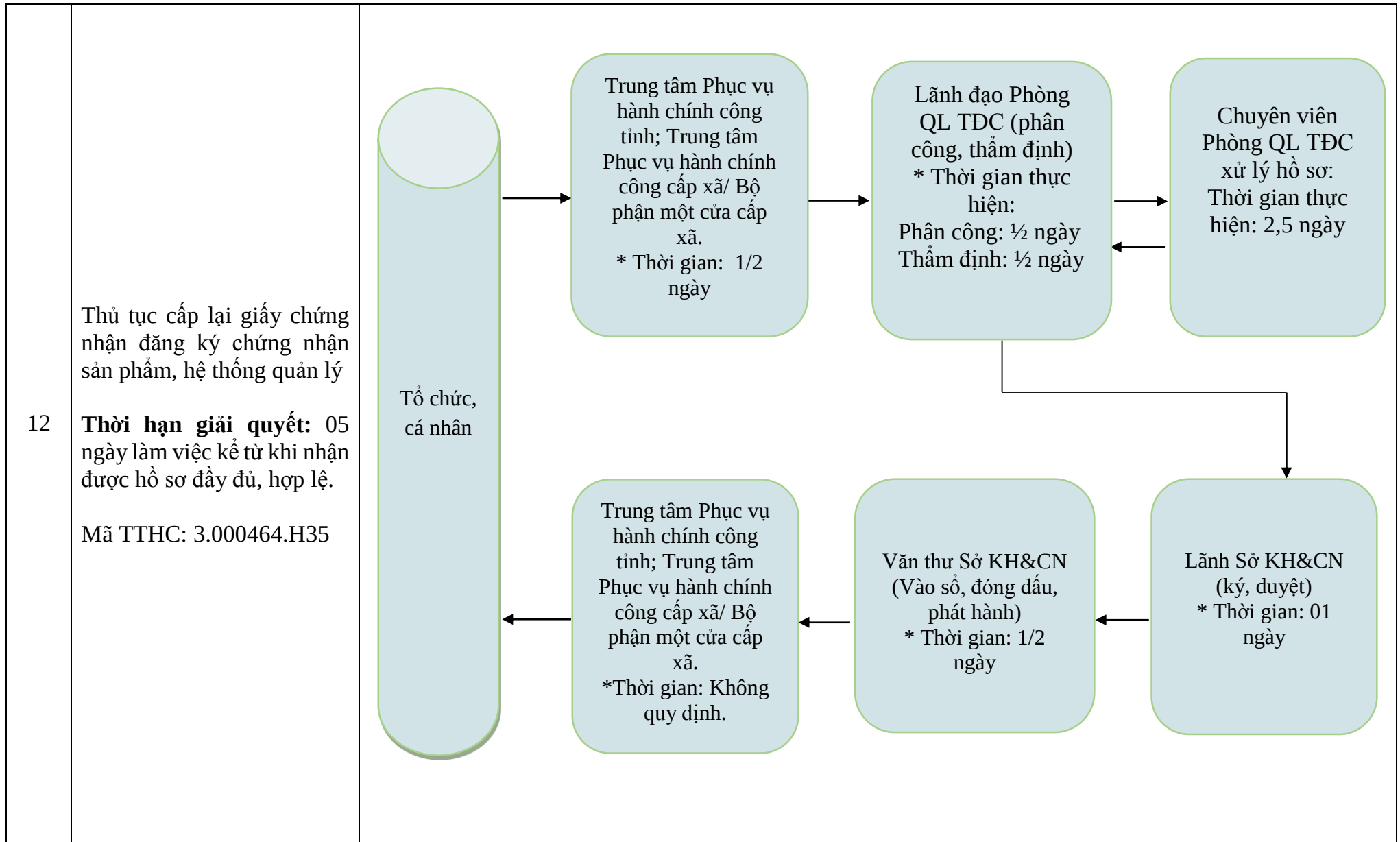


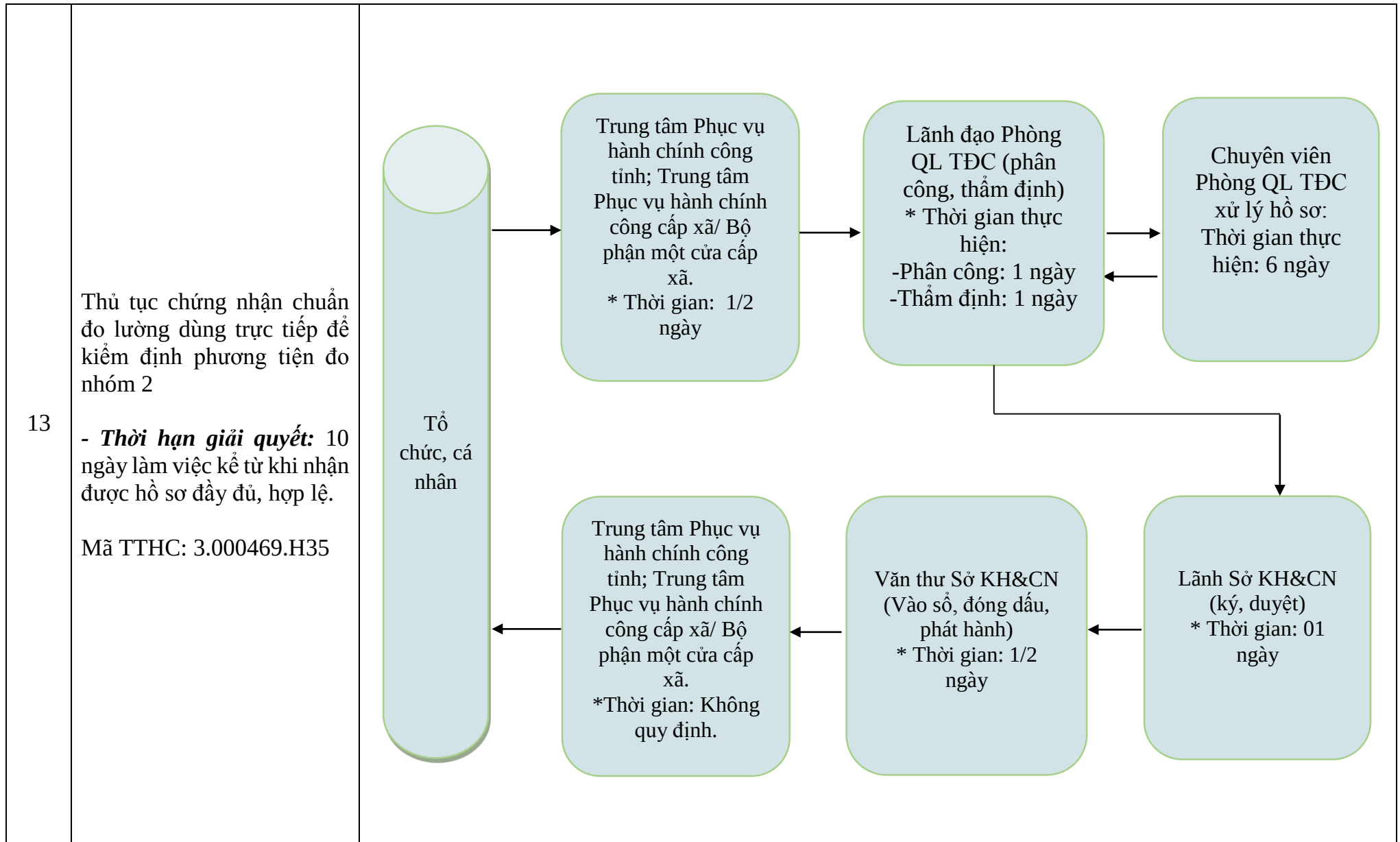


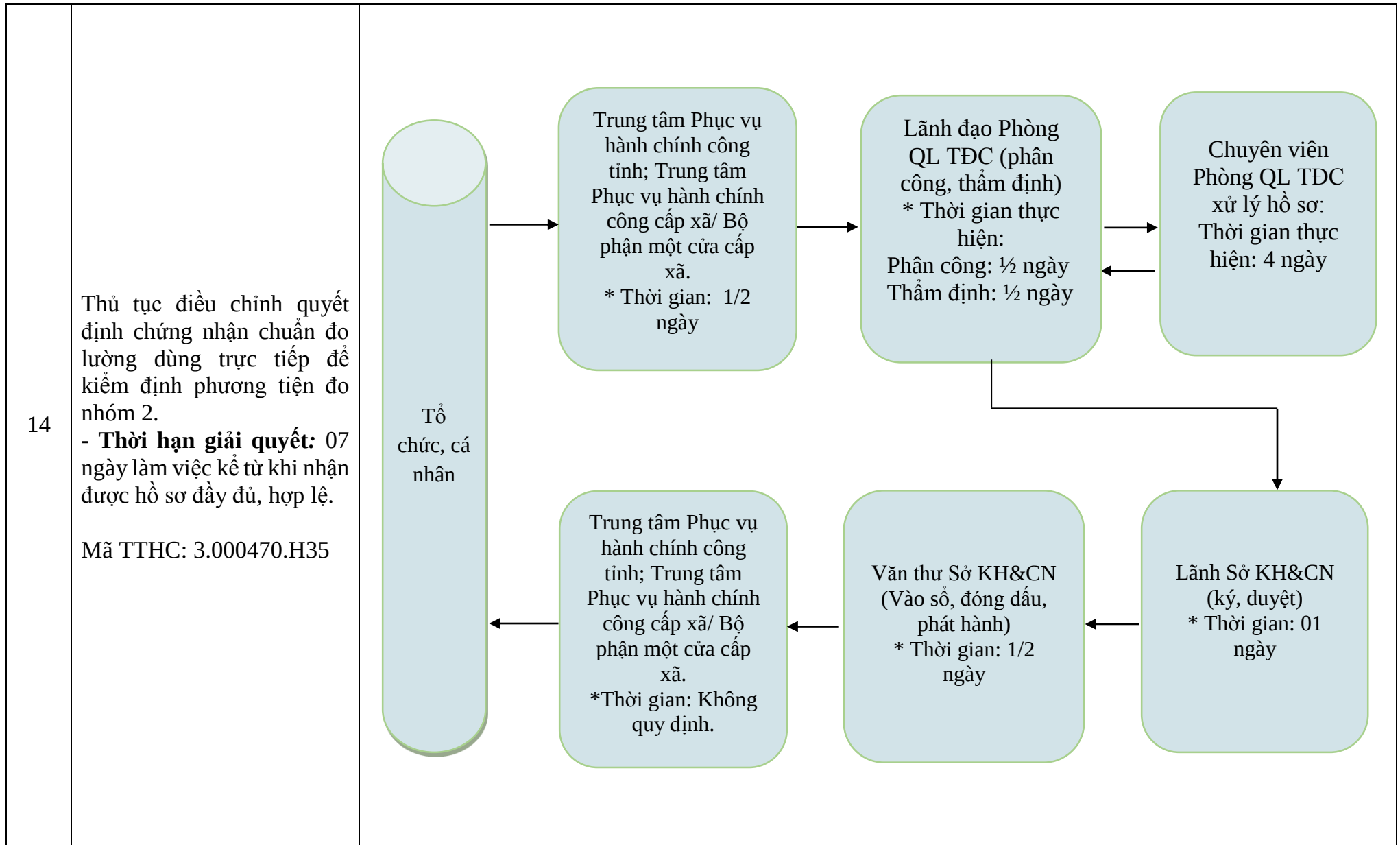


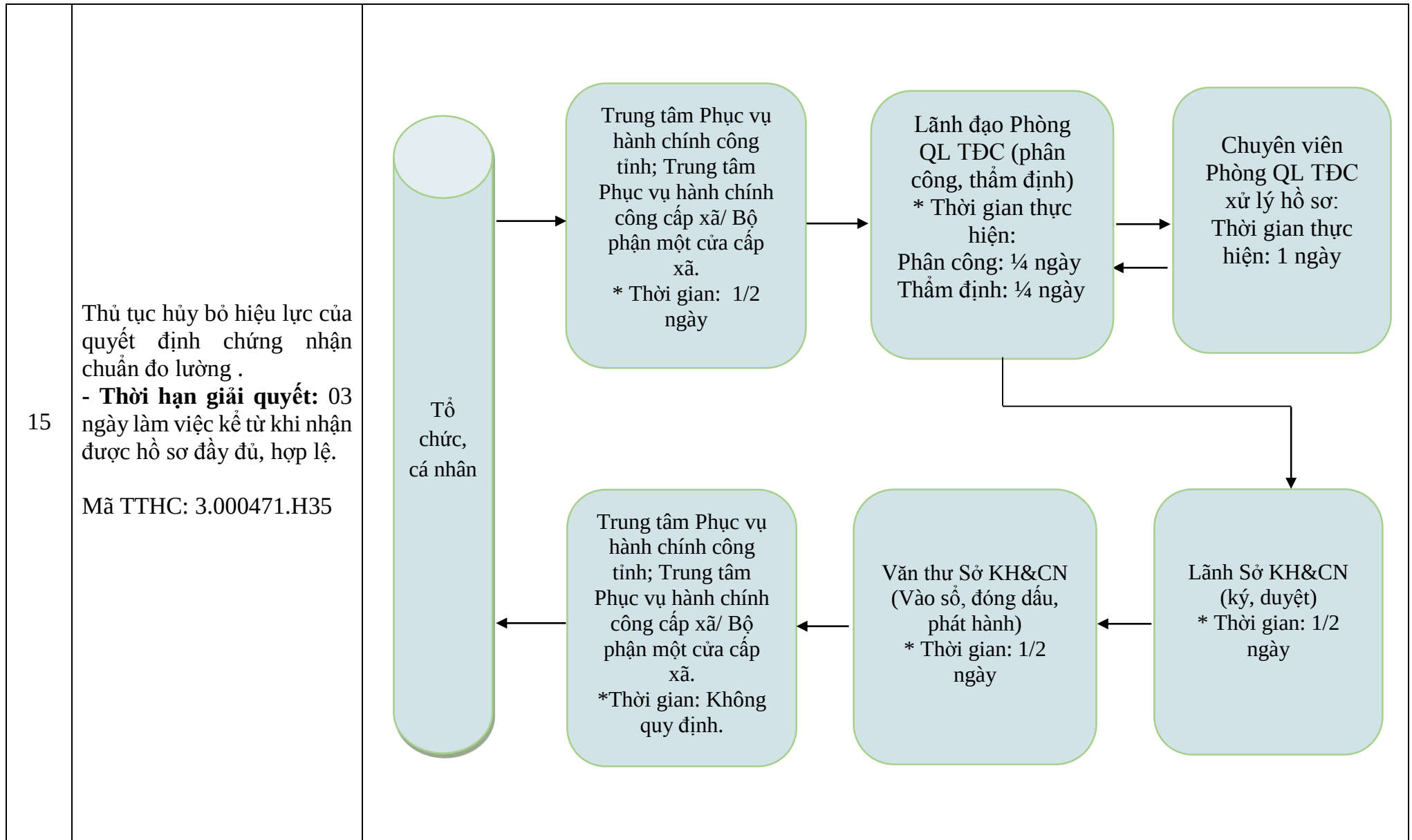


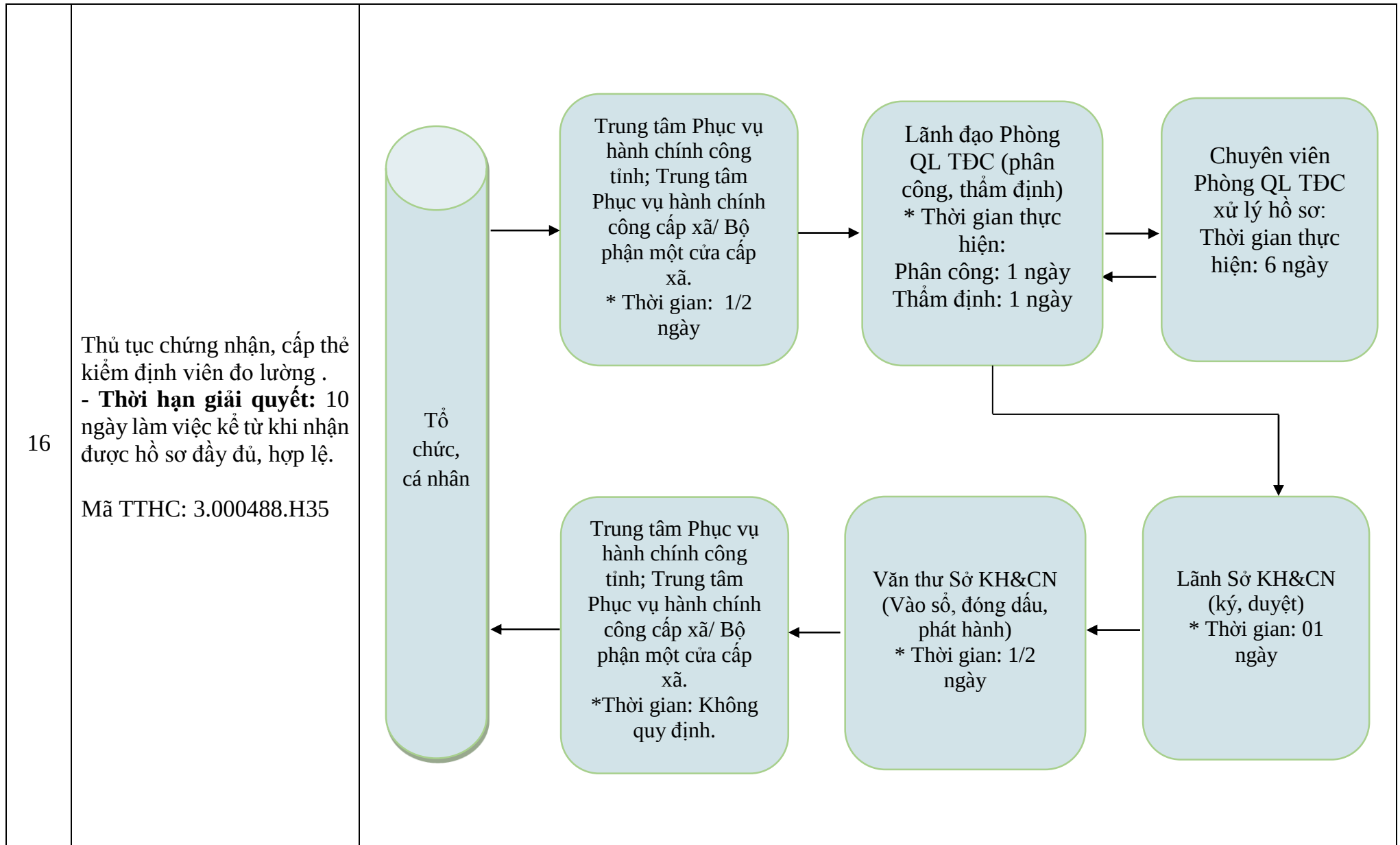


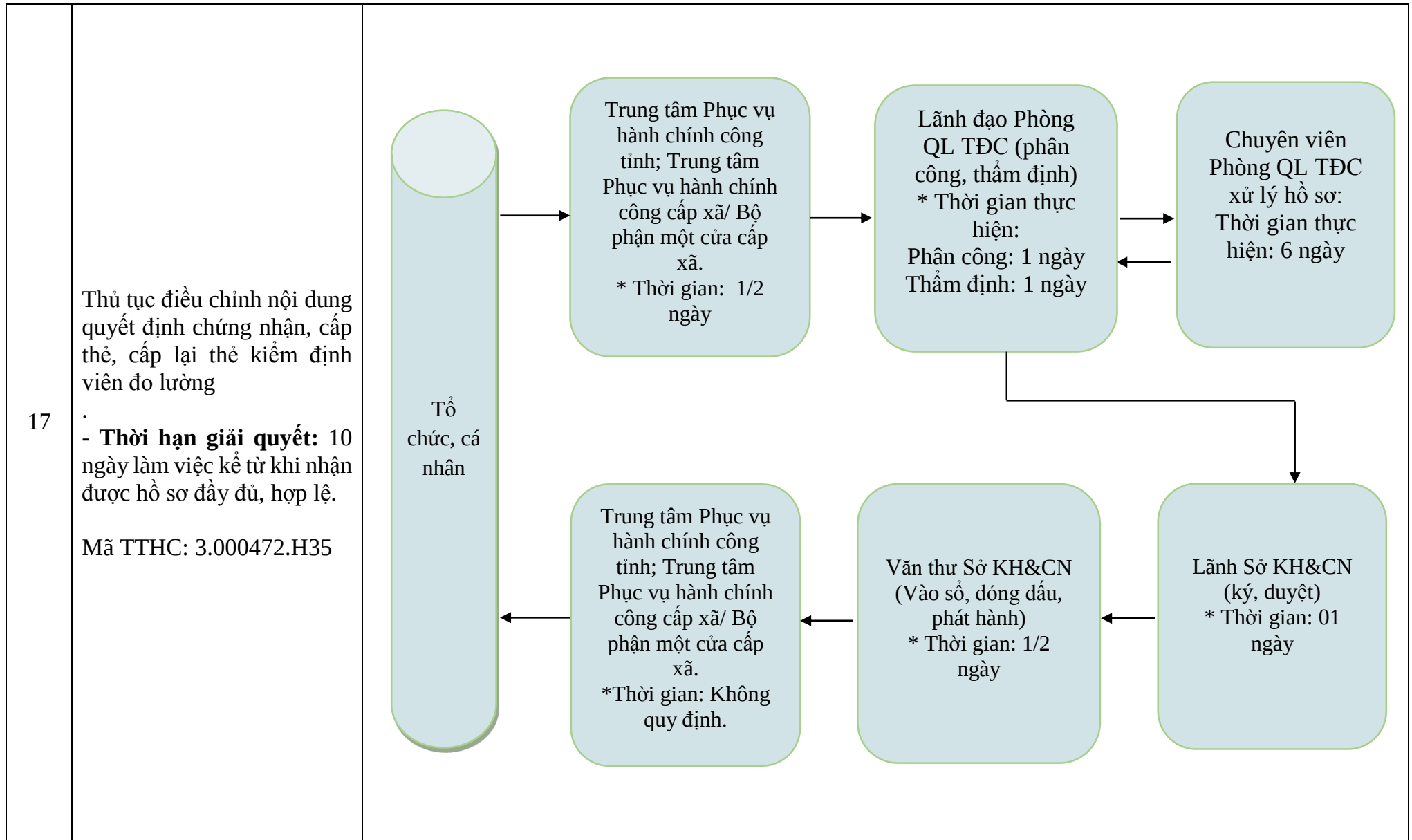


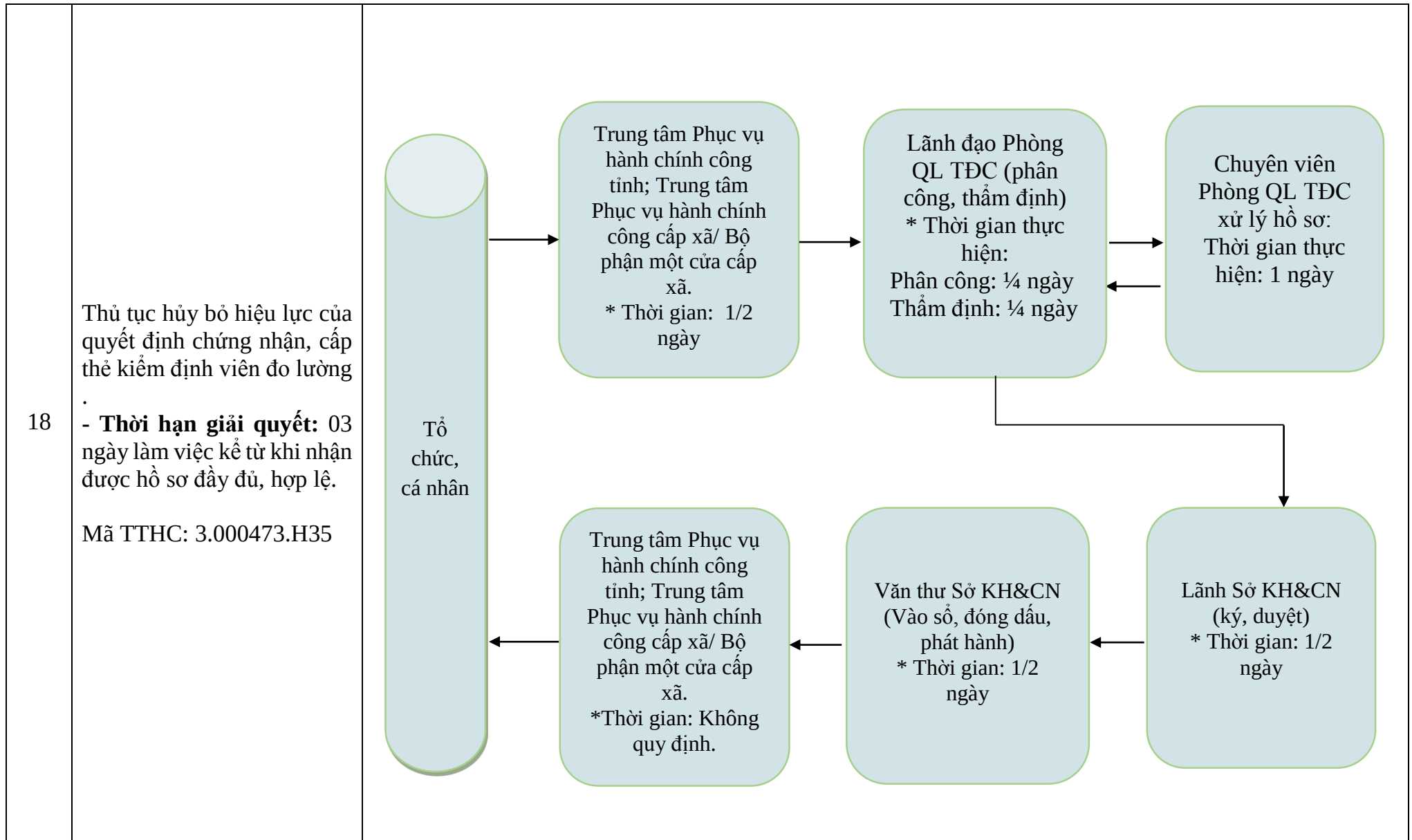


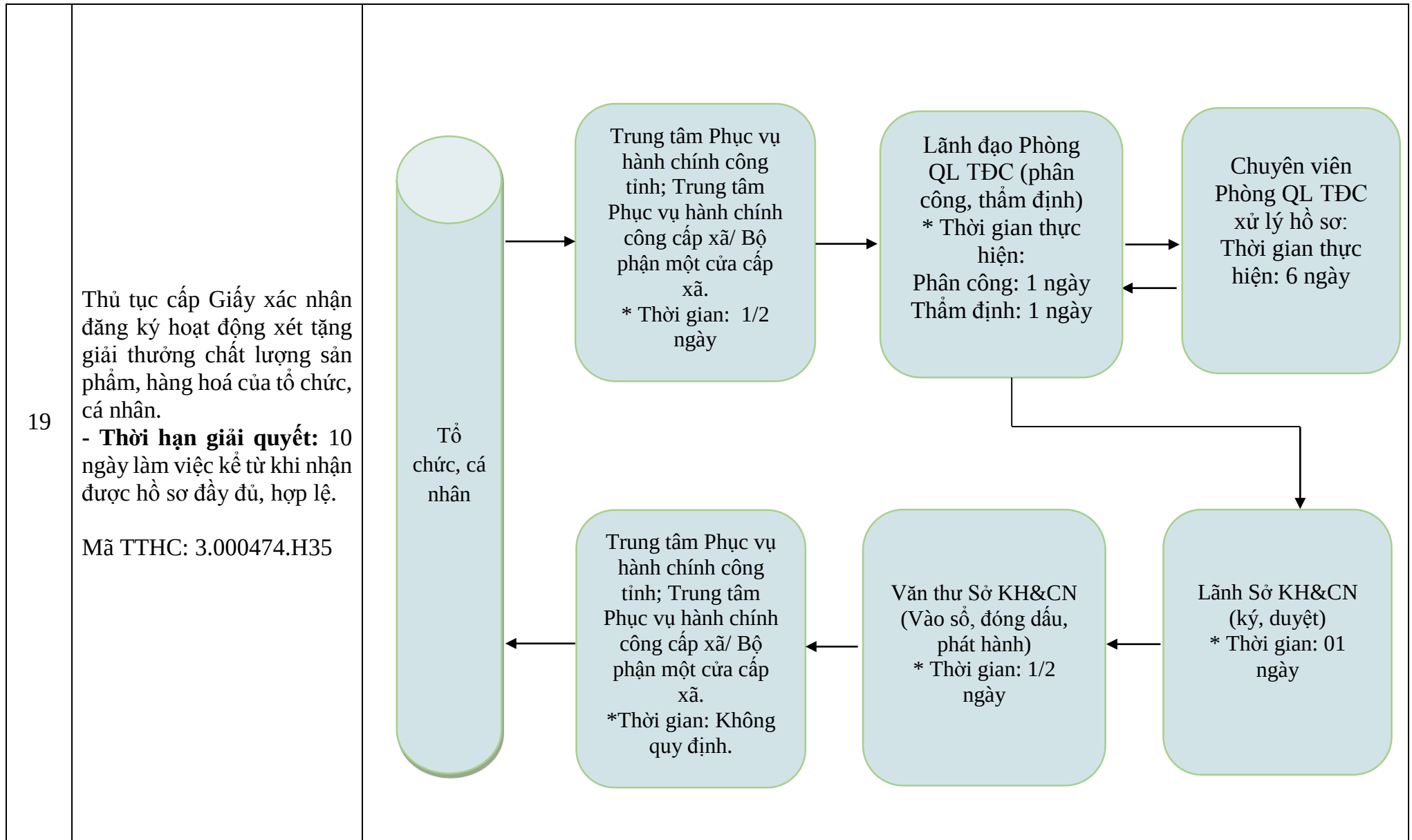


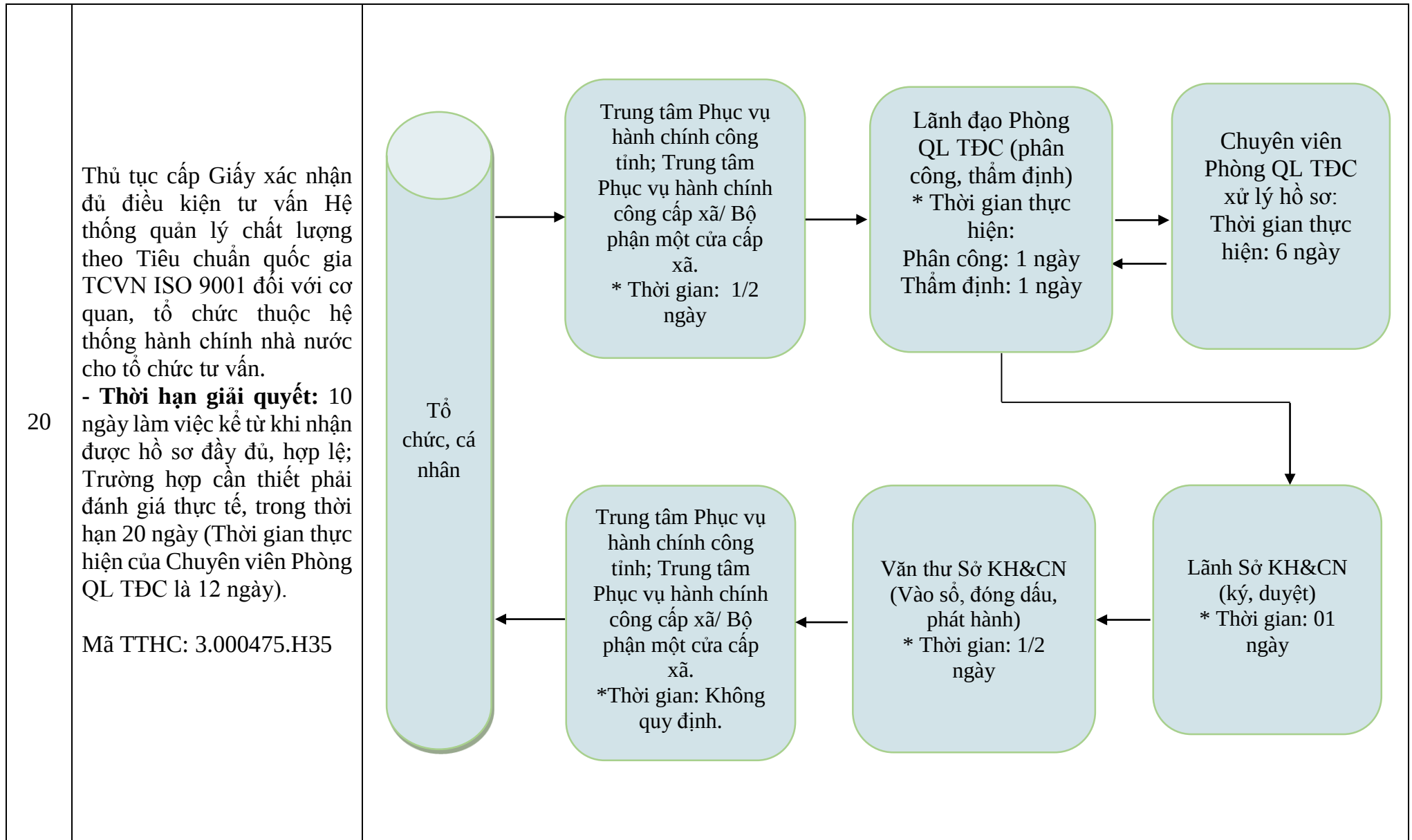


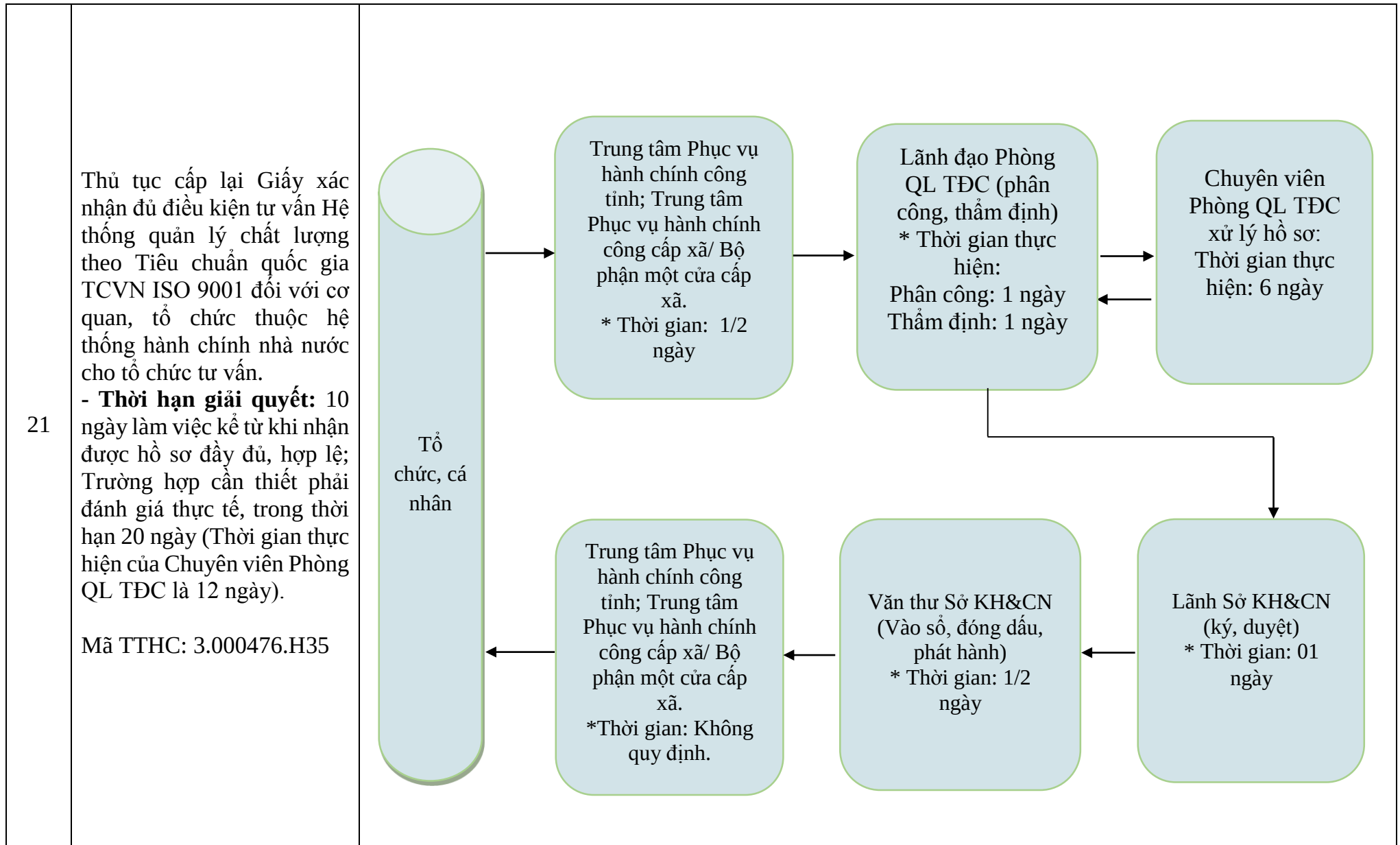


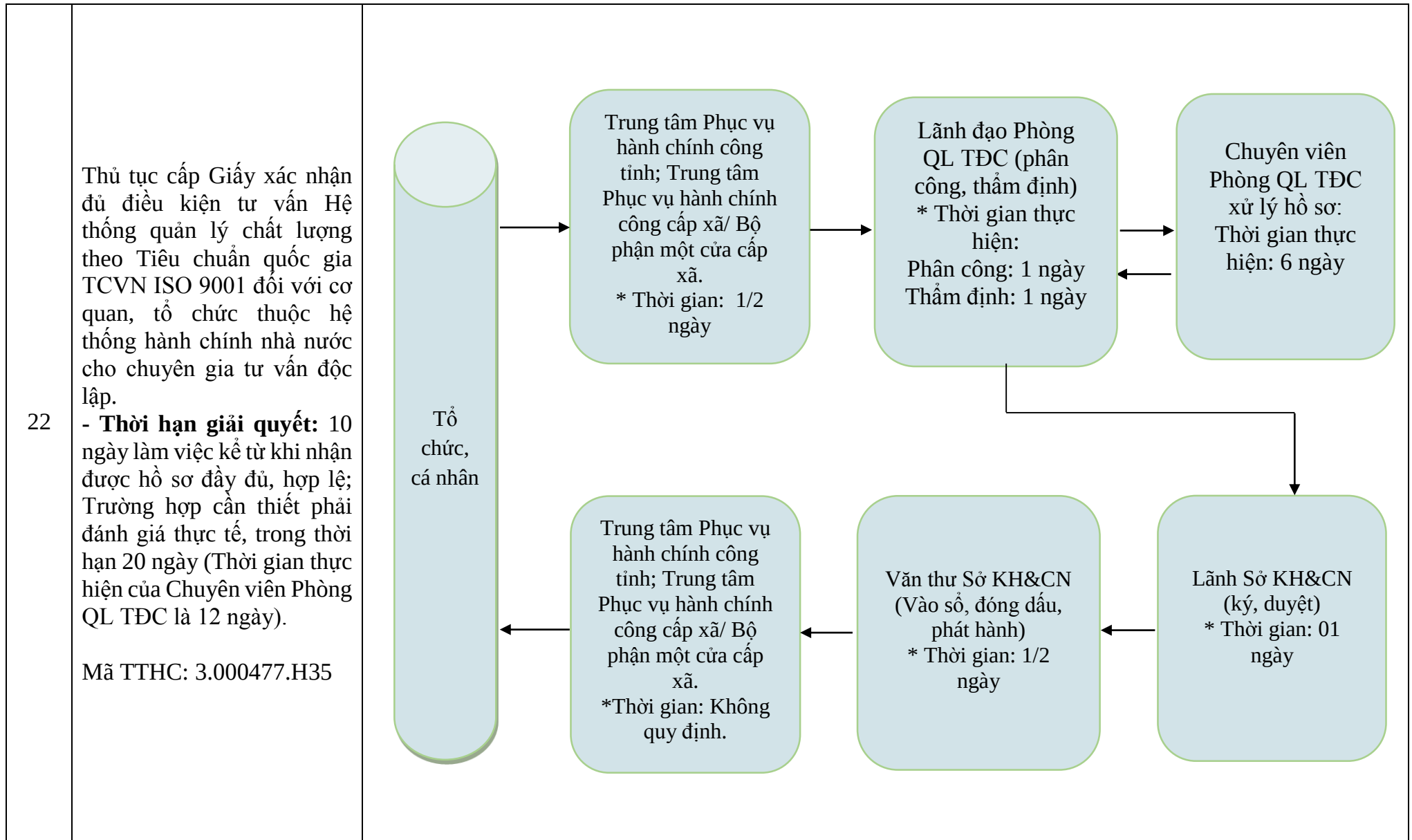










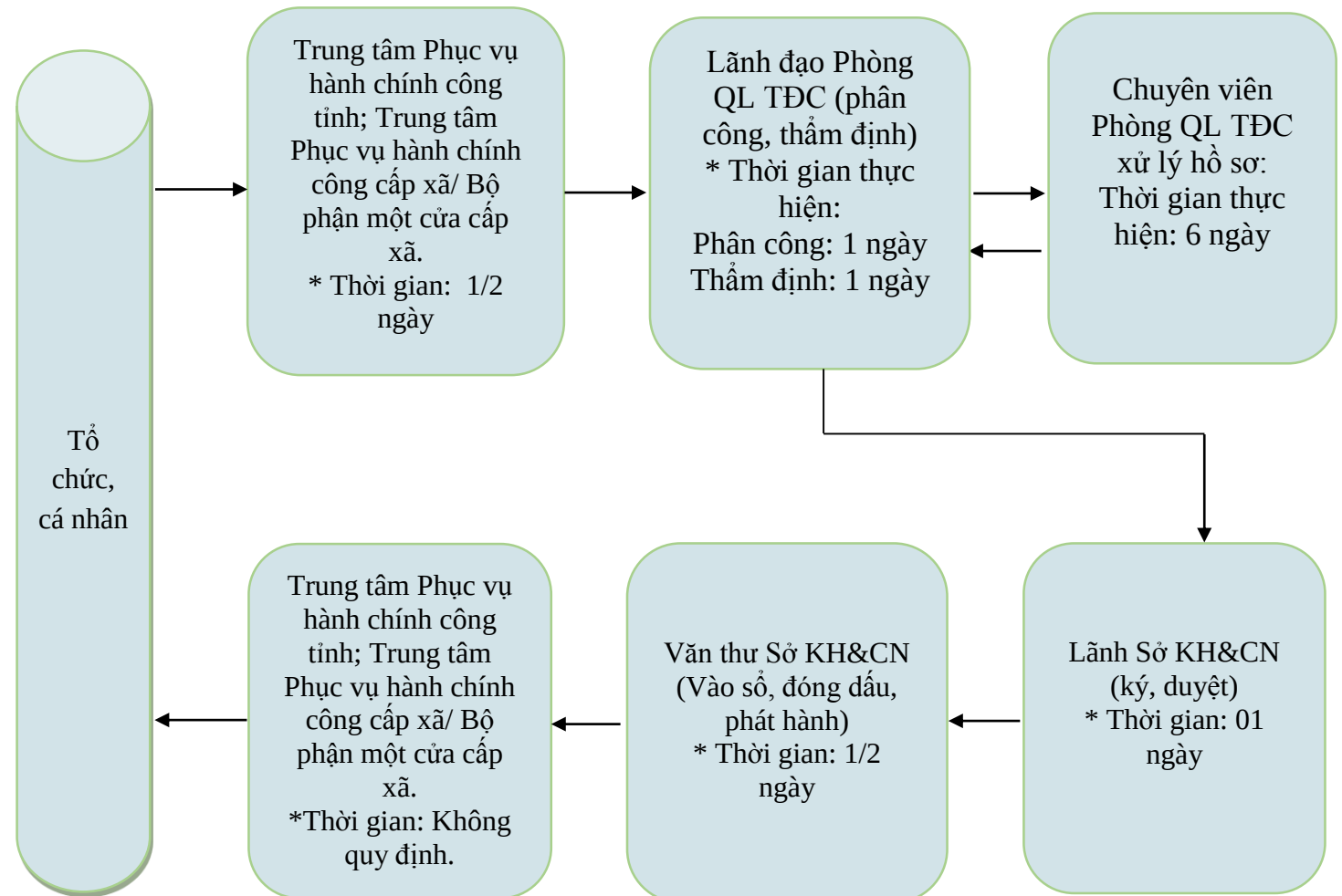


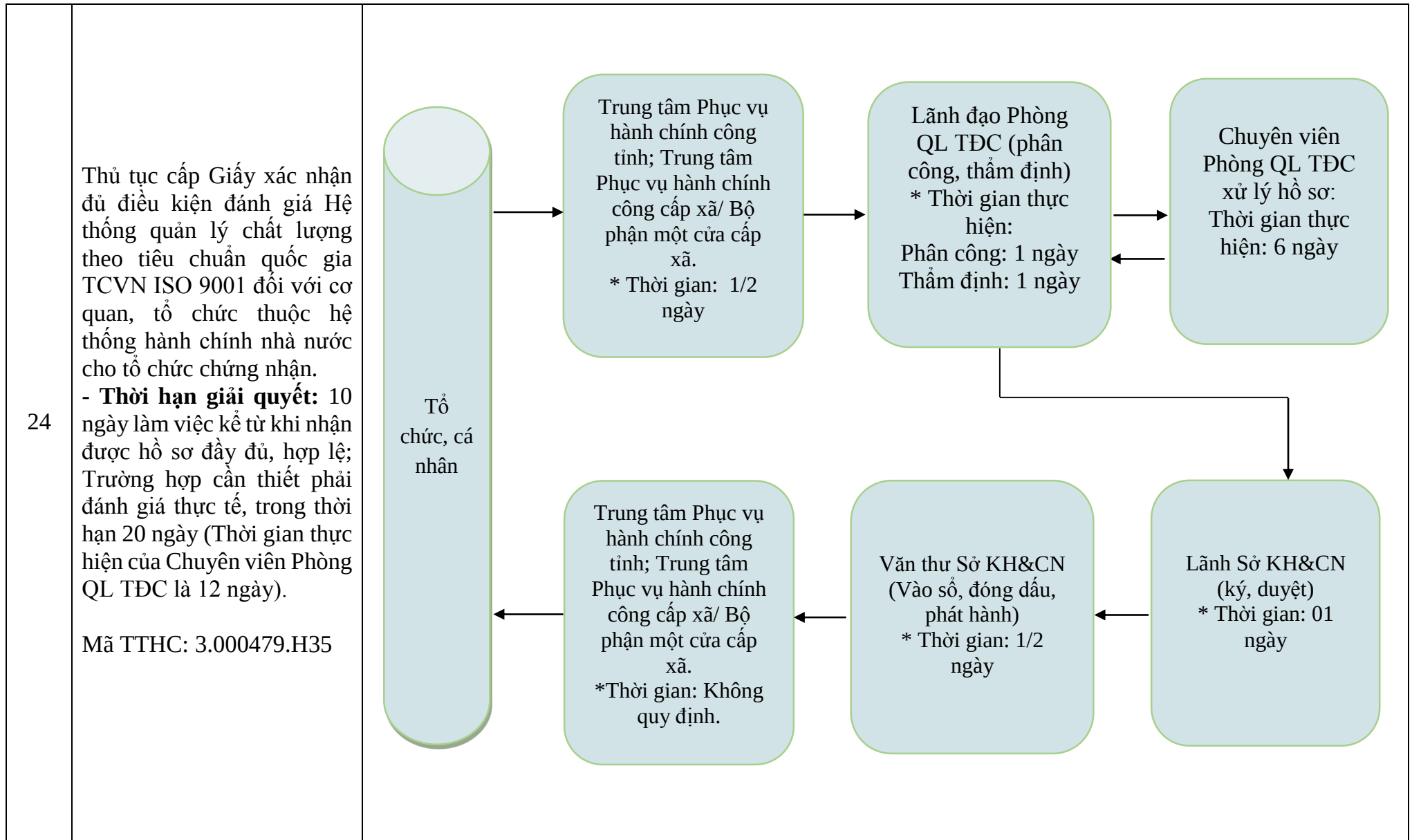
23

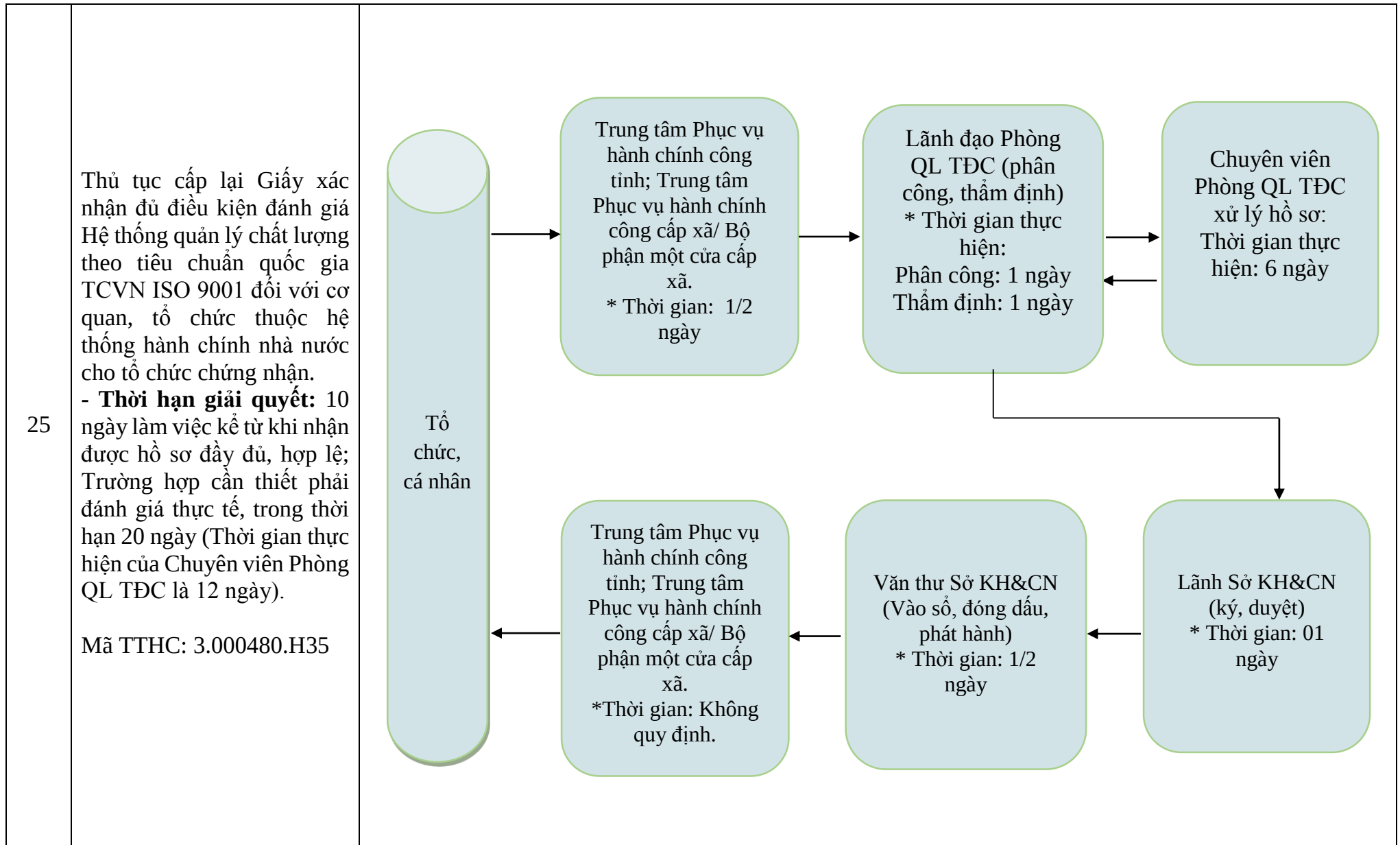
Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày (Thời gian thực hiện của Chuyên viên Phòng QL TĐC là 12 ngày).

Mã TTHC: 3.000478.H35





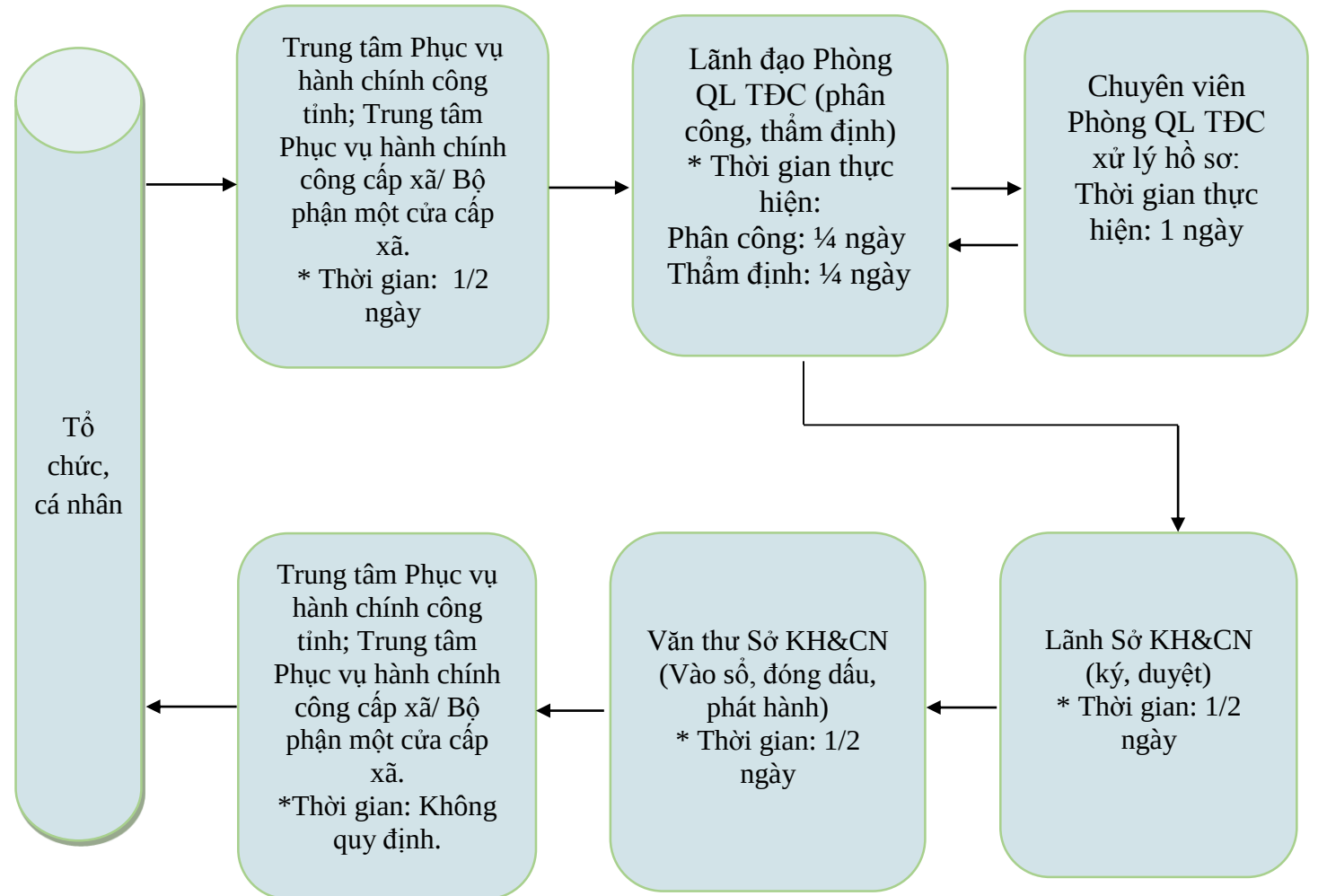


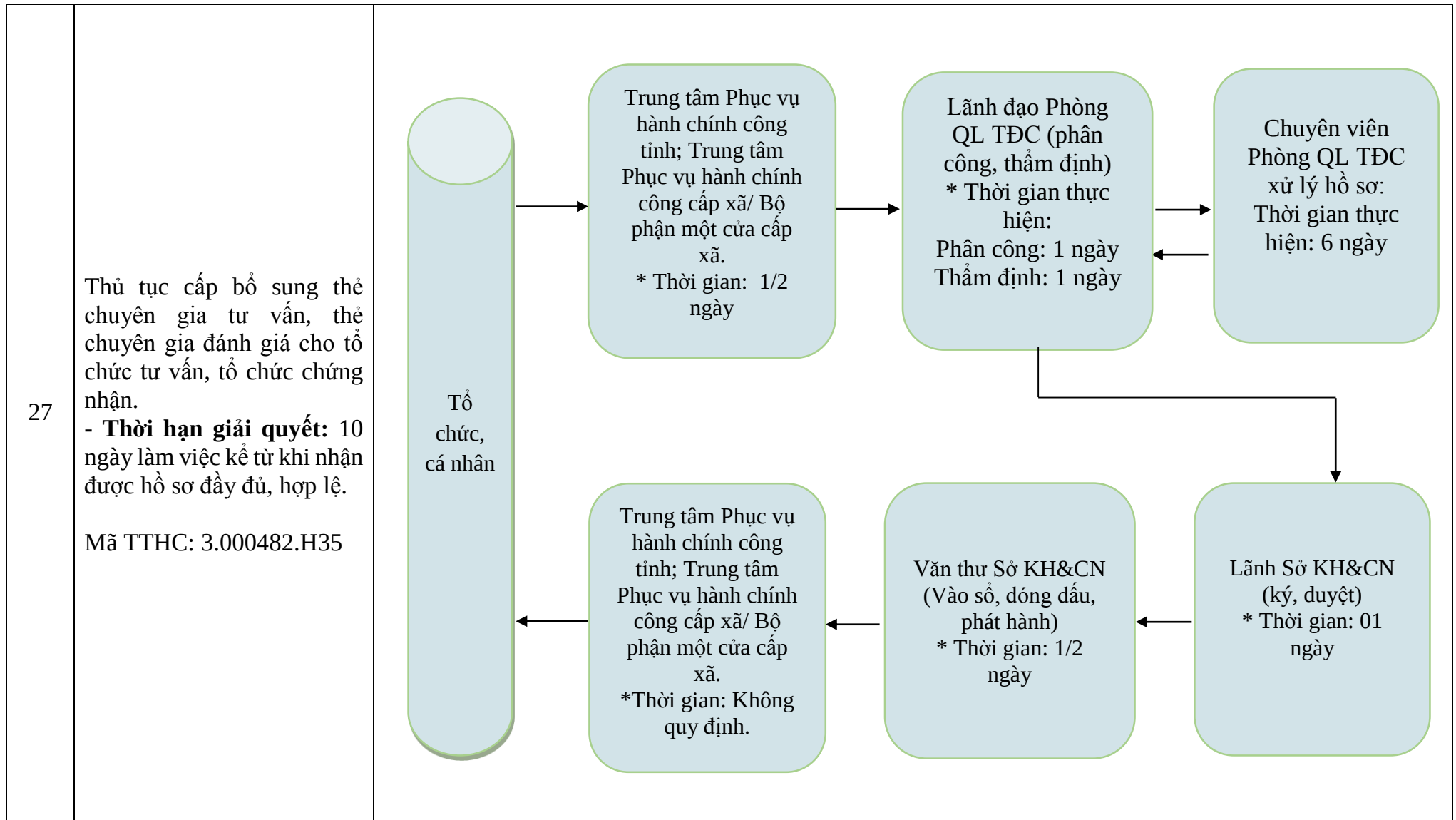
26

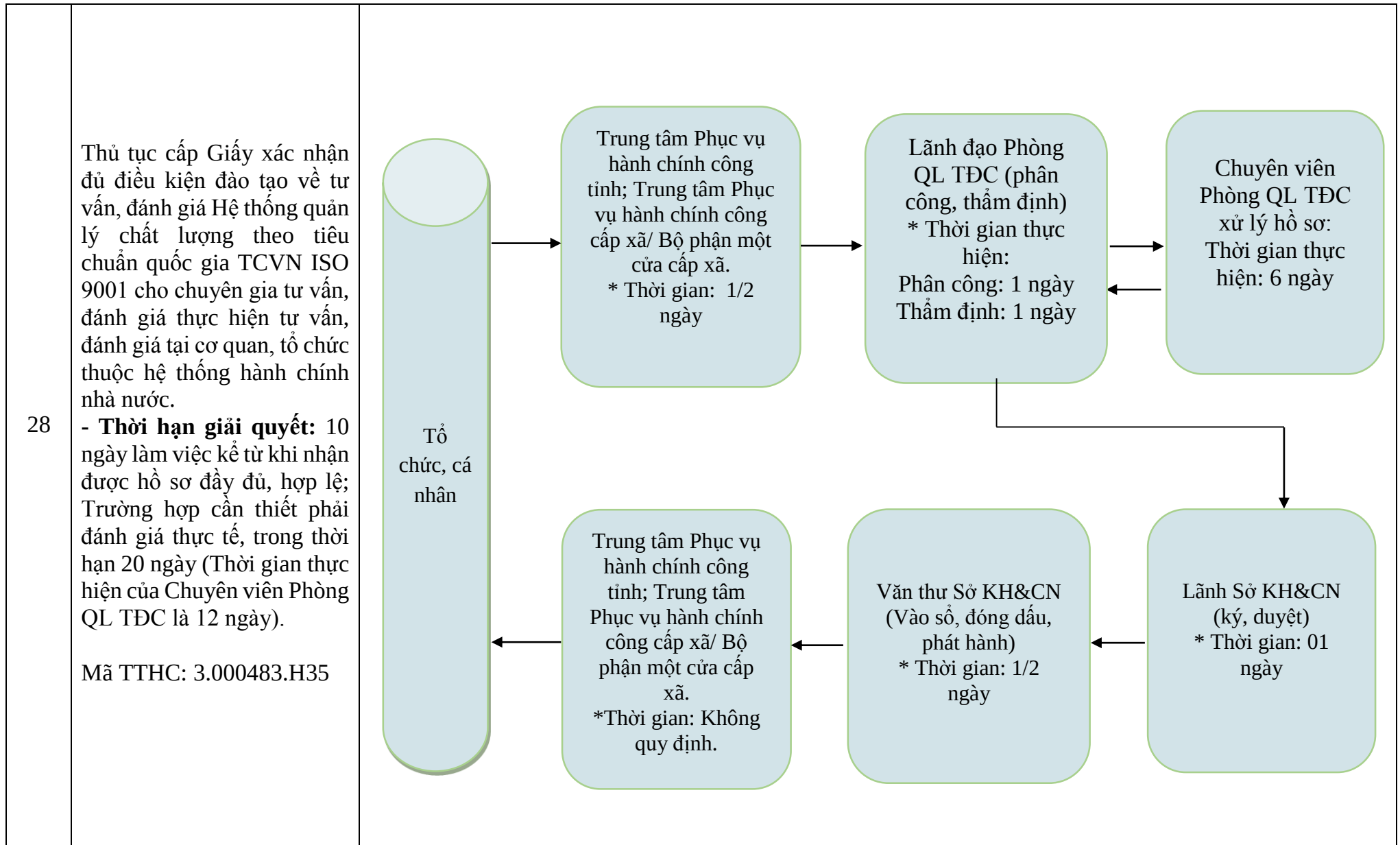
Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc.

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Mã TTHC: 3.000485.H35





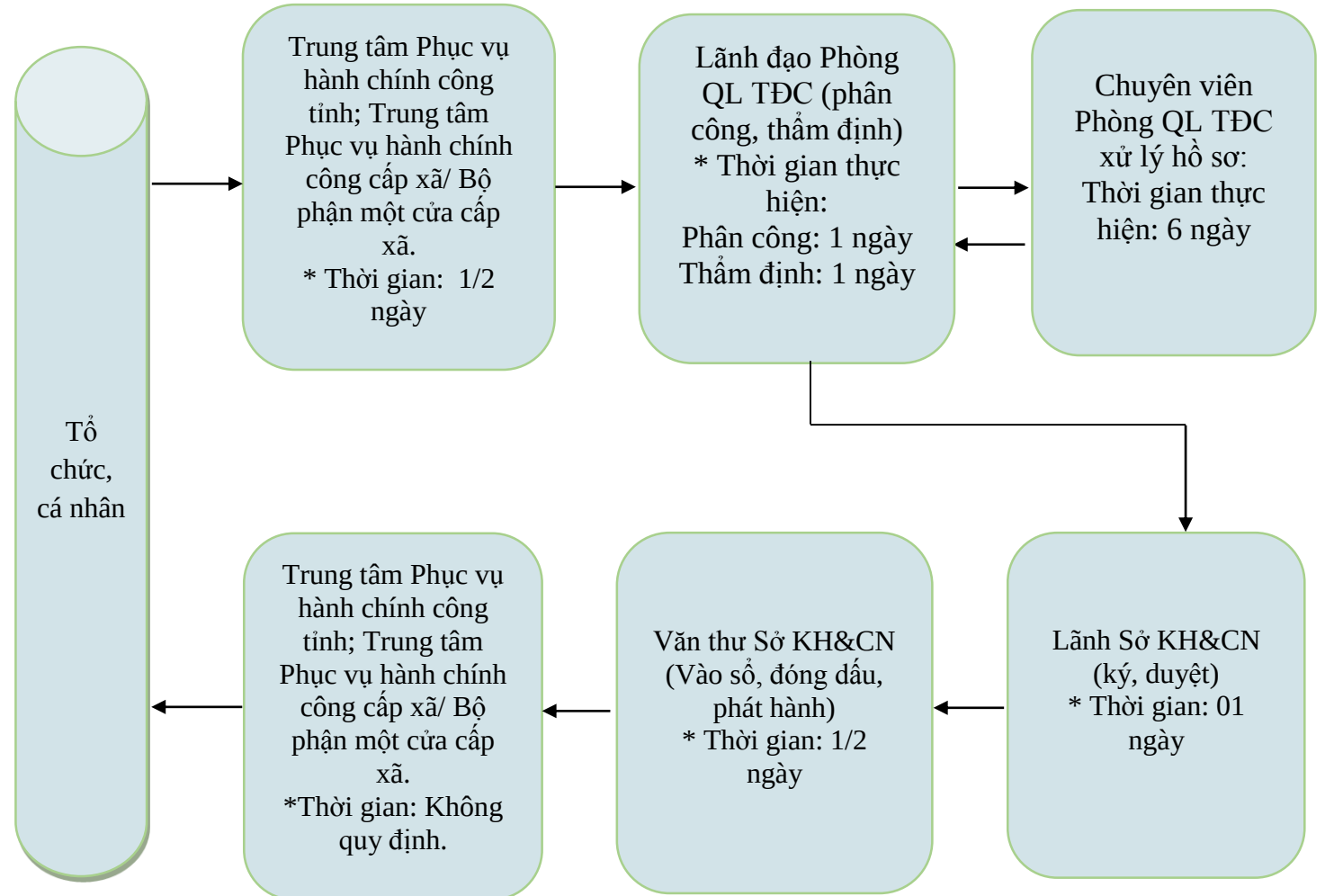


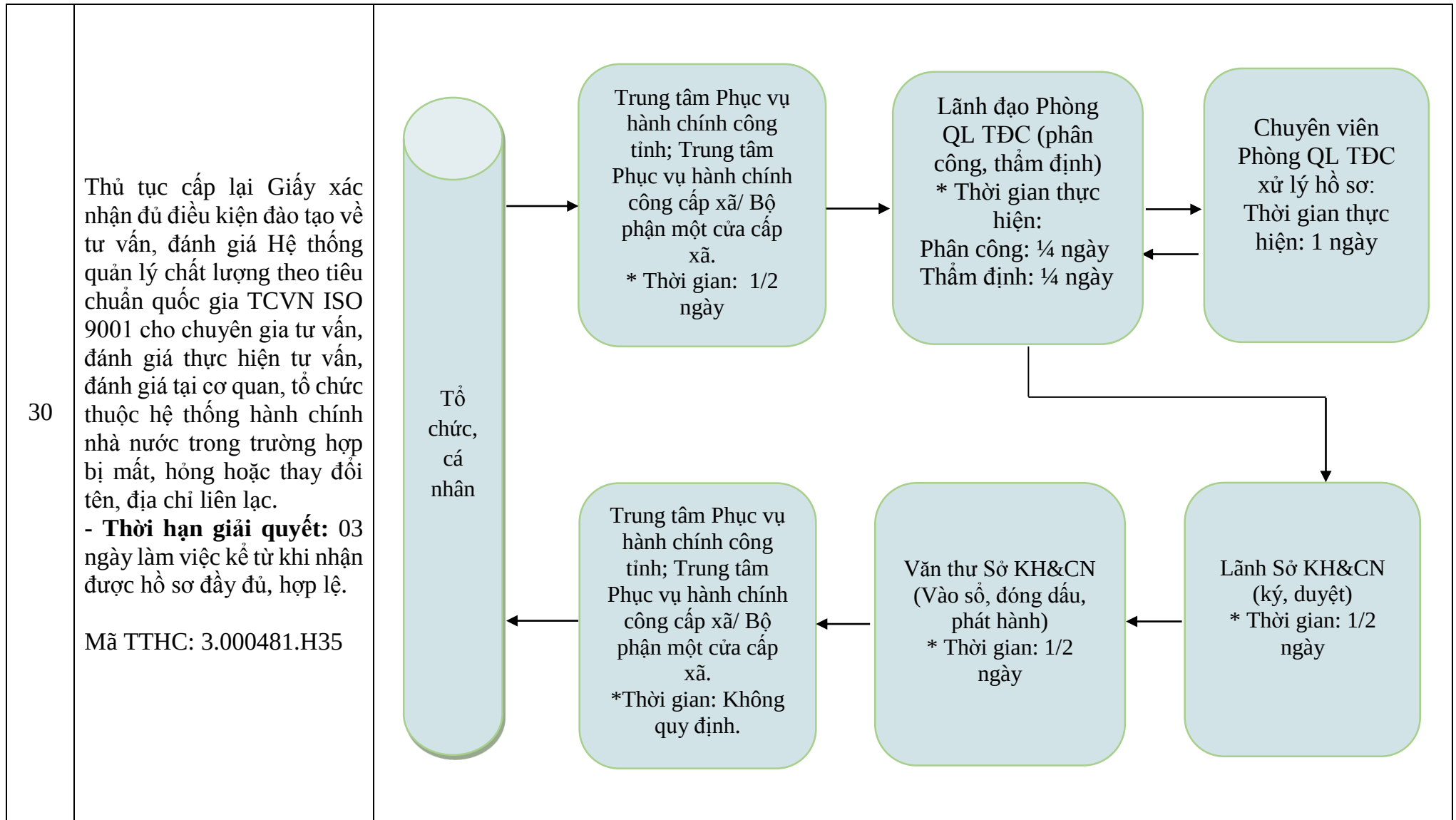
29

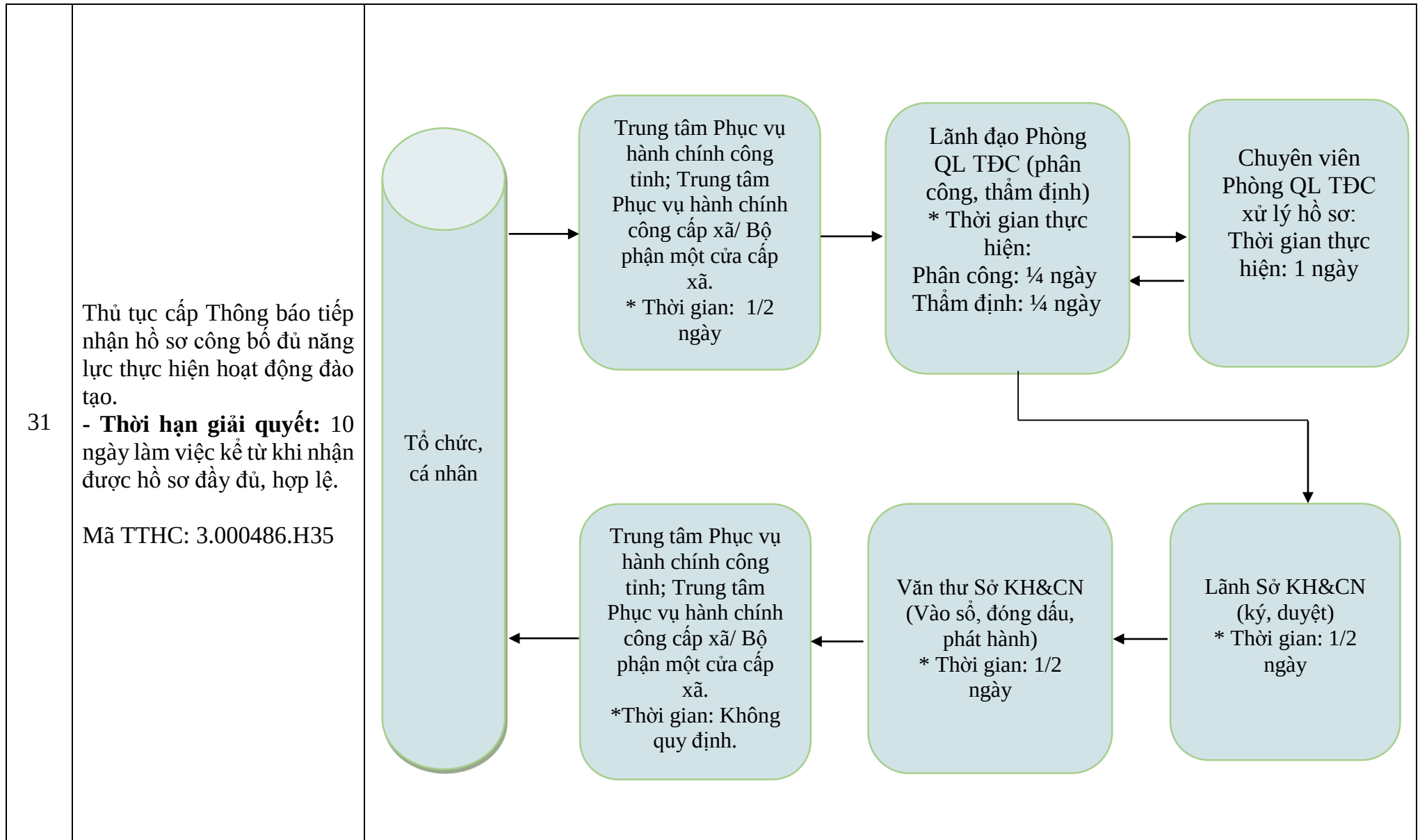
Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày (Thời gian thực hiện của Chuyên viên Phòng QL TĐC là 12 ngày).

Mã TTHC: 3.000484.H35



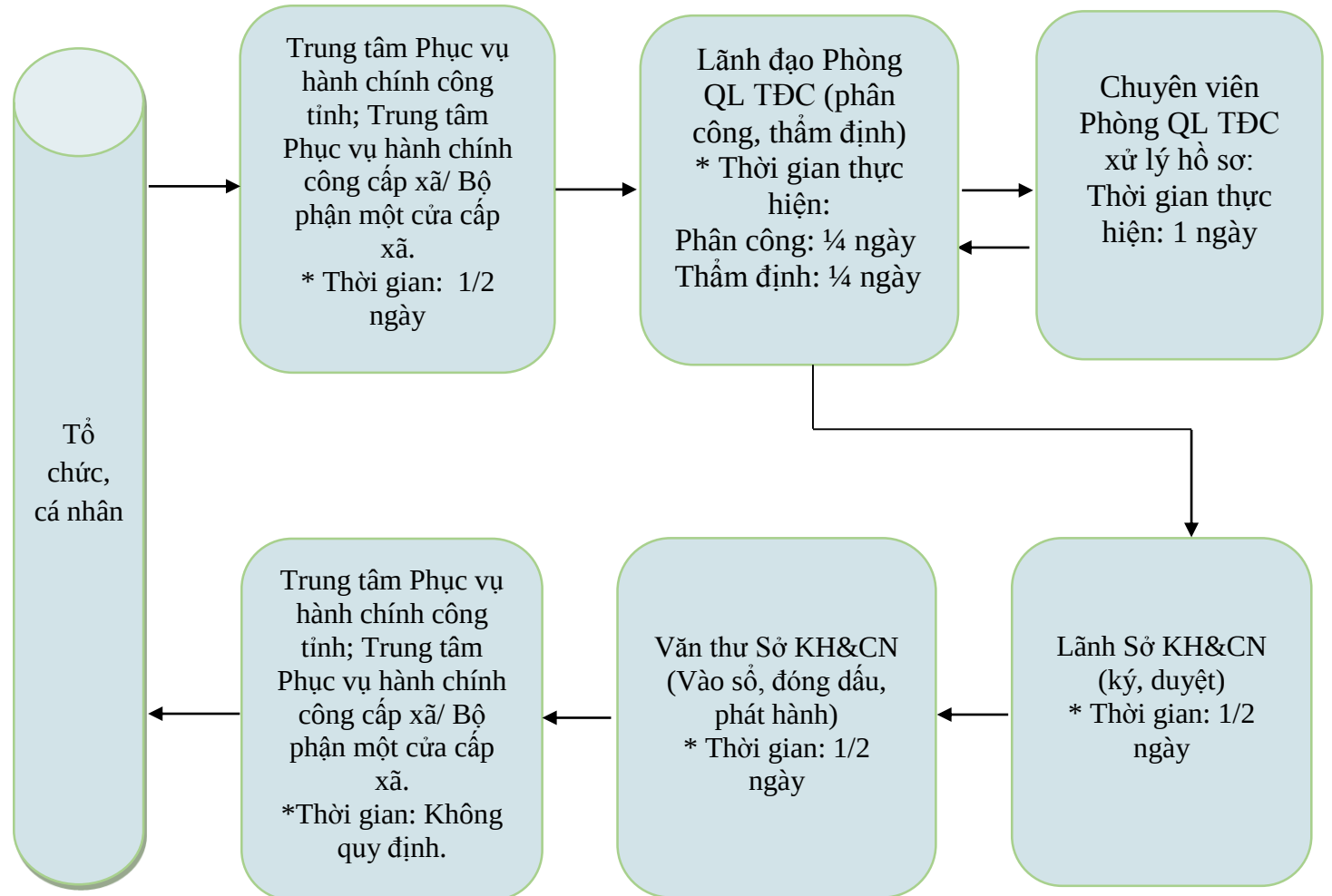




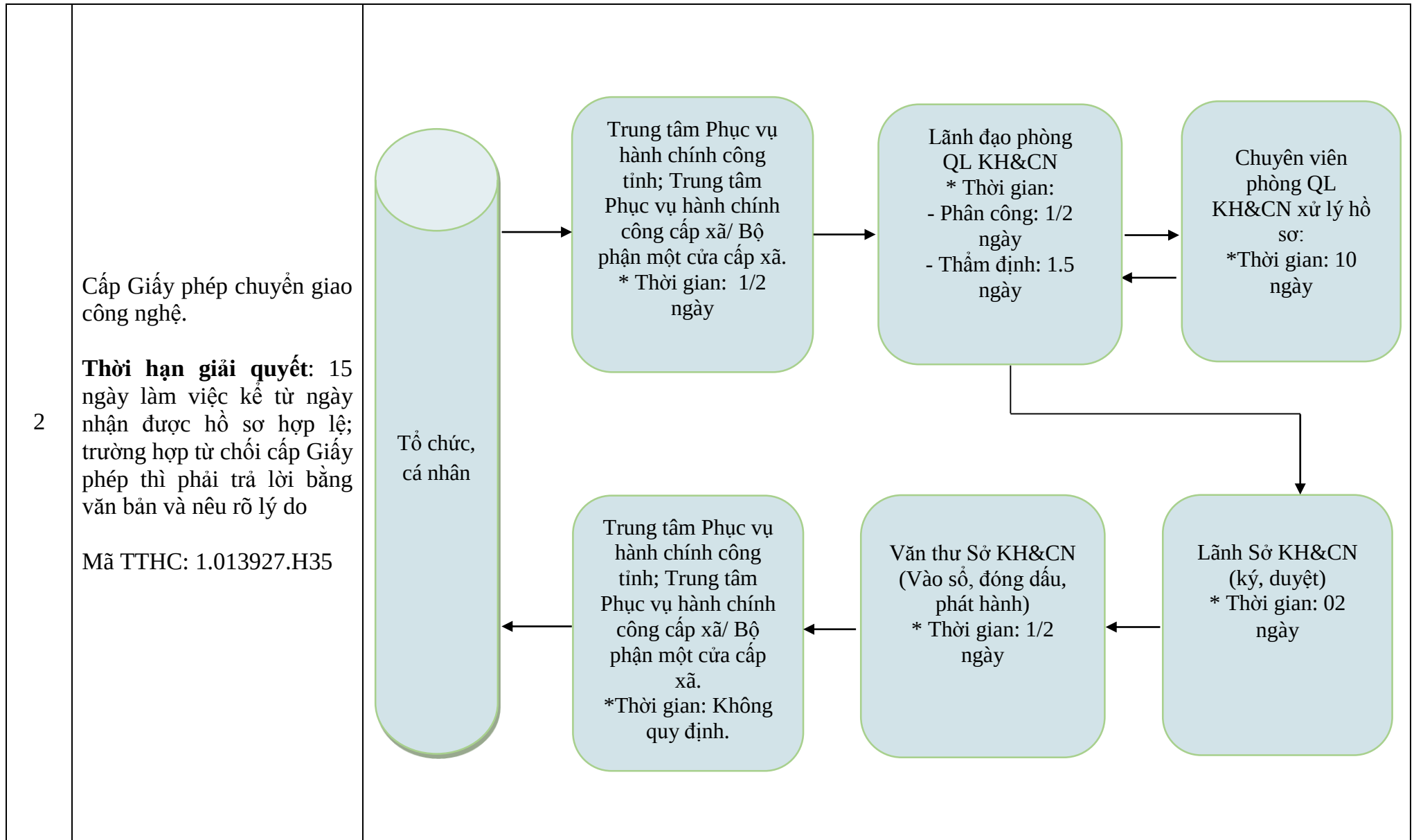
32

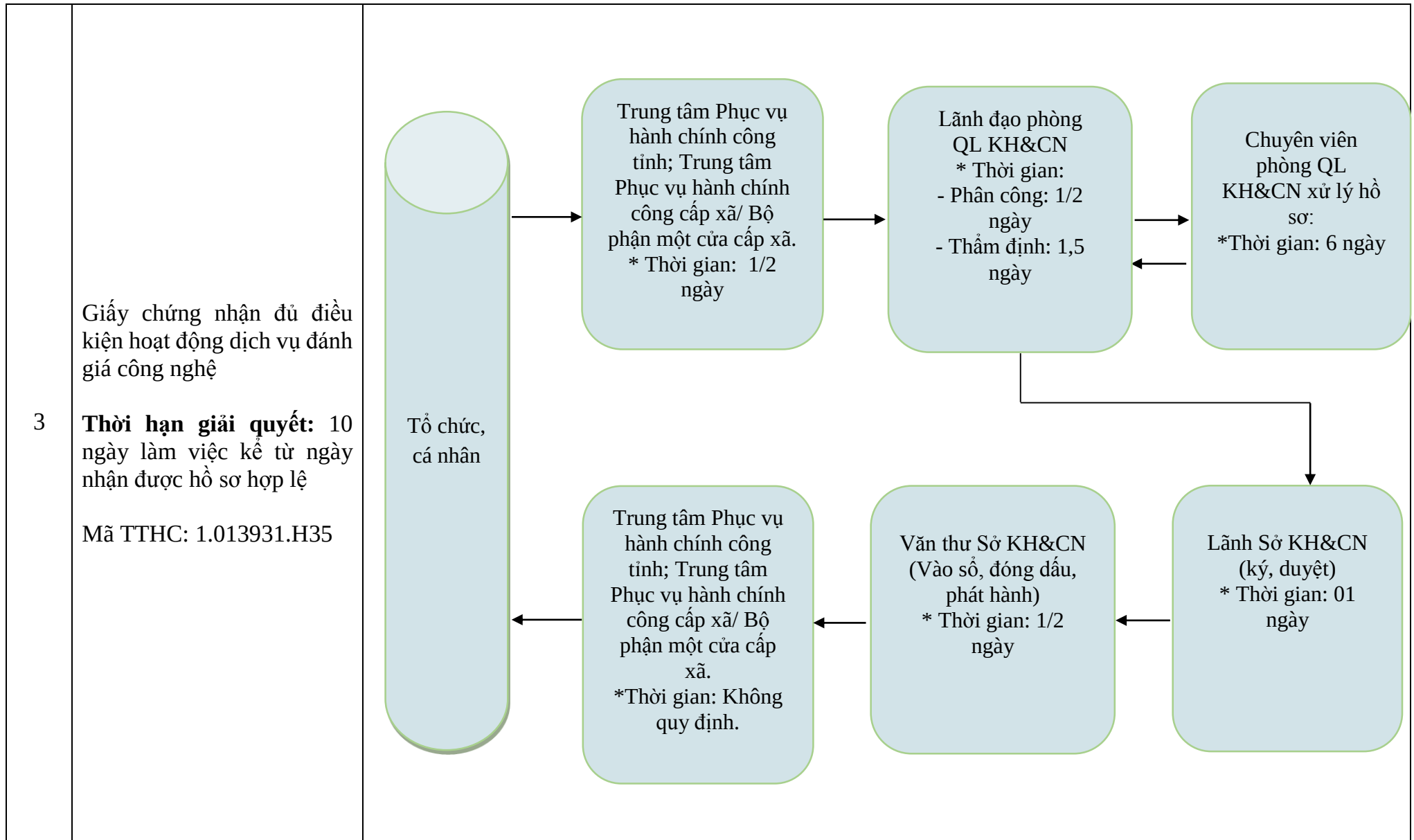
Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo.
- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Mã TTHC: 3.000487.H35



VI	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (16 TTHC)		
1	Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ Mã TTHC: 1.013918.H35	Tổ chức, cá nhân Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: 1/2 ngày Lãnh đạo phòng QL KH&CN * Thời gian: - Phân công: 02 ngày - Thẩm định: 1,5 ngày Chuyên viên phòng QL KH&CN xử lý hồ sơ: *Thời gian: 23 ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. *Thời gian: Không quy định. Văn thư Sở KH&CN (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian: 01 ngày Lãnh Sở KH&CN (ký, duyệt) * Thời gian: 02 ngày	



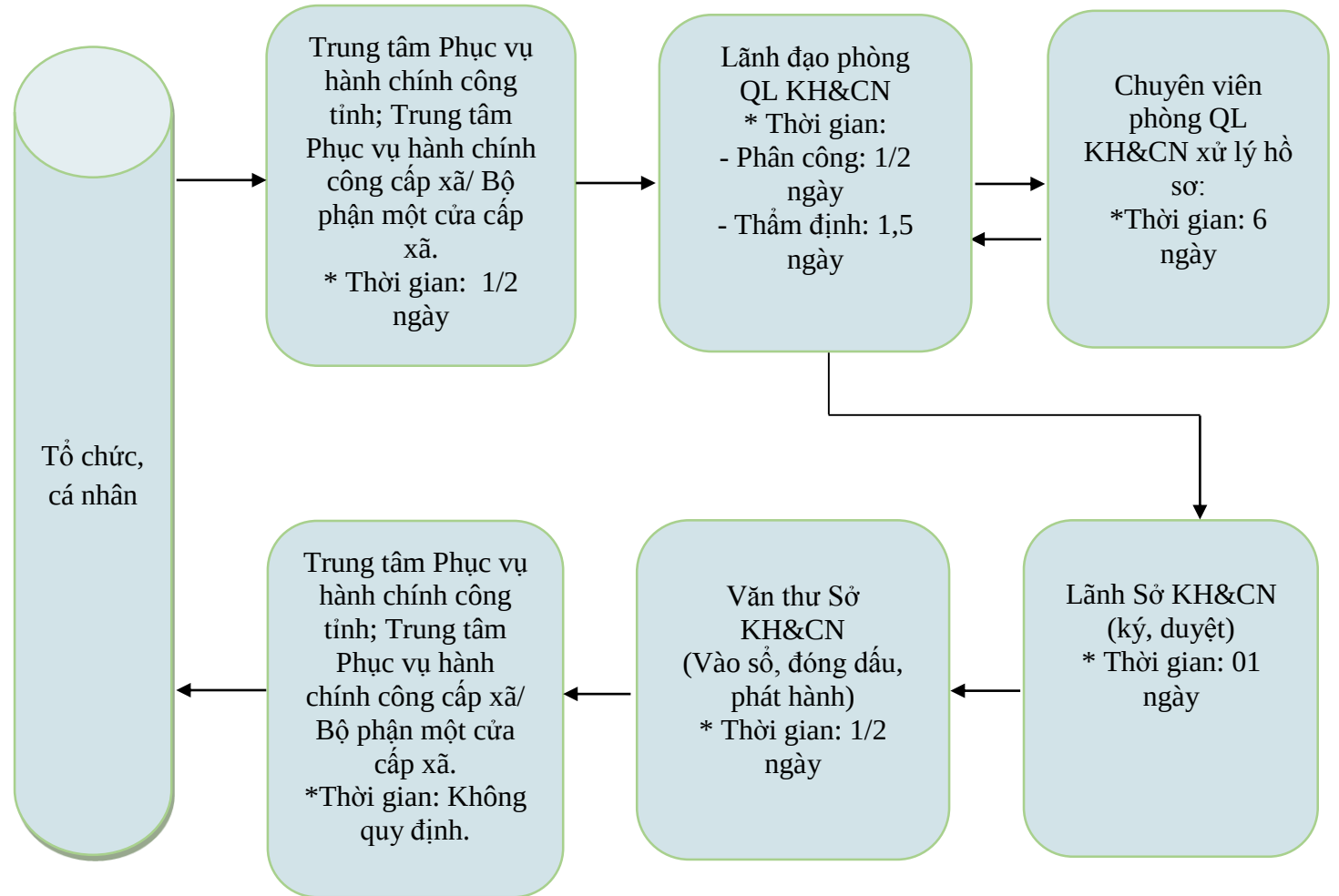


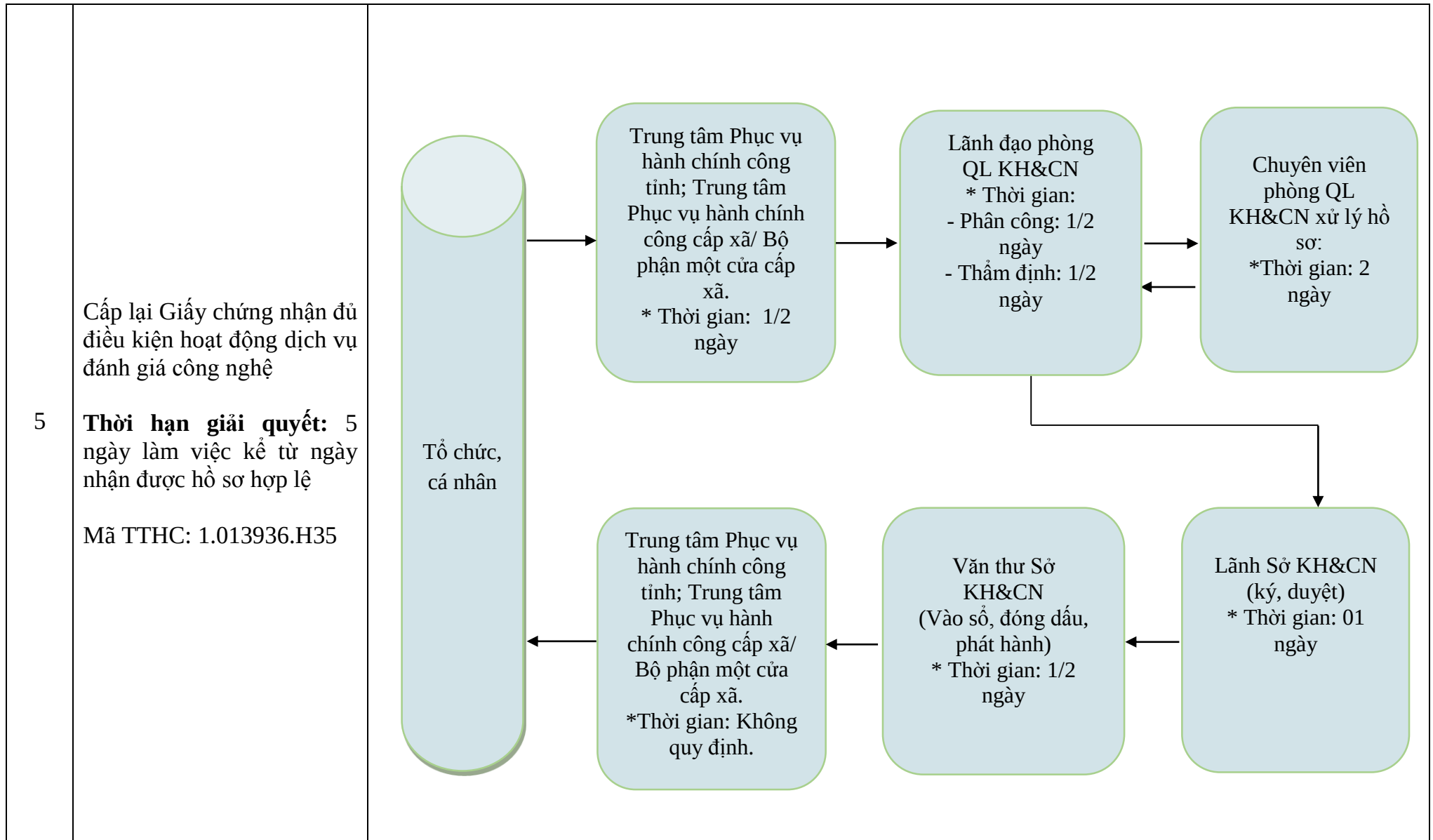
4

Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.

Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

Mã TTHC: 1.013933.H35





6

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ
Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

Mã TTHC: 1.013939.H35

